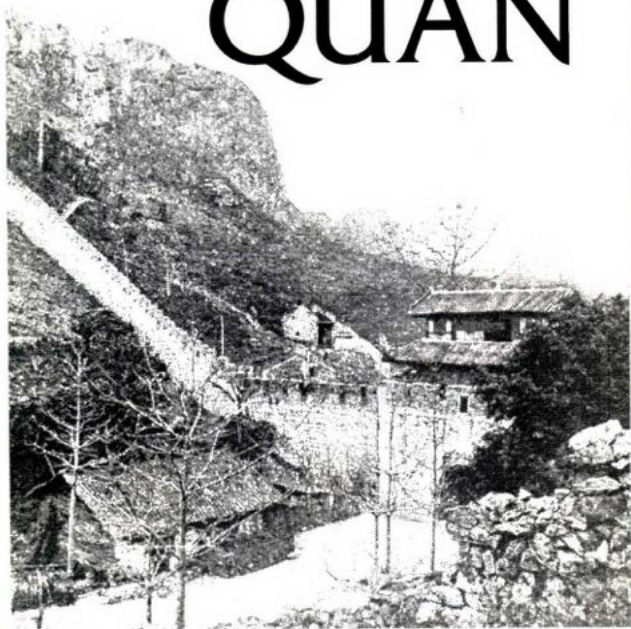


TRẦN GIA PHỤNG

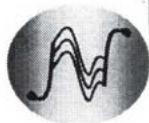
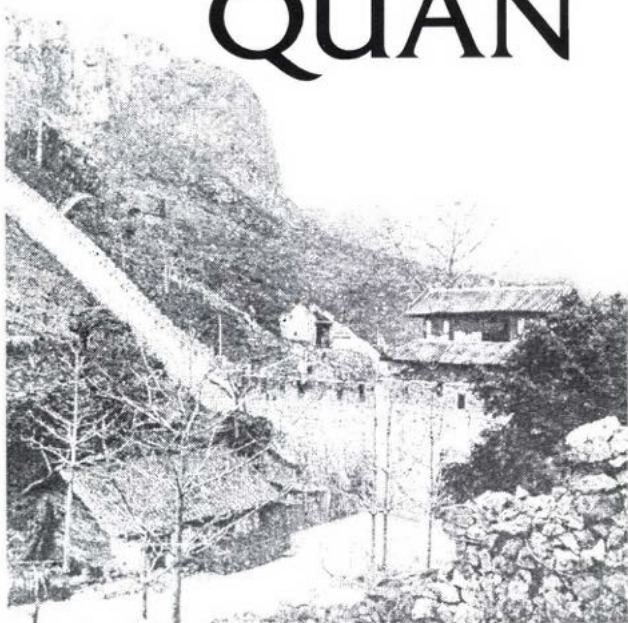
ẢI NAM QUAN



Nhà xuất bản NON NƯỚC
Toronto, 2002

TRẦN GIA PHỤNG

ẢI NAM QUAN



Nhà xuất bản NON NƯỚC
Toronto, 2002

ẢI NAM QUAN

Copyright (©) 2002 by Trần Gia Phụng

ISBN: 0 - 9681374 - 8 - 2

All rights reserved

Printed in Toronto, Canada

Liên lạc:

Trần Gia Phụng
Nxb. NON NƯỚC
P.O. Box 63015
1655 Dufferin Street
Toronto, ON M6H 4H8
C A N A D A

Hình bìa: Ải Nam Quan. Hình của Heliog Dujardin, trích từ Louis Salaun, *L'Indochine*, Imprimerie Nationale, Paris, 1903, phụ bản không đề trang.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	7
Ải Nam Quan trong lịch sử	9
Văn thơ về ải Nam Quan	65
30-4-1975: Tiền đề của sự cố ải Nam Quan	77
30 tháng 4, thử nhìn lại	107
Nhân vật	127
Danh mục	129
Tài liệu tham khảo	132

HÌNH ẢNH và BẢN ĐỒ

Hình ải Nam Quan trước năm 1903	14
Bản đồ các hướng tiến quân từ Trung Hoa tấn công nước ta	15
Hình ải Nam Quan năm 2001	27
Bản đồ phân chia vịnh Bắc Việt theo hiệp ước ngày 25-12-2000	28

LỜI NÓI ĐẦU

Ái Nam Quan là một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam. Hầu như người Việt Nam nào lớn lên cũng đều thuộc câu mở đầu trong bài học vỡ lòng về địa lý Việt Nam: “*Nước Việt Nam trải dài từ Ái Nam Quan đến mũi Cà Mau.*”

Vừa qua, tin tức loan truyền nhanh chóng là Ái Nam Quan đã bị nhà cầm quyền Hà Nội nhượng cho Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa. Điều này làm cho mọi người Việt Nam vừa sửng sốt, vừa buồn phiền và cả vừa phẫn nộ. Tập sách nhỏ bạn đọc đang cầm trong tay nhằm trình bày tổng quát vấn đề nóng bỏng này.

Mở đầu, bài “Ái Nam Quan trong lịch sử” viết về lịch sử Ái Nam Quan và diễn tiến đưa đến việc nhà cầm quyền cộng sản trong nước nhượng Ái Nam Quan cho bắc phương. Bài “30-4-1975: tiền đề đưa đến sự cố Ái Nam Quan” phân tích nguyên nhân sâu xa và lâu dài của việc mất Ái Nam Quan. Nhân cơ hội trình bày về biến cố 30-4-1975, đã đến lúc người Việt thử nhìn lại biến cố này để khẳng định “ai thắng ai”, và từ đó nhìn về tương lai của đất nước một cách lạc quan hơn. Bên cạnh ba bài chính, sách này sưu tầm lại hai áng thơ của Trần Tuấn Kiệt và Hoàng Cẩm về câu chuyện hai cha con Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi từ biệt nhau ở cửa Nam Quan, rất cảm động và hùng tráng.

Tập sách nhỏ này không khỏi tránh được sai sót. Người viết mong được độc giả góp ý để sửa đổi.

Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý bậc trưởng thượng, bạn bè gần xa đã giúp đỡ tài liệu, đọc và góp ý sửa lại bài viết, và khuyến khích chúng tôi xuất bản tập sách nhỏ này.

Trần Gia Phụng
(Toronto, 1-3-2002)

ẢI NAM QUAN TRONG LỊCH SỬ

1.- VỊ TRÍ VÀ KIẾN TRÚC

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, bộ sách địa lý toàn quốc sau khi vua Gia Long thống nhất đất nước, do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn xong vào giữa thế kỷ 19 dưới triều vua Tự Đức, ải Nam Quan “*cách tỉnh thành [Lạng Sơn] 31 dặm về phía bắc,*^[1] *thuộc châu Văn Uyên, phía bắc giáp châu Bằng Tường tỉnh Quảng Tây nước Thanh, tức là chỗ mà người Thanh gọi Trấn Nam Quan. Cửa này dựng từ năm Gia Tĩnh nhà Minh,*^[2] *đến năm Ung Chính thứ 3 [1725] nhà Thanh,*^[3] *án sát tỉnh Quảng Tây là Cam Nhữ Lai tu bỏ lại có tên nữa là “Đại Nam Quan”, phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường, gồm 119 trượng,*^[4] *cửa quan đặt ở quãng giữa có biển đề “Trấn Nam Quan”, dựng từ năm Ung Chính thứ 6 [1728] triều Thanh, có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở. Bên trên cửa có trùng đài, biển đề 4 chữ “Trung ngoại nhất gia”, dựng từ năm tân sùu [1781] đời Càn Long nhà Thanh.*^[5] *Phía bắc cửa có “Chiêu đức đài”, đằng sau đài có “Đình tham đường” (nhà giữ ngựa) của nước Thanh; phía nam có “Ngưỡng đức đài” của nước ta, bên tả bên hữu, có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan thì dùng chỗ này làm nơi tạm nghỉ.”*⁶

Sau khi mô tả ải Nam Quan, các sử quan nhà Nguyễn đã đưa ra nhận xét như sau: “*Trấn Nam Quan không rõ bắt đầu từ triều đại nào, trong Nam sử cũng như Bắc sử đều không có minh văn. Khoảng đời Lê Cảnh Hưng,*^[7] *đốc trấn Lạng Sơn Nguyễn Trọng Đang sửa lại “Ngưỡng đức đài”, lập bia ghi việc đại lược nói: “Nước Việt ta có Ngũ Lĩnh, quan ải trước ở đâu không rõ, là vì diên cách thế nào không ghi đủ. Gần đây, lấy địa giới châu Văn Uyên trấn Lạng Sơn làm cửa quan, cửa quan có “Ngưỡng đức đài”*

không rõ dựng từ năm nào, có lẽ bắt đầu từ đời Gia Tĩnh nhà Minh.” Văn bia ấy nay vẫn còn.”⁸

Dựa theo văn bản trên đây của nhà Nguyễn, ải Nam Quan gồm hai phần kiến trúc: Thứ nhất, phần kiến trúc do chính quyền Trung Hoa xây dựng từ thế kỷ 16 gồm có cửa quan và những cơ sở phụ thuộc phía bắc ải (phía ngoài ải nếu nhìn từ Việt Nam). Thứ nhì, phần kiến trúc do chính quyền Đại Việt xây dựng phía nam ải (phía trong ải nếu nhìn từ Việt Nam), gồm có “Ngưỡng đức đài” và hai dãy hành lang tả hữu, và có bia được lập vào thế kỷ 18 ghi địa giới hai nước.

Danh từ “Nam Quan” do triều đình Trung Hoa đặt, có nghĩa là cánh cửa mở xuống hay đi xuống phía nam. Chữ “Đại Nam Quan” do án sát tỉnh Quảng Tây (Trung Hoa) Cam Nhữ Lai đặt năm 1725 có thể có hai nghĩa: thứ nhất là cửa ải lớn đi về phương Nam; thứ nhì là cửa ải đi vào nước Đại Nam. Lúc đó, nước chúng ta chưa có quốc hiệu Đại Nam. Quốc hiệu này chỉ xuất hiện năm 1838 dưới đời vua Minh Mạng. Do đó, chữ “Đại Nam Quan” có lẽ chỉ là cánh cửa lớn đi về phương Nam, vì lúc đó, ngoài Đại Nam Quan, còn có nhiều cửa khác nữa, mà không lớn bằng.

Về phía nước ta, các bộ chính sử như *Đại Việt sử ký toàn thư* hay *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* đều không gọi ải này là ải Nam Quan mà chỉ gọi là ải Pha Luỹ. Có thể đây là vấn đề quốc thể vì “Nam Quan” là chữ do Trung Hoa đặt, và cũng có thể lúc đó từ “Nam Quan” chưa được đặt ra.⁹

Có lẽ cần chú ý, khi xây dựng cửa ải Nam Quan, chẳng những triều đình Trung Hoa chính thức xác nhận đây là biên giới phía nam của nước Trung Hoa, mà còn để bảo vệ biên giới của Trung Hoa, chống lại sự tấn công hay xâm nhập của Đại Việt, giống như Nhạn Môn Quan¹⁰ vừa để đánh dấu cửa ải cực bắc Trung Hoa, vừa để ngăn ngừa những cuộc đột kích của các dân tộc phương bắc.

Đến thời chế độ cộng sản, Mao Trạch Đông đổi tên ải Nam Quan thành “Mục Nam Quan” (cửa để hòa thuận với phương nam), còn Hồ Chí Minh thì gọi là “Hữu Nghị Quan”(cửa hữu nghị),¹¹ nhưng hữu nghị như thế nào, ngày nay vừa mới có câu trả lời qua *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* ngày 30-12-1999.

2.- SỰ QUAN TRỌNG CỦA ẢI NAM QUAN

Những nhà cầm quyền Trung Hoa nhiều lần đưa quân sang xâm lược nước ta, nhất là trong những lúc nước ta loạn lạc, suy yếu. Quân đội xâm lược Trung Hoa tiến sang nước ta bằng hai đường: đường biển và đường bộ.

Trên biển, năm 938, vua Nam Hán¹² là Lưu Cung sai con là Hoàng Tháo mang chiến thuyền vượt biển, theo sông Bạch Đằng¹³ tiến vào nội địa nước ta, đã bị Ngô Quyền phục binh chặn đánh. Hoàng Tháo tử trận; Lưu Cung phải ra lệnh bãi binh. Về sau, các đoàn quân xâm lược Trung Hoa cũng có dùng đường biển, nhưng chỉ là mũi tấn công phụ bên cạnh đường bộ. Ngày xưa, vũ khí thô sơ, không có xe cộ tàu bè hiện đại, ghe thuyền đường biển chỉ để vận lương và chở bộ binh, chứ khó đưa được ngựa sử dụng trong kỵ binh.

Trên bộ, núi non trùng điệp giăng ngang biên giới giữa hai nước. Chỉ có một cuộc hành quân duy nhất dọc duyên hải do Mã Viện thực hiện năm 41, khi ông vâng lệnh Hán Quang Võ đem quân sang đánh Hai Bà Trưng. Mã Viện đi dọc theo bờ biển Quảng Đông, xuống bờ biển cổ Việt, rồi xuyên qua núi non vùng Đông Triều, tiến về phía tây, tấn công Hai Bà Trưng tại Mê Linh, Châu Diên (vùng Phúc Yên, Sơn Tây ngày nay).¹⁴

Con đường này xa mà không tránh được núi non, nên về sau các nhà quân sự Trung Hoa chọn con đường tương đối thuận lợi là các thung lũng chạy dọc theo các dòng sông, từ Trung Hoa qua Việt Nam giữa biên giới hai nước.

Có hai con đường chánh: Thứ nhất, từ Tư Minh, Bằng Tường (Quảng Châu, Trung Hoa), theo thung lũng các sông nhỏ như Bằng Giang, Kỳ Cùng, vào Lạng Sơn, xuống thung lũng sông Thương, đến Bắc Ninh, tiến qua Thăng Long. Thứ nhì, từ Vân Nam, theo thung lũng sông Hồng, xuống Thăng Long. Đường thứ nhì núi non hiểm trở, dài hơn và khó đi hơn đường thứ nhất, nghĩa là đường thung lũng sông Hồng không thuận tiện bằng đường thung lũng sông Thương.

Như thế, Lạng Sơn nằm ngay trên con đường chiến lược quan trọng chính của những cuộc hành quân xâm lăng của Trung Hoa tiến vào Việt Nam. Muốn tiến vào Lạng Sơn, quân đội bắc phương phải tiến ngang qua một ngọn đèo, và **trên ngọn đèo đó là ải Nam Quan**. ải Nam Quan nằm ở địa đầu của Lạng Sơn, là tiền đồn ngăn chặn những cuộc xâm lăng từ bắc phương và cũng là chiến địa của những trận giao tranh đẫm máu, ghi dấu những chiến tích lẫy lừng của quân dân Việt Nam.

Xin hãy chú ý đến cách mô tả địa thế ải Nam Quan trong *Đại Nam nhất thống chí*: “... phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường...” Hai bên là hai dãy núi, ở giữa là lối đi qua ải, phía bắc chính quyền Trung Hoa xây công sự, phía nam, là các công trình kiến trúc nước ta. Đó là con đường đèo chật hẹp, nếu chặn ngay tại đường đèo này, nghĩa là chặn ngay cửa ải, thì bắc phương rất khó tiến quân.

* Cuộc tiến quân xâm lăng bằng đường Lạng Sơn đầu tiên diễn ra năm 981. Nguyên vào năm 979, Đinh Bộ Lĩnh bị ám sát, con là Đinh Tuệ, mới 6 tuổi lên ngôi tức Đinh Phế Đế. Nhận thấy tình hình Đại Cồ Việt xáo trộn, năm 980 vua Trung Hoa là Tống Thái Tông phong cho Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ, còn các tướng Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trường, Giả Thực làm binh mã đô bộ thự; tất cả sửa soạn quân lương lên đường sang xâm lấn Đại Cồ Việt. Quân Tống

chia làm hai đường thủy bộ tiến vào nước ta năm 981 (tân ty). Đường bộ do Hầu Nhân Bảo cùng Tôn Toàn Hưng tiến theo ngã Lạng Sơn, còn đường thủy do Trần Khâm Tộ và Lưu Trưng từ mặt biển tiến vào bằng đường sông Bạch Đằng.

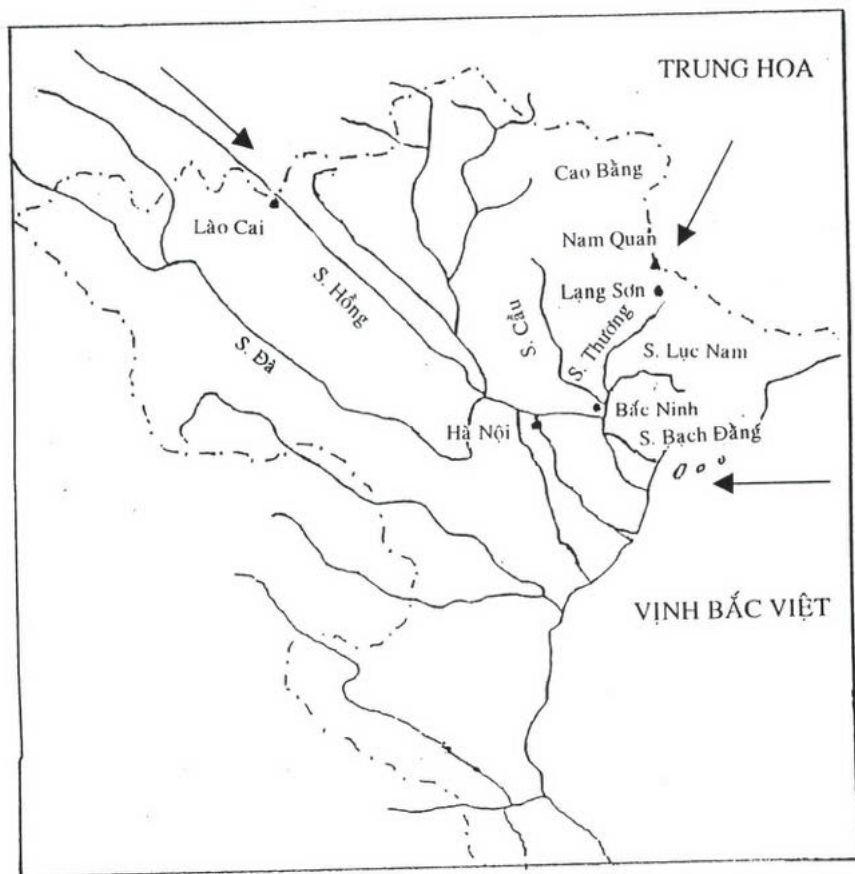
Nhân cơ hội này, Lê Hoàn tổ chức đảo chánh, tự mình lên làm vua. Nhà vua tự làm đại tướng cầm quân chống giặc, cũng chia quân làm hai hướng để ngăn cản đường tiến quân của nhà Tống. Sử sách chỉ viết rằng Hầu Nhân Bảo bị phục kích ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn). Trước khi muốn tiến đến Chi Lăng, có thể phải qua ải Nam Quan. Hầu Nhân Bảo trúng kế trá hàng, bị bắt giết. Quân Việt phản công mạnh mẽ, quân Tống thiệt hại nặng, hai bộ tướng của Hầu Nhân Bảo là Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân bị bắt. Sau trận Chi Lăng, các lực lượng thủy bộ của nhà Tống đều rút lui.

* Việc giao thiệp giữa Đại Việt và Trung Hoa càng thẳng trở lại khi tể tướng nhà Tống là Vương An Thạch muốn mưu tìm một chiến công ở ngoài biên cương để hỗ trợ chính sách cải cách ở trong nước của ông ta. Triều đình nhà Lý ở Đại Việt dò biết được những chuẩn bị của Trung Hoa, gửi thư sang hỏi nhà Tống, thì bị đim đi. Do đó, vào cuối năm 1075 qua đầu năm 1076, triều đình Đại Việt quyết định cử Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem mười vạn quân theo hai đường thủy bộ tấn công trước, đánh Khâm Châu và Liêm Châu (thuộc Quảng Đông ngày nay), Ung Châu (tức Nam Ninh thuộc Quảng Tây ngày nay), lấy cửa rồi rút lui.

Tháng chạp năm bính thìn (qua đầu năm 1077), vua Trung Hoa là Tống Thần Tông sai Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ và Triệu Tiết làm phó chiêu thảo sứ, đem quân sang trả thù, đồng thời ước hẹn với Chiêm Thành và Chân Lạp (Chen-la tức Cambodia) cùng một lần đem quân đánh Đại Việt từ hai mặt. Các bộ chính sử không viết rõ, nhưng theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong sách *Lý Thường Kiệt*, có thể Quách Quỳ đã qua đường Nam Quan, xuống Chi Lăng để tấn công thủ đô Thăng Long.¹⁵



ẨM NAM QUAN, hình của Heliog Dujardin, trích từ Louis Salaun, *L'Indochine*, Imprimerie Nationale, Paris, 1903, phụ bản không đề trang. (Chú ý: Hình chụp từ phía Việt Nam, nhìn qua Trung Hoa, công trình kiến trúc Việt Nam nằm sát ngay cửa ải, chứng tỏ biên giới nằm ngay tại cửa ải.)



Các hướng tiến quân tấn công nước ta
của các nhà cầm quyền Trung Hoa

Lý Thường Kiệt chặn quân Tống ở sông Như Nguyệt (sông Cầu chảy qua xã Như Nguyệt, Bắc Ninh). Quách Quỳ chuyển quân đến khúc sông Phú Lương (sông Hồng ở Thăng Long). Lý Thường Kiệt tiếp đánh nhưng thế giặc rất mạnh; máy bắn đá của địch phá nhiều chiến thuyền, và làm cho hàng ngàn binh sĩ nước ta tử trận. Sợ binh sĩ nãn lòng, Lý Thường Kiệt phao tin có thần nhân báo mộng cho bốn câu thơ: "*Nam quốc sơn hà nam đế cư, / Tiệt nhiên định phận tại thiên thư. / Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, / Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*" (Hoàng Xuân Hãn dịch: "*Sông núi nước Nam vua Nam coi, / Ranh ranh phân định ở sách trời. / Có sao lũ giặc sang xâm phạm, / Bay sẽ tan tành chết sạch toi.*")

Quân lính Đại Việt nghe được những câu thơ này đều hăng hái đánh giặc. Lực lượng nhà Tống bị chặn đứng. Hai bên cầm cự với nhau bất phân thắng bại. Triều đình nhà Lý đề nghị bãi binh. Nhà Tống thấy khó thắng, đồng thời binh sĩ ở lại lâu không hạp thủy thổ, đành chấp thuận.

* Làm chủ toàn bộ Trung Hoa sau khi vị vua cuối cùng của nhà Tống là Quảng Vương tự tử năm 1279, Hốt Tất Liệt (Qubilai) tức Nguyên Thế Tổ muốn mở mang đế quốc, tìm đường chinh phục các nước Đông Nam Á. Quân Nguyên đã ba lần xâm lăng Đại Việt, trong đó hai lần quân Nguyên tiến qua ải Nam Quan.

Lấy cớ mượn đường xuống Chiêm Thành, ngày 12-7 năm giáp thân (24-8-1284), Nguyên Thế Tổ cử thái tử là Trấn Nam Vương Thoát Hoan (Toyan), với sự phụ tá của tướng A Lý Hải Nha (Ariq-Qaya), cầm quân đánh Đại Việt. Vào đầu 1285, quân Nguyên tấn công Đại Việt bằng ba hướng khác nhau. Thứ nhất, Thoát Hoan dẫn bộ binh tiến vào nước ta bằng đường Lạng Sơn, nhằm chiếm Thăng Long. Thứ nhì, tướng Nạp Tốc Lạt Đinh (Nasirud-Din) dẫn bộ binh từ Vân Nam theo đường sông Chảy đi xuống, và thứ ba, Toa Đô (Sogatu) dẫn thủy quân từ bờ biển

Chiêm Thành đánh lên Đại Việt. Ba cánh quân Nguyên tạo thành thế gọng kìm, giáp công ba mặt, ép quân Việt vào ở giữa.

Trước sức chống trả mãnh liệt của quân dân Đại Việt, quân Nguyên thất bại, Thoát Hoan rút lui cũng bằng đường bộ, qua Vạn Kiếp,¹⁶ thì bị tướng Nguyễn Khoái đổ quân ra tiêu diệt. Các tướng Nguyên phải dùng đồ đồng bao bọc Thoát Hoan, rồi bỏ ông ta lên xe đẩy về biên giới, lại bị tướng Trần Quốc Nghiễn phục binh lần nữa, mới thoát thân.

Nguyên Thế Tổ rất căm giận, ra lệnh động binh trở lại vào tháng 2 năm mậu tuất (1287). Tổng chỉ huy quân Nguyên vẫn là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, dưới quyền có các tướng Áo Lỗ Xích (Aruyvci), Ô Mã Nhi (Omar), Trình Bằng Phi (một viên tướng nhà Tống đầu hàng nhà Nguyên), Phàn Tiếp, Trương Văn Hồ. Lần này, quân Nguyên cũng tấn công nước ta bằng đường bộ và đường biển. Trên bộ, quân Nguyên chia làm hai cánh: Thoát Hoan từ Quảng Tây tiến xuống Lạng Sơn, và Áo Lỗ (Aruq) từ Vân Nam theo đường sông Hồng tràn qua. Đường biển, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp dẫn quân đi trước, Trương Văn Hồ chuyên chở lương thực theo sau.

Không khác gì lần trước, quân Nguyên lại thất bại, thủy quân vận lương bị đánh tan ở Vân Đồn (Quảng Yên), Thoát Hoan rút quân bằng đường bộ. Tại cửa ải Nội Bàng,¹⁷ tướng Phạm Ngũ Lão phục binh làm nhiều đoạn, đổ quân ra đánh đuổi Thoát Hoan. Các tướng Trương Quân, A Bát Xích, Trương Ngọc tử trận; chỉ có Thoát Hoan, Trình Bằng Phi và Áo Lỗ Xích về được Trung Hoa.

* Năm 1407, gia đình Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Trừng, Hồ Hán Thương bị quân Minh bắt ở Hà Tĩnh. Quân Minh không giết cha con Hồ Quý Ly mà chỉ giải về Trung Hoa. Trong số những vị quan bị giải theo gia đình Hồ Quý Ly, có Nguyễn Ứng Long, tức Nguyễn Phi Khanh, thân phụ của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi bị rịt đưa tiễn cha lên tận ải Nam Quan. Tại đây, Nguyễn Phi Khanh nói với con: "*Con phải về nhà mà lo trả thù*

cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo mà khóc lóc làm gì.”¹⁸ Sau đó, Nguyễn Trãi đã giúp Lê Lợi kháng chiến chống quân Minh và đạt được thành công năm 1428.

* Tháng 6 năm đinh mùi (1427), nhà Minh cử Quảng Tây Chinh Nam Đại tướng quân Trấn Viễn Hầu Cố Hưng Tổ đem 5 vạn quân từ Quảng Tây sang cứu viện quân Minh đang thất bại trước sức phản công của nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Cố Hưng Tổ đi vào cửa ải Pha Luỹ (Nam Quan), bị hai tướng Trần Lựu và Lê Bôi đánh tan phải chạy về.

Nhà Minh liền cử Tổng binh An Viễn Hầu Liễu Thăng đem 10 vạn tinh binh vượt ải Pha Luỹ (Nam Quan) tháng 9 cùng năm. Trần Lựu liệu thế không chống nổi, phải rút lui về ải Chi Lăng. Tại đây, tướng Lê Sát sai tướng Trần Lựu cầm quân ra trận, rồi giả vờ thua bỏ chạy. Liễu Thăng rượt theo, lọt vào ổ phục binh, bị nghĩa quân giết chết ở núi Mã Yên (tức núi Yên Ngựa).¹⁹

* Tháng 8 năm canh tý (1540), Thái Tông Mạc Đăng Doanh qua đời, con là Phúc Hải lên thay tức Mạc Hiến Tông. Cuối năm đó, nhà Minh cử Cừu Loan và Mao Bá Ôn đem quân đến cửa ải Nam Quan, buộc họ Mạc phải tự đến cửa ải đầu hàng.

Lúc đó, thượng hoàng Thái Tổ Mạc Đăng Dung thay cho cháu (vua Mạc Hiến Tông) lên ải Nam Quan thương thuyết vào tháng 11 năm canh tý (1540). Nội dung cuộc hòa hội này không được ghi chép cụ thể, nhưng chắc chắn trong thế yếu, Mạc Đăng Dung phải chịu nhượng bộ và hối lộ để Mao Bá Ôn chịu thỏa hiệp lui quân.

Về vấn đề biên giới, trong tờ trình lên triều đình nhà Minh ngày 20 tháng 10 năm tân sửu (1451), Mao Bá Ôn viết rằng Mạc Đăng Dung đồng ý “trả lại đất bốn động đã chiếm”.²⁰ Theo lối nói của Mao Bá Ôn, có nghĩa là bốn động đó vốn thuộc Trung Hoa, bị Đại Việt chiếm đóng, nay nhà Mạc chịu trả lại. Tuy nhiên, mục “Bản kỷ tục biên” bộ *Dại Việt sử ký toàn thư* lại viết

khác, cho rằng Mạc Đăng Dung đã “*dâng các động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù của châu Vĩnh An, trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu.*”²¹ Dầu đã cắt bốn hay năm động của thổ dân giao cho Trung Hoa, nhà Mạc vẫn giữ ải Nam Quan thuộc về Đại Việt.

* Năm 1788, theo lời cầu viện của mẫu thân của Lê Chiêu Thống, vua Trung Hoa là Thanh Cao Tông tức Càn Long cử tổng đốc Lương Quảng là Tôn Sĩ Nghị cầm đại quân sang Đại Việt, đi bằng ba ngã: Tôn Sĩ Nghị cùng Hứa Thế Hanh vào cửa Nam Quan, qua Lạng Sơn đi xuống, Sâm Nghi Đống đi qua đường Cao Bằng, và đề đốc Vân Nam Ô Đại Kinh vào đường Tuyên Quang.²² Đoàn quân viễn chinh nhà Thanh bị vua Quang Trung đánh tan tác, phải chạy về vào đầu năm kỷ Dậu (1789).

* Từ ngày 17-2-1979, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (CHNDTH) tung trên 200.000 quân tấn công Việt Nam ở sáu tỉnh biên giới: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh, và đã chiếm được các thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn. Bộ binh Trung Hoa qua Lào Cai bằng thung lũng sông Hồng, qua Cao Bằng theo thung lũng sông Bằng (Bằng Giang), và qua Lạng Sơn theo thung lũng sông Kỳ Cùng, vào ải Nam Quan. Sau khi rút quân ngày 5-3-1979, quân Trung Hoa vẫn chiếm giữ vùng đất phía nam ải Nam Quan, và trạm hải quan (quan thuế) của Việt Nam phải dời xuống phía nam ải này, sâu trong lãnh thổ nước ta.

Như thế, cho đến cuối thế kỷ 20, ải Nam Quan là cửa ải chính thức phân chia ranh giới giữa hai nước Việt Nam và Trung Hoa. Những cuộc xâm lăng của các triều đình Trung Hoa đều bị đẩy lui. ải Nam Quan trở thành biểu tượng độc lập thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Quốc lộ 1 xuyên suốt từ bắc xuống nam nước ta, bắt đầu từ ải Nam Quan xuống mũi Cà Mau. Khi xây dựng quốc lộ 1, cột mốc đầu tiên đặt ở Nam Quan, được đánh dấu là cột mốc số 0. Những bài học lịch sử hay địa lý Việt Nam đều

mở đầu bằng câu: “*Nước Việt Nam trải dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.*”

3.- HAI HIỆP ƯỚC VỀ BIÊN GIỚI

Từ tháng 5-1975, nước Việt Nam do đảng Cộng Sản (CS) cai trị. Đảng CS tổ chức và điều khiển nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN).²³ Từ khi đảng CSVN do Hồ Chí Minh thành lập ở Hương Cảng năm 1930, đảng CSVN dựa vào hai thế lực hậu thuẫn chính: đảng CS Liên Xô và đảng CS Trung Hoa (CSTH). Trung Hoa nắm sát biên giới Việt Nam nên đảng CS nước này đã giúp đỡ hữu hiệu cho đảng CSVN, nhưng lợi bao nhiêu thì cũng sẽ hại bấy nhiêu.

Sau khi chiếm được lục địa Trung Hoa, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập CHNDTH ngày 10-10-1949. Từ đó, CHNDTH chẳng những gửi cán bộ, quân đội, vũ khí sang giúp CSVN, mà còn cho quân đội CSVN chạy trốn sang biên giới Trung Hoa khi bị quân đội Quốc Gia và quân đội Pháp truy đuổi trong cuộc chiến tranh 1946-1954.²⁴

CSTH dần dần đưa người đến định cư và tràn lấn qua biên giới Việt Nam. Việt Minh cộng sản đồng lõa với hành động trên, để dễ trà trộn, lẫn trốn khi lâm nguy. Từ đó, người Hoa hiện diện càng ngày càng đông tại các động hay các làng mạc dọc theo biên giới Hoa Việt. Theo tiết lộ của ông Vũ Khoan, Bộ trưởng Bộ Thương mại Hà Nội, trong bài viết “Mốc mới trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc”, đăng trên tạp chí *Cộng Sản*, số Tết Canh Thìn (2000) thì ngay từ lúc đó (1949), đã có “*một số lần ... trao đổi ý kiến, đàm phán về vấn đề biên giới.*”²⁵

Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam năm 1975, cộng sản Hà Nội không còn theo chính sách ngoại giao đu dây thăng bằng giữa Liên Xô và CHNDTH, mà ngã hẳn về phía Liên Xô. Ngày 27-6-1978, tại Bucharest, thủ đô Romania, CHXHCNVN gia nhập

khối COMECON (Council for Mutual Economic Assistance tức Hội đồng Tương trợ Kinh tế).²⁶ Trong cuộc họp của khối này tại thủ đô Mông Cổ là Oulan Bator từ 27-9 đến 1-10-1978, các nước trong khối COMECON hứa hẹn sẽ giúp CHXHCNVN thực hiện những kế hoạch kinh tế và kỹ nghệ mà CHNDTH bỏ dở.²⁷ Ngày 3-11-1978, Lê Duẩn sang Liên Xô và ký với Leonid Brezhnev, *Hiệp ước Hai mươi lăm năm Hối tương và Phòng thủ* giữa hai nước.

Dựa vào hậu thuẫn của Liên Xô, cộng sản Việt Nam xua quân xâm lăng Cambodia, chiếm thủ đô Phnom Penh ngày 7-1-1979. Việc làm này của CSVN nhắm hai mục đích: đối ngoại là bành trướng ảnh hưởng qua Cambodia để mưu làm bá chủ Đông Dương, và kiếm đường đánh xuống Thái Lan; đối nội là tung các sư đoàn miền Nam qua Cambodia. Các sư đoàn này gồm những thanh niên mới tuyển “nghĩa vụ quân sự” ở miền Nam sau 1975. Tung thanh niên miền Nam qua Cambodia để làm tiêu hao tiềm lực miền Nam, khiến cho dân chúng miền Nam phải lo chuyện chiến tranh, mà không chống đối chính sách thất nhân tâm của Hà Nội.

Nhà cầm quyền Cambodia lúc đó do đảng CSTH đỡ đầu. Viện cố Việt Nam xâm lăng Cambodia, CHNDTH quyết định trả đũa và “dạy” cho Việt Nam một bài học. Bài học này không phải thuần túy vì vấn đề Cambodia. Bài học này còn liên hệ đến ba việc: 1) Thứ nhất, Cambodia là cửa ngõ để CHNDTH tiến xuống Đông Nam Á. Khi Việt Nam xâm chiếm Cambodia, có nghĩa là Việt Nam chặn đứng con đường bành trướng của CHNDTH xuống vùng vịnh Thái Lan để hướng đến các nước tại đây. 2) Thứ nhì, khi bỏ CHNDTH, chạy theo Liên Xô và ký kết hiệp ước 1978, tập đoàn lãnh đạo CS Hà Nội đã mặc nhiên bỏ luôn những cam kết ngầm với CSTH trong lúc nhận những viện trợ to lớn của Trung Hoa để tiến hành hai cuộc chiến 1946-1954 và 1954-1975, mà con số này lên đến 20 tỷ Mỹ kim (xin xem sau). Thứ ba, tuy bề ngoài Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á tỏ ra chống

lại việc Trung Hoa tấn công Việt Nam, nhưng họ cũng ngầm ngầm đồng tình với Trung Hoa chặn đứng tham vọng quá lớn của CSVN sau khi CSVN chiếm được toàn cõi Việt Nam năm 1975.

Trong lúc CHXHCNVN bước vào cuộc phiêu lưu quân sự ở Cambodia, thì CHNDTH đạt được hai thắng lợi ngoại giao quan trọng: 1) Ngày 12-8-1978, CHNDTH cùng Nhật Bản ký kết *Hiệp ước Hoà bình Hữu nghị Hoa Nhật* giá trị trong mười năm và sẽ tái tục. Hiệp ước này đã điều hoà thế thăng bằng chiến lược khu vực Đông Bắc Á giữa tứ cường Mỹ, Nhật, Nga, Hoa. 2) Hoa Kỳ chính thức bình thường hoá bang giao với CHNDTH kể từ 1-1-1979, sau đó Đặng Tiểu Bình được đón tiếp nồng nhiệt khi ông viếng thăm Hoa Kỳ từ 28-1 đến 4-2-1979.

Tạm ổn với hai cường quốc Mỹ, Nhật, CHNDTH qua lời của Đặng Tiểu Bình, quyết định sẽ “dạy” cho Việt Nam một bài học. Phải chăng bài học này còn liên hệ đến thế quân bình khu vực Đông Nam Á trước sự hiếu chiến và hung hãn của CHXHCNVN sau năm 1975? Các nhà lãnh đạo CSVN lúc đó đang nuôi tham vọng thống trị Đông Dương và bành trướng xuống các nước vùng vịnh Thái Lan và biển Indonesia.

Ngày 17-2-1979, CHNDTH đưa trên 200.000 quân tấn công CHXHCNVN ở sáu tỉnh biên giới. Có nơi quân CHNDTH tiến sâu vào nội địa Việt Nam 40 cây số. Sau khi phá nát vùng này,²⁸ quân Trung Hoa rút về ngày 5-3-1979. Điều đáng nói là trong khi đánh nhau, quân CHNDTH đã phá huỷ những cột mốc biên giới có từ thời Pháp thuộc, rồi dựng lại những cột mốc biên giới mới. Trong khi dựng lại, quân cộng sản Trung Hoa đã dời nhiều cột mốc biên giới sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Một thông tin mới cho biết “số cột mốc được dựng chôn từ thời Pháp-Thanh còn nguyên vẹn (nguyên cả cột lẫn vị trí) trên dưới 50, số cột mốc thời Pháp-Thanh nhưng đã bị dịch vào biên giới Việt Nam 150-170 chiếc, số cột mốc mới Trung Quốc cho lính mang sang đóng trong biên giới Việt Nam 60-70, số thất thoát 15-30.”²⁹

Sau khi chiến tranh chấm dứt, quân đội CSTH vẫn chiếm giữ một số địa điểm hiểm trở chiến lược trong nội địa Việt Nam. Nói cách khác, quân đội CSTH đã nở rộng biên giới Trung Hoa về phía nam, cũng có nghĩa là Việt Nam mất đi một số đất đai đáng kể. Vì vậy, tại tỉnh Lạng Sơn, trụ sở mới của hải quan (quan thuế) biên giới của Việt Nam phải dời về phía nam “Hữu Nghị Quan” (ải Nam Quan) khoảng hơn nửa cây số.

Về phía Việt Nam, các thành phố vùng biên giới bị phá huỷ hoàn toàn. Nền kinh tế vốn đã suy yếu từ 1975, nay trở nên kiệt quệ. Lúc đó thiên tai lụt lội làm mất mùa liên tiếp, dân tình đói khổ. Kế hoạch đánh phá tư sản do ông Đỗ Mười chỉ huy làm cho việc buôn bán và nền kỹ nghệ ở miền Nam tan nát. Thanh niên bị bắt nhập ngũ và tung ra chiến trường khiến cho công việc sản xuất đình trệ. Việt Nam càng ngày càng sa lầy ở chiến trường Cambodia (1979-1991), tiến không được mà thoái lui lại khó khăn. Liên Xô cũng đang sa lầy ở Afghanistan (1979-1989), nên dần tiếp tục viện trợ quân sự cho Việt Nam, nhưng không dồi dào như trước nữa. Chính vì vậy mà tiềm năng quân sự của CHXHCNVN sau năm 1979 không còn mạnh như sau năm 1975.

Đọc theo biên giới Việt Hoa là địa bàn các thổ dân địa phương sinh sống. Sách sử nước ta thường gọi đây là “động” của các bộ tộc ít người. Trong quá khứ, những bộ tộc này thường nghiêng về Đại Việt hay Trung Hoa tùy theo chính sách của quan lại địa phương. Bên nào nâng đỡ họ thì họ theo. Hiệp ước Pháp Hoa năm 1887 mới định rõ biên giới giữa hai nước. Tuy nhiên các bộ tộc vẫn qua lại làm ăn buôn bán với nhau.

Để thi hành sách lược lấn biên, CHNDTH ve vãn các bộ tộc này và đưa người tràn qua sống lẫn lộn với họ. Trong khi đó, chính sách của nhà nước CHXHCNVN đối với dân chúng thổ cư, các sắc tộc địa phương vùng núi non biên địa, không được hợp lý, thiếu nâng đỡ, nếu không muốn nói là bất công, khiến họ bỏ về phía Trung Hoa. Khi chiến tranh biên giới xảy ra, họ lại bỏ đất,

bỏ làng trốn vào cao nguyên Nam Trung Phần lập nghiệp. Do đó, dọc biên giới Hoa Việt, người Trung Hoa tiến qua sinh sống và khai thác dễ dàng mà không gặp phản ứng của người địa phương.

Tình hình thế giới xoay chuyển mạnh vào cuối thập niên 80, đầu thập niên 90. Chế độ cộng sản tan rã ở các nước Đông Âu vào năm 1989 và 1990 như Ba Lan, Hung Gia Lợi, Bảo Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Nam Tư ... Sau đó, chế độ cộng sản Liên Xô, hậu thuẫn vững vàng của CHXHCNVN, cũng bị sụp đổ vào năm 1991.

Lúc đó, các nhà lãnh đạo đảng CSVN liền thay đổi chính sách ngoại giao: một mặt cầu thân trở lại với CHNDTH và mặt khác kiếm cách giao hảo với Hoa Kỳ, để làm đối trọng với CHNDTH. Trước đây, CSVN đã tố cáo Hoa Kỳ là “tên đế quốc đầu sỏ số một” trên thế giới, và quyết “chống Mỹ cứu nước” cho đến cùng. Đồng thời do những khó khăn về kinh tế, CSVN đưa ra chủ trương mở cửa, trở lại nền kinh tế thị trường, nhưng vẫn cương quyết theo “định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Tổng bí thư đảng CSVN là Nguyễn Văn Linh, cùng Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, bí mật sang CHNDTH thương thuyết vào tháng 9-1990. Sau đó Đỗ Mười (giữ chức từ 1991-1998), mới lên thay Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư, cùng Võ Văn Kiệt, thủ tướng CSVN, sang Bắc Kinh ngày 5-11-1991 chính thức tái lập bang giao giữa hai nước. “Bài học” mà Đặng Tiểu Bình đã “dạy” cho CSVN nay mới hiệu ứng.

Đang là “đồng chí” với nhau, CHXHCNVN bỏ chạy theo Liên Xô hy vọng vỗ nợ (xù nợ) CHNDTH, bị CHNDTH “dạy” cho một bài học nhớ đời, mà vẫn nhẫn nhục quay lại cầu thân, thì phải xuống nước, nhượng bộ. Đảng CSVN và nhà cầm quyền CSVN có gì trong tay để nhượng bộ, ngoài một vấn đề mà từ lâu nay tất cả những nhà cầm quyền Trung Hoa, chứ không riêng gì CSTH, luôn luôn nhắm đến, đó là việc lấn biên, giành đất, giành biển.

Bên cạnh những diễn tiến tình hình bên ngoài, nội bộ của đảng CSVN cũng phức tạp không kém. Các phe phái tranh chấp nhau để giành lấy địa vị lãnh đạo đảng CSVN. Sau khi Lê Duẩn chết năm 1986, Đại hội 6 đảng CSVN trong năm nầy quy định rằng cứ 5 năm tổ chức Đại hội đảng CSVN một lần và bầu lại chức tổng bí thư. Ông Nguyễn Văn Linh giữ chức tổng bí thư từ 1986 đến 1991.

Trong Đại hội 7 đảng CSVN năm 1991, ông Đỗ Mười lên thay. Ngang đây, lớp lãnh đạo cũ quá già nua không còn tiếp tục làm việc được nữa. Trong Đại hội 8 đảng CSVN năm 1996, đáng lẽ ông Đỗ Mười rút lui vì tuổi tác nhưng do nội bộ chia rẽ, nên chưa có lãnh tụ mới, phải đến năm 1998, một nhân vật trước đó không mấy tên tuổi là ông Lê Khả Phiêu lên thay ông Đỗ Mười. Mới giữ chức được 3 năm, tại Đại hội 9 năm 2001, ông Lê Khả Phiêu bị thay thế bằng ông Nông Đức Mạnh. Một viên tổng bí thư toàn quyền sinh sát trong tay mà chỉ giữ chức được có 3 năm chứng tỏ nội bộ tranh giành dữ dội. Đảng CSVN trải qua những cơn sóng gió ngấm ngấm, mà cụ thể nhất là Đại hội 9 được dời lui nhiều lần vì nội bộ chưa sắp đặt xong. Cuối cùng CSVN đã chọn một nhân vật ôn hoà trung dung giữa các phe phái là ông Nông Đức Mạnh làm tổng bí thư. Tại Đại hội nầy, người ta ghi nhận sự hiện diện của ông Hồ Cẩm Đào, Phó thủ tướng CHNDTH, mà dư luận cho rằng ông ta có mặt để ủng hộ ông Lê Khả Phiêu, sau khi ông nầy ra lệnh cho bộ máy cầm quyền CSVN ký kết hai hiệp ước trên bộ và trên biển.

Nhân cơ hội đảng CSVN đang nao núng, CHNDTH gây sức ép càng ngày càng lớn đối với CHXHCNVN. Ở thế bí, lại thêm trước đây Hồ Chí Minh đã từng đồng lõa để cho CSTH tràn lấn miền biên giới, Phạm Văn Đồng đã từng nhìn nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh hải Trung Hoa, rồi cuộc chiến 1979 đã tiêu huỷ toàn bộ vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, nên ban lãnh đạo mới của đảng CSVN đành phải thuận cắt đất theo sự áp đặt của

CSTH để sống còn và duy trì địa vị. Kết quả là hai hiệp ước về biên giới ra đời trong vòng một năm.

Ngày **30-12-1999**, tại Hà Nội, bộ trưởng Ngoại giao CHXHCNVN là Nguyễn Mạnh Cẩm và bộ trưởng Ngoại giao CHNDTH là Đường Gia Truyền (Tang Jianxuan) cùng ký *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*. Hiệp ước này được quốc hội Bắc Kinh thông qua ngày 29-4-2000 và quốc hội Hà Nội thông qua 9-6-2000.

Đặc biệt là khi thông qua hiệp ước biên giới này, chỉ một số ít lãnh đạo cao cấp trong quốc hội Hà Nội mới đọc được nội dung hiệp ước, còn đại đa số dân biểu không biết gì cả, chỉ thông qua theo lệnh của đảng CSVN.³⁰

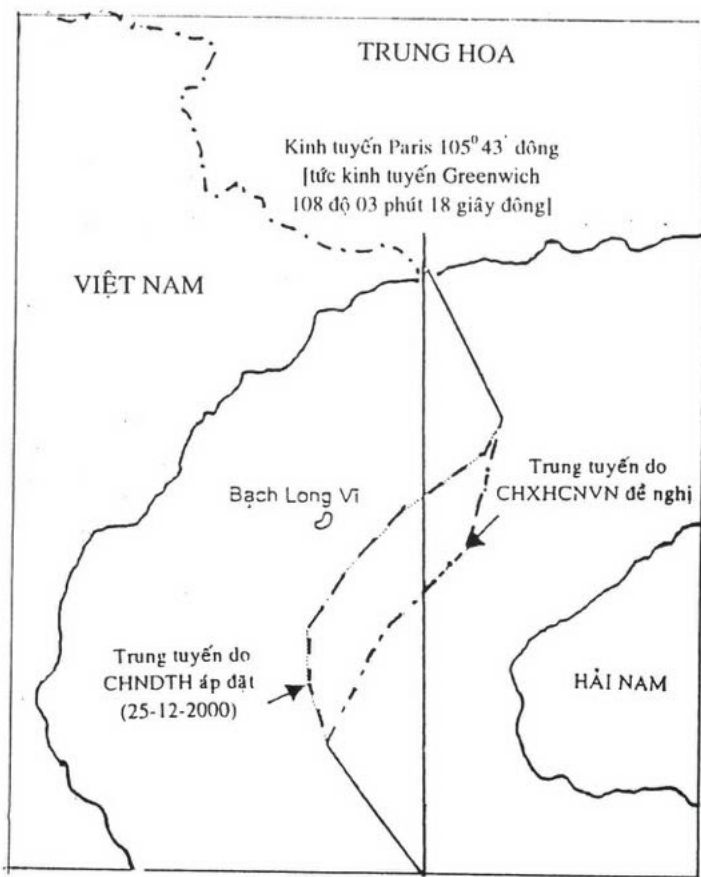
Việc chọn lựa Hà Nội làm địa điểm ký kết hiệp ước còn nói lên một sắp đặt ngấm ngầm về ngoại giao, để cho bên ngoài thấy rằng CSVN tình nguyện mời CSTH đến tận nhà (Hà Nội) để ký kết hiệp ước nhượng đất, chứ CSTH không thúc ép CSVN phải qua Bắc Kinh để làm việc này.

Ngày **25-12-2000**, tại Bắc Kinh, đại diện hai nước Việt Nam và Trung Hoa (chưa tiết lộ danh tánh) đã ký *Hiệp ước phân định lãnh hải*, phân chia quyền lợi trên vịnh Bắc Việt, dưới sự chứng kiến của chủ tịch CHXHCNVN là Trần Đức Lương và chủ tịch CHNDTH là Giang Trạch Dân (Jiang Zemin).³¹ Hiệp ước này chưa được đưa ra quốc hội hai nước để thông qua.

Ngày 27-12-2001, thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội là Lê Công Phụng cùng với đại sứ CHNDTH tại Hà Nội, đến thị trấn Mông Cái (cửa ngõ Mông Cái - Đông Hưng) thuộc tỉnh Quảng Ninh làm lễ xây cột mốc đánh dấu biên giới mới trên đất liền mà hai bên đã ký kết ngày 30-12-1999. Cùng lúc đó, thứ trưởng ngoại giao CHNDTH là Vương Di (Wang Yi) tham dự một buổi lễ tương tự tại thị trấn Đông Hưng thuộc Trung Hoa. Hai nhà cầm quyền dự tính sẽ đóng khoảng 1500 cột mốc dọc biên giới mới giữa hai bên.³²



Hình mới ải Nam Quan, trong lãnh thổ CHNDTH,
trích từ Internet, không đề xuất xứ.
(Chú ý: công trình kiến trúc Việt Nam
trước thế kỷ 19 không còn nữa, đường mở rộng.)



PHÂN CHIA VỊNH BẮC VIỆT
THEO HIỆP ƯỚC BẮC KINH 25-12-2000

Điểm đặc biệt nữa là các nhà lãnh đạo đảng CSVN đã **giấu kỹ không cho dân chúng biết** nội dung các hiệp ước trên đây trước khi ký, trong khi ký, và sau khi ký, cũng không cho biết ai đã đứng ra ký kết hiệp ước. Phía CHNDTH tiết lộ là ông Nguyễn Mạnh Cầm đã ký kết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, chứ phía Việt Nam không nói gì hết. Cho đến nay, ngoài những kẻ lãnh đạo đảng CSVN, chưa có người Việt Nam nào đọc được văn bản cụ thể về hai hiệp ước đó.

Sự giấu diếm này chứng tỏ có điều gì man trá đằng sau cuộc thương thuyết để phân chia lãnh thổ và lãnh hải. Chắc chắn sự man trá này liên hệ đến quyền lợi riêng tư của một thiểu số lãnh đạo đảng CSVN, mới không công bố cho toàn dân biết.

4.- ẢI NAM QUAN ĐÃ MẤT

a) **Dư luận:** Tuy nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội không cho dân chúng biết nguyên văn hai hiệp ước, nhưng công việc sửa soạn các chi tiết để thi hành hiệp ước, như đóng cột mốc, thông báo cho các đơn vị chuyên môn và hành chánh địa phương vẽ lại bản đồ, đã để lộ ra ngoài một số tin tức quan trọng, từ đó nảy sinh ra những dư luận sau đây:

* Trước Đại hội 9 đảng CSVN (từ 19 đến 22-4-2001), ông Đỗ Việt Sơn, một đảng viên CS lão thành (78 tuổi đời, 54 tuổi đảng), ở số 26/14-125 đường Tô Hiệu, thành phố Hải Phòng, đã gửi thư vào tháng 2-2001 công khai đặt vấn đề Việt Nam nhượng bộ quá nhiều cho Trung Quốc trong hai hiệp ước trên, và yêu cầu Quốc hội và Đại hội 9 đảng CSVN công khai thảo luận vấn đề này. Thư này được phổ biến hạn chế, về sau được nhắc lại trong kháng thư ngày 18-11-2001 của 20 cử tri gửi các chức quyền Việt Nam.

* Ngày 18-11-2001, 20 cử tri cùng ký một kháng thư gửi cho các chức quyền trong nước phản đối việc ký kết các hiệp ước

trên. Kháng thư mang chữ ký của những đảng viên kỳ cựu như Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Dũng Tiến, Trần Quang Lê, Nguyễn Ngọc Diệp, Bùi Long...Đa số đều trên 50 năm thâm niên trong đảng CSVN. Kháng thư cho biết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, phía Việt Nam đã nhượng cho Trung Quốc 720 km² ở hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, và *Hiệp ước phân định lãnh hải Vịnh Bắc Việt* như sau: 53,23% cho Việt Nam, và 46,77% cho Trung Quốc.³³

* Nhà báo Trần Bình Nam, trên tạp chí *Khởi Hành* (California), số 57 tháng 7-2001, cho biết trong chuyến về Việt Nam gần đây, ông lên biên giới, dự định đi xem Hữu Nghị Quan. Khi còn cách biên giới khoảng 100 thước, ông bị viên công an chặn lại, nói cho ông biết cách đó 20 thước là hết biên giới và Hữu Nghị Quan nằm sâu trong đất Trung Quốc, không thể nhìn thấy được.

* Bác sĩ Trần Đại Sỹ, hiện cư trú tại Paris, cho biết rằng sau khi hai bên ký kết hiệp ước trên đất liền ngày 30-12-1999, thì vào ngày 9-1-2000, ông được hai người bạn là hai ký giả Trung Hoa thông báo cho ông biết rằng theo tinh thần hiệp ước mới ký kết, Việt Nam nhượng cho Trung Quốc 789 km², thuộc hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (chứ không phải 720 km²). Ông Trần Đại Sỹ còn thêm rằng ông qua Trung Hoa, đến tận Nam Quan thì thấy cửa ải này nằm sâu trong nội địa Trung Hoa.³⁴

* Ông Trần Khuê, chuyên viên Hán Nôm trong nước, trong lá thư viết từ Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20-2-2002, gửi ông Giang Trạch Dân, chủ tịch CHNDTH, tổng bí thư đảng CSTH, có đoạn viết: "*Tháng 8-2001, chúng tôi có tổ chức một đoàn lên khảo sát thực địa ở Lạng Sơn thì quả thật đã thấy ở cây số 0 nằm trên vạch biên giới Việt Trung không còn nhìn thấy Mục Nam Quan nữa. Phía Trung Quốc đã xây một toà nhà sừng sững chắn ngang. Rồi người thì nói nó đã nằm sâu trong lãnh thổ*

Trung Quốc 500 mét, người thì nói 2000 mét..." (các báo Internet vào cuối tháng 2-2002 đều đăng lại lá thư này.)

b) Nhà cầm quyền Hà Nội thú nhận: Trước những dư luận càng ngày càng mạnh mẽ, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội kiếm cách biện minh. Dù đã bào chữa quanh co, cuối cùng CSVN phải công khai thú nhận đã làm mất ả Nam Quan.

Trong tài liệu tuyên truyền được Hà Nội đưa lên mạng lưới thông tin quốc tế (internet), viết dưới hình thức phỏng vấn, do Công Ty Phát Triển Phần Mềm (VASC-Orient) thực hiện ở Hà Nội ngày 28-1-2002, thứ trưởng Ngoại giao CSVN, ông Lê Công Phụng, trưởng đoàn Việt Nam trong cuộc thương thuyết biên giới Việt Hoa, **xác nhận ả Nam Quan đã nằm trong vùng đất của CHNDTH.**

Đáp câu hỏi về thực tế ả Nam Quan ngày nay của nhân viên VASC, ông Lê Công Phụng trả lời (nguyên văn) như sau: *"Nếu chúng ta bắt đầu tính biên giới từ chân tường hoặc chia đôi cửa mục Nam Quan thế cũng không được. Còn cột mốc số không – nhân dân Lạng Sơn báo cáo với Trung ương, Chính phủ và các nhà đàm phán rằng cột mốc có từ khi những người già chưa ra đời. Chúng ta tôn trọng cơ sở pháp lý đã có, tôn trọng thực tiễn, nhất là vì lâu nay quản lý đã như vậy. Cho nên hiện nay chúng ta công nhận mục Nam Quan là của Trung Quốc, cách cột mốc số 0 trên 200 m. Tính cột mốc số không về phía Nam là lãnh thổ của Việt Nam. Từ cột mốc số 0 về phía bắc là của Trung quốc."*³⁵

Khi trả lời như thế, ông Lê Công Phụng không cho biết cột mốc số 0 nào? Cột mốc đã dựng đúng vị trí từ năm 1887, hay cũng cột mốc đó mà đã bị di dời sau năm 1979? Ông Lê Công Phụng công nhận kiến trúc Mục Nam Quan là của Trung Quốc chỉ đúng một phần, vì trong đoạn văn đã trích dẫn ở trên, *Đại Nam nhất thống chí* cho biết ả Nam Quan gồm hai phần: phần kiến trúc của Trung Hoa và phần kiến trúc của Việt Nam. Những tấm hình chụp ả Nam Quan trước năm 1945 đều có hình ảnh các kiến

trúc này. Trung Hoa tự ý xây dựng cửa ải vừa để ấn định biên giới, vừa để chống lại những cuộc tấn công từ phương nam. Ông Lê Công Phụng và nhóm nghiên cứu biên giới của ông dự biết nhưng cố tình bỏ qua một điều, đó là ải quan “*có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở...*” tức đường ranh giới giữa hai nước nằm ngay tại cửa đó. Bước qua bên này hay bên kia cửa ải là địa phận hai nước khác nhau.

Ngoài ra, xin lưu ý rằng biên giới thiên nhiên giữa hai nước tại những vùng núi non thường căn cứ trên đường phân thủy. Đường phân thủy là đường nối liền những điểm cao nhất giữa hai sườn núi. (Nước chảy về bên nào thì thuộc về vùng đất của quốc gia bên đó.) Khi các nhà cầm quyền ngày trước lập ải, phía Việt Nam cũng như phía Trung Hoa, đều đã chọn vị trí cao nhất trên đỉnh đèo (đường phân thủy) làm chỗ phân ranh biên giới. Nay biên giới mới lại lấn xuống vùng bằng phẳng bán bình nguyên phía Việt Nam, là điều đi ngược lại nguyên tắc chung trên thế giới ấn định biên giới giữa hai nước bằng đường phân thủy.

Cả hai điều này, những nhà thương thuyết về biên giới dưới quyền ông Lê Công Phụng và cả chính ông Lê Công Phụng dự biết, nhưng vì cố tình giả vờ quên hai điều này, nên ông Lê Công Phụng mới lý luận rằng: “*Nếu chúng ta bắt đầu tính biên giới từ chân tường hoặc chia đôi cửa mục Nam Quan thế cũng không được...*”

Việc ông Lê Công Phụng nói rằng CHXHCNVN chỉ lùi biên giới lại có 200 mét còn cần phải kiểm chứng tiếp, vì cho đến nay chưa ai biết cụ thể đầy đủ nội dung hiệp ước ngày 30-12-1999. Ở đây có hai câu tục ngữ Việt Nam đối nghịch nhau đều có thể ứng dụng. Phía dư luận nói chung có thể “*có ít xích ra nhiều*”. Hoặc vì không biết mà phỏng đoán, hoặc vì chống đối, phía dư luận có thể phóng đại về diện tích đất đã mất. Phía CSVN mà ông Lê Công Phụng đại diện, lại có thể “*tốt khoe xấu che*”; do đó mất nhiều đất mà giảm xuống còn ít. Trong trường hợp này, nếu

đúng chỉ có 200 mét như ông Lê Công Phụng tuyên bố, thì tốt nhất nhà cầm quyền CHXHCNVN nên để cho dân chúng, phóng viên báo chí, quốc nội cũng như quốc tế, **tự do** lên biên giới “tham quan” (từ ngữ của cộng sản), chụp hình, quay phim hiện trường, để kiểm chứng thực tế chứ cần gì phải giấu diếm? Tại sao CSVN lo sợ đến nỗi được tin nhà thơ Bùi Minh Quốc lên thăm biên giới về, liền ra lệnh bắt giữ? CSVN thường tổ chức những cuộc triển lãm “chiến công”, như “Phòng trưng bày tội ác Mỹ Ngụy”, có lẽ cũng nên tổ chức một cuộc triển lãm hình ảnh biên giới Nam Quan cho mọi người biết “thắng lợi” của tình hữu nghị “môi hở răng lạnh” ngoài biên thùy.

Tuy nhiên, giả thiết rằng ông Lê Công Phụng nói đúng, dù chỉ lùi lại 200 mét, có nghĩa là mất 200m đất, và còn có nghĩa là những cơ sở kiến trúc của nước ta thời Lê Cảnh Hưng tại ngay mặt nam của ải Nam Quan cũng đã thật sự mất rồi. Đây là lời thú nhận công khai chính thức đầu tiên của một viên chức CSVN.

Ngoài giá trị lịch sử đối với dân tộc, ải Nam Quan còn giữ một vị trí chiến lược rất quan trọng trong việc phòng thủ biên giới. Thời đại ngày nay là thời đại nguyên tử, vũ khí chiến tranh tối tân, hiện đại. Tuy nhiên, trong những cuộc đụng độ địa phương, và nhất là trong trận địa chiến, địa hình chiến sự vẫn giữ một vai trò quan trọng trong cách bố trí chiến đấu. Như trên đã nói, qua cách mô tả trong *Đại Nam nhất thống chí*, địa thế ải Nam Quan rất hiểm trở, chỉ có một đường đèo nhỏ hẹp, nằm giữa hai bên là hai dãy núi. ải Nam Quan và vùng đất hiểm trở phía bắc sông Kỳ Cùng giữ vị trí và địa thế quân sự chiến lược như là một tiền đồn vững vàng ở địa đầu đất nước để chống lại những cuộc hành quân trên bộ từ phía bắc xuống, hay ít ra cũng làm chậm lại bước tiến của địch thủ. Những nhà chuyên môn về quân sự cho rằng chỉ cần bố trí một ít quân với trọng pháo yểm trợ ngay tại khúc đèo ải Nam Quan, là có thể gây trở ngại đáng kể các cuộc tiến quân của cường địch bắc phương.

Trong cuộc chiến năm 1979, quân CHNDTH tấn công 6 tỉnh biên giới, nhưng chỉ tràn ngập đông đảo chiếm 3 thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn vì ba vùng này có thung lũng chạy dọc theo các dòng sông nên dễ chuyển quân. Trong ba thị xã trên đây, Lạng Sơn gần Hà Nội nhất và dễ xuống Hà Nội theo đường sông Thương. Đường bộ từ tỉnh lỵ Lạng Sơn về tới Hà Nội dài dưới 160 km. Với phương tiện giao thông đường bộ ngày nay, vượt qua đoạn đường này chỉ cần vài giờ đồng hồ. Nếu chuyển quân với trang bị đầy đủ cũng chẳng tốn nhiều thời gian.

Do đó, vị trí chiến lược ả Nam Quan vô cùng quan trọng cho sự phòng thủ Hà Nội. Nay nhà cầm quyền Trung Hoa chiếm được cửa ả Nam Quan, nghĩa là chiếm được đoạn đèo thông thương bắc nam tại vùng này. Bước qua ả Nam Quan, chiếm lĩnh phần đất bên này ngọn đèo, người Trung Hoa chẳng những khỏi tốn công vượt đèo, mà còn có thể bố trí cơ sở quân sự từ đó phóng đi những cuộc hành quân xuống phía nam. Như thế, họ đã loại bỏ được chướng ngại đầu tiên khi xâm nhập nước ta, mà tổ tiên họ đã phải tốn bao nhiêu xương máu để vượt qua, nhưng không có cách gì giữ được, và cuối cùng đều bị đẩy lui về phía bên kia cửa ả.

Trong phần trả lời của mình, ông Lê Công Phụng còn nói rằng *“rất nhiều lực lượng thù địch từ bên ngoài đang tìm cách gây khó khăn cho chính phủ và nhân dân chúng ta trong việc phát triển quan hệ đối ngoại”* (nguyên văn),³⁵ Sự thật, chính những đảng viên CSVN (trong nước), trung thành với tổ quốc hơn là trung thành với đảng, lên tiếng phản đối đầu tiên chứ chẳng phải là *“lực lượng thù địch từ bên ngoài.”* Điều này do đảng CSVN tự tạo ra vì nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội ký kết hiệp ước nhượng đất của tổ tiên, tài sản chung của toàn dân, mà không tham khảo ý kiến dân chúng, giấu kín và không công bố cho mọi người biết, là một việc làm hoàn toàn ám muội. Người Việt dù ở trong hay ngoài nước đều bất bình khi được tin ả Nam Quan đã mất. Phản

đối việc này là lương tâm, là tiếng nói tự đáy lòng của bất cứ người Việt ở bất cứ đâu trên toàn thế giới. Khi CSVN kêu gọi người Việt ở hải ngoại về đầu tư hay gửi tiền về đầu tư, thì nói là “núm ruột ở xa”, còn ký hiệp ước nhượng đất bị phản đối thì cho là “lực lượng thù địch từ bên ngoài đang tìm cách gây khó khăn...”.

5.- MẤT HƠN 8% DIỆN TÍCH VỊNH BẮC VIỆT

Một phần vì tin tức đã bị tiết lộ ra ngoài, một phần vì liên hệ đến tàu thuyền quốc tế qua lại trên vịnh Bắc Việt, nên do sự thúc bách của CHNDTH muốn công khai hóa sự thừa nhận chủ quyền lãnh hải của Trung Hoa, CSVN mới giao cho ông Lê Công Phụng, thứ trưởng Ngoại giao CSVN, viết bài “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, tiết lộ cho biết một số điểm trong hiệp ước này, trên tạp chí *Cộng Sản*, số 2 tháng 1-2001.

Theo ông Lê Công Phụng, CHNDTH không chấp nhận đường phân chia hải phận vịnh Bắc Việt trong *Thoả ước phân định biên giới Hoa Việt* ký kết tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887 dưới triều đình nhà Mãn Thanh.³⁶ Trong thoả ước này, khoản 2 nói về việc phân chia lãnh hải, được tạm dịch như sau:

*“Tại Quảng Đông, đồng thoả thuận rằng những điểm tranh cãi nằm về phía đông và đông bắc Mông Cái, phía bên kia biên giới giống như đã được Ủy ban Hoạch định Biên giới ấn định, thuộc về Trung Hoa; những đảo nằm về phía đông kinh tuyến Paris 105° 43' đông [tức kinh tuyến Greenwich 108 độ 03 phút 18 giây đông], nghĩa là đường thẳng bắc nam ngang qua mũi đông đảo Teh'a Kou hay Ouanchau (Trà-Cổ), và tạo thành đường biên giới, cũng đều thuộc về Trung Hoa. Những đảo Go-tho [Gò Thỏ?] và những đảo khác ở phía tây của kinh tuyến này thuộc về Việt Nam...”*³⁷

Nhà cầm quyền CSTH cho rằng thoả ước này bất công và đòi phân chia lại vịnh Bắc Việt. CHXHCNVN vì yếu thế đành

nhượng bộ. Xin hãy nghe ông Lê Công Phụng, kể lại trong bài “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam-Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, đăng trên tạp chí *Cộng Sản*, Hà Nội, số 2 tháng 1-2001: “Trong quá trình đàm phán, hai bên đã vận dụng các nguyên tắc như sau để giải quyết: một là căn cứ vào quy định của công ước Luật biển 1982 của Liên Hiệp Quốc,^[38] cũng như các nguyên tắc luật pháp quốc tế và tập quán được công nhận rộng rãi; hai là hai bên tính đến các đặc thù của vịnh Bắc Bộ như sự hiện diện của các đảo, chiều dài bờ biển v.v...; ba là, việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước; bốn là bảo đảm nguyên tắc công bằng và chiếu cố lợi ích của nhau. Về diện tích, phía Trung Quốc kiên trì chủ trương đại thể chia đôi,^[39] thừa nhận ta có thể nhỉnh hơn nhưng không đáng kể. Ta chủ trương giải pháp công bằng phải phù hợp với các hoàn cảnh hữu quan trong vịnh như sự hiện diện của các đảo của ta,^[40] chiều dài bờ biển của ta lớn hơn v.v....”

Cuối cùng rồi CSVN phải thuận theo những áp đặt của CSTH. Kết quả là phân chia hải phận mới không còn là đường thẳng cũ, mà là một đường gãy khúc nối liền bởi những đường thẳng ngắn dọc theo các hải đảo.

Đường phân chia lãnh hải mới lấn một ít về phía Trung Hoa ở phía bắc đảo Bạch Long Vỹ, nhưng từ đảo này trở xuống thì lấn khá nhiều qua phía Việt Nam.

Vịnh Bắc Việt rộng 123.700 km² (theo tài liệu ông Lê Công Phụng). So với cách phân chia lãnh hải ngày 26-6-1887 thời Pháp thuộc (Việt Nam được 62%, Trung Hoa được 38%), cách phân chia lãnh hải ngày 25-12-2000 (Việt Nam được 53,23%, Trung Hoa được 46,77%) đã làm cho Việt Nam mất trên 8% diện tích vịnh Bắc Việt, tương đương với khoảng trên 10.000 km². Thế mà chỉ dựa trên hai số liệu 53,23% và 46,77%, ông Lê Công Phụng tự mãn rằng “Ta hơn Trung Quốc 6,46% tức khoảng 8205 km².” (nguyên văn bài đã dẫn)

Theo đường phân chia mới trên vịnh Bắc Việt, đảo Bạch Long Vỹ (đuôi của con rồng trắng, tức là đảo cuối cùng trong chuỗi đảo từ vịnh Hạ Long) chỉ còn cách hải phận CSTH 15 hải lý. Đảo rộng khoảng 3 km², tuy nhỏ nhưng rất quan trọng về kinh tế cũng như về quốc phòng. Về kinh tế, vùng biển khu vực đảo này nhiều hải sản, nhất là bào ngư, có giá trị dinh dưỡng cao mà người Việt rất thích dùng. Hiện nay, người ta được biết đáy biển vùng này có nhiều tiềm năng về chất đốt mà chưa được khai thác.

Về quốc phòng, Bạch Long Vỹ giữ vị trí chiến lược tiền tiêu để bảo vệ Bắc Việt. Thời Pháp thuộc, Pháp đã đặt một đơn vị hải quân ở đây kiểm soát tàu bè đi lại trên vịnh Bắc Việt. Theo tuyên truyền của CSBV, trong thời gian chiến tranh trước năm 1975, “*quân và dân đảo đã bắn rơi 23 máy bay Mỹ, đánh đuổi 3 tàu chiến xâm phạm chủ quyền của ta.*”⁴¹

Trong bài viết của mình, ông Lê Công Phụng cũng nêu rõ điểm này: “*Phần vịnh phía ta có khoảng 1300 hòn đảo ven bờ, đặc biệt có đảo Bạch Long Vỹ nằm cách đất liền nước ta khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Vịnh có vị trí chiến lược quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc về an ninh và quốc phòng...*” (bài đã dẫn).

Đảo Bạch Long Vỹ vừa nhỏ, vừa chơ vơ nằm ngoài biển cả, cách nước ta khoảng 110 cây số và cách hải phận Trung Hoa theo hiệp ước mới chỉ có khoảng 15 hải lý, nghĩa là nằm trong mối đe dọa thường trực của hải quân CSTH. Vị trí chiến lược này sẽ rơi vào tay CSTH dễ dàng nếu xảy ra tranh chấp giữa hai bên.

Trong lịch sử, các nhà cầm quyền Trung Hoa đều luôn luôn muốn bành trướng xuống Đông Nam Á, chẳng những họ tấn công Việt Nam bằng đường bộ, mà họ còn gửi hạm đội đi vòng xuống Biển Đông để tấn công và gây ảnh hưởng đối với các nước tại vùng này.⁴² Tuy nhiên, trên đường bộ, lực lượng xâm lược Trung Hoa bị kẹt lại ở cửa ải Nam Quan; còn trên đường thủy họ cũng chẳng thành công. Đã từng có lần Đại Việt đã giúp Chiêm Thành đẩy lui quân nhà Nguyên. Ngày nay, CSTH vượt qua ải

Nam Quan, có nghĩa là họ bắt đầu mở được cánh cửa đường bộ tràn xuống phía nam. CSTH còn mở rộng chủ quyền trên Biển Đông, chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, giúp họ kiểm soát dễ dàng sự đi lại trên biển này. Đây không phải là thất bại của Việt Nam, mà còn đe dọa đến các nước Đông nam Á, và là **một báo động chung cho toàn thể Á Châu cũng như thế giới.**

6.- TRÁCH NHIỆM TRƯỚC LỊCH SỬ

Một câu hỏi được đặt ra là tại sao nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội đã nhượng đất cho CHNDTH một cách dễ dàng như vậy?

Theo lý luận của các đại diện CHNDTH trong cuộc thương thuyết về lãnh hải, khi Pháp ký hiệp ước với triều đình Mãn Thanh, Pháp đang ở thế mạnh, còn Trung Hoa đang yếu thế và bị các cường quốc Âu Châu xâu xé, nên phải chấp nhận bản đồ lãnh thổ cũng như lãnh hải do Pháp đưa ra. Thật ra, trước kia, các triều đại Trung Hoa cho rằng vịnh Bắc Việt, mà họ gọi là “Giao Chỉ Dương” (Chiao-Chih Ocean), là của Việt Nam, họ không lý tới. Thậm chí, các triều đình Trung Hoa cũng chẳng mấy quan tâm đến đảo Hải Nam. Cho đến thời nhà Thanh, ngoài các hòn đảo nhỏ và ngành đánh cá, người ta chưa biết gì về tiềm năng dưới lòng biển, nên không thấy sự quan trọng của vịnh Bắc Việt. Do đó, khi Pháp cắt một phần đất vùng biên giới đông bắc và tây bắc đền bù cho Trung Hoa, nhà Thanh liền ký kết hiệp ước năm 1887 với Pháp. Nhà Thanh đã nhập các phần đất này vào các tỉnh của họ.⁴³ Nếu CHNDTH đặt lại vấn đề lãnh hải vịnh Bắc Việt, tại sao CHXHCNVN không đặt lại vấn đề các vùng đất biên giới đông bắc và tây bắc mà Pháp đã cắt cho nhà Thanh?

Trên đất liền, không nghe một giải thích nào cụ thể từ nhà cầm quyền hai nước tại sao phải phân chia lại biên giới? Dư luận báo chí ở Trung Hoa cho rằng CHXHCNVN nhượng vùng đất phía bắc sông Kỳ Cùng và Bằng Giang cho CHNDTH để đổi

lấy viện trợ xây dựng những dự án kỹ nghệ trong lãnh vực thủy điện, hơi đốt, khai thác quặng mỏ, đồng thời gia tăng việc giao dịch buôn bán giữa hai nước.

Câu hỏi đặt ra là những viện trợ kể trên có thật tối cần thiết, thúc bách đến độ phải đem di sản thiêng liêng do tiền nhân để lại, ra trao đổi với các viện trợ đó và nhượng bán cho bắc phương không? Hơn nữa, nếu những viện trợ kể trên thật sự ích lợi cho toàn dân, tại sao đảng CSVN không công khai vấn đề và tham khảo ý kiến của toàn dân qua một cuộc trưng cầu dân ý? Đất đai do tổ tiên để lại là tài sản chung của toàn dân, chứ không phải của riêng đảng CS, do đó chỉ có toàn dân Việt Nam mới có quyền quyết định về những vấn đề liên quan đến lãnh thổ và lãnh hải bằng cuộc trưng cầu dân ý rộng rãi, tự do và dân chủ.

Mới đây, trong khi trả lời Đài phát thanh Little Sài Gòn Radio ở Orange County, California trong ngày thứ Năm 24-2-2002, ông Nguyễn Thanh Giang, một nhà hoạt động chính trị trong nước, cho rằng các lãnh tụ đảng CSVN đã bị CHNDTH lừa khi ký hiệp định về biên giới Việt Hoa. Ông Giang nói: *"Trung Cộng xảo quyệt giả vờ đưa ô dù cho Lê Khả Phiêu. Vì lợi riêng, ông này đã hiến đất cho Trung Cộng để được bảo trợ."*⁴⁴

Vấn đề không đơn giản ở chỗ chỉ một mình ông Lê Khả Phiêu (tổng bí thư 1998-2001) bị đánh lừa và hiến đất. Việc thương thuyết để ký kết hai hiệp ước trên không phải chỉ diễn ra giữa hai người, hoặc chỉ diễn ra trong một vài giờ, hay một vài ngày, mà nói rằng CHNDTH đã lừa được ông Phiêu? Đây là kết quả của một quá trình lâu dài bắt đầu từ thời Hồ Chí Minh cho đến ngày nay. Chính một nhân vật cộng sản quan trọng, ông Vũ Khoan đã từng viết trên *Tạp chí Cộng Sản*, số Tết Canh Thìn (2000) rằng ngay từ năm 1949, đã từng có *"một số lần ... trao đổi ý kiến, đàm phán về vấn đề biên giới."* (đã dẫn ở trên).

Trước hết, như trên đã nói, ngay từ thời chiến tranh 1946-1954, Hồ Chí Minh và lãnh đạo đảng Lao Động Việt Nam đã làm

ngờ cho quân CHNDTH tràn sang biên giới. Sau đó, trong cuộc chiến xâm lăng miền Nam (1954-1975), để được viện trợ quân sự, Bắc Việt cộng sản đã đồng lõa để cho CHNDTH xâm chiếm các hải đảo Việt Nam Cộng Hoà, tức là các hải đảo Việt Nam nói chung.

Nguyên khi Châu Ân Lai (Zhou Enlai / Chou En-lai) công bố ranh giới biển 12 hải lý từ bờ biển ngày 4-9-1958, thì mười ngày sau, Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt cộng sản, đương nhiên với sự đồng ý của Hồ Chí Minh và Bộ chính trị đảng Lao Động, tiền thân của đảng CSVN, đã ký **quốc thư ngày 14-9** nhìn nhận ranh giới biển nói trên của CHNDTH, nghĩa là gián tiếp công nhận chủ quyền của CHNDTH trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lúc đó thuộc chủ quyền Việt Nam Cộng Hoà. Như thế Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và đảng CSVN đã chính thức dâng đất cho CHNDTH mà tổ tiên đã dày công xây dựng và bảo vệ. Chính vì vậy, sau hiệp ước Paris năm 1973, nghĩa là sau khi Hoa Kỳ quyết định rút quân ra khỏi Việt Nam Cộng Hoà, CHNDTH cho hải quân đổ bộ và chiếm các đảo Hoàng Sa. Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà đánh trả mãnh liệt vào ngày 19-1-1974, nhưng do chiến thuyền trang bị vũ khí kém hơn, đành phải rút lui, và từ đó Hoàng Sa hoàn toàn mất vào tay CHNDTH mà CSVN không một lời phản đối.

Khi cần dồn quân xuống đánh miền Nam, Bắc Việt cộng sản đã mời quân đội CHNDTH vào bảo vệ an ninh từ khu Việt Bắc xuống tới Hà Nội, và giao cho CHNDTH in bản đồ địa lý Việt Nam loại chi tiết với tỷ lệ 1/ 1000.⁴⁵ Đưa 300.000 quân đóng từ Việt Bắc, nghĩa là từ biên giới Việt Hoa, xuống tới Hà Nội, CHNDTH đã hoàn toàn kiểm soát vùng này, và chắc chắn họ đã thực hiện những động tác cần thiết để chuẩn bị lấn biên, giành đất như đưa thêm dân đến sinh sống dọc theo biên giới...⁴⁶

Trong cuộc chiến Việt Hoa (1979), quân đội CHNDTH lại tiến thêm một bước nữa, di dời các cột mốc vùng biên giới tiến

sâu vào đất Việt Nam ở nhiều nơi. Có tài liệu cho biết trong thời gian chiến tranh Việt Nam trước năm 1975, khi Hồ Chí Minh còn sống, để dễ tiếp tế cho Bắc Việt, CSTH và CSVN cùng đồng ý thiết lập đường xe lửa giao nhau ở biên giới Nam Quan để chuyển hàng. Vì trong thời gian chiến tranh, kỹ thuật kém, nên phía Bắc Việt làm không kịp. Sau khi làm xong phần mình, CSTH đề nghị giúp làm đường sắt tiếp tục sâu qua phần đất Việt Nam. CSVN hoàn toàn đồng ý sự giúp đỡ hào phóng của CSTH. Những người đi xe lửa qua Trung Hoa trong thời gian này đều xác nhận đổi tàu trong nội địa Việt Nam. Khi rút quân sau trận đánh năm 1979, CSTH cho dời cột mốc đến đầu đường sắt của họ đã làm trước 1975 trong đất Việt Nam. Sau đó họ lý luận rằng đất Việt Nam chỉ kéo dài tới đầu đường xe lửa Việt Nam mà thôi, chứ làm sao trên đất Việt Nam lại có đường sắt của Trung Hoa.⁴⁷

Khi cầu thân trở lại với CHNDTH sau cuộc chiến, CSVN và nhà cầm quyền CHXHCNVN đang ở trong thế yếu kém, phải xin liên minh với CHNDTH để tồn tại cũng như duy trì và bảo vệ quyền lực, là cơ hội tốt cho nhà cầm quyền Bắc Kinh áp đặt việc biên giới trên bộ và trên biển, bằng một hiệp ước công khai chính thức, và hiệp ước đó ra đời cuối năm 1999 và cuối năm 2000.

Trong bài báo đã dẫn trên của ông Lê Công Phụng, đăng trên tạp chí *Cộng Sản* số tháng 1-2001 và đã được chính CSVN đưa lên mạng lưới thông tin quốc tế, thì: “ Vào các năm 1957, 1961 và 1963 hai nước có ký các thỏa cho phép thuyền buồm của hai bên được đánh bắt trong vịnh... Trong các năm 1974 và 1977-1978, hai nước tiến hành 2 vòng đàm phán về phân định... Hai nước đã ký “Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới – lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc” ngày 19-10-1993... Thực hiện thỏa thuận đó, từ 1993 đến năm 2000, hai bên đã triển khai 7 vòng đàm phán cấp chính phủ, 3 cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn đàm phán cấp chính phủ và 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên... Trong các chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1997 của đồng chí tổng bí thư Đỗ Mười và tháng 2-1999 của đồng

chí tổng bí thư Lê Khả Phiêu, lãnh đạo cao cấp hai nước đạt được thỏa thuận là khẩn trương đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trước năm 2000 và hoàn thành việc phân định để ký hiệp định vịnh Bắc Bộ trong năm 2000...”

Như thế, theo những gì các nhà lãnh đạo đảng CSVN cho phép ông Lê Công Phụng tiết lộ, thì vấn đề thương thuyết biên giới tái tục từ năm 1993. Chúng ta đừng quên câu viết ngoại giao rất mơ hồ của ông Lê Công Phụng: “... việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước...”. Thực trạng cũng như quan hệ giữa hai nước CHNDTH và CHXHCNVN hiện nay như thế nào? Những người cộng sản thường hay dùng nhóm chữ “các nước xã hội chủ nghĩa anh em”, nhưng thực chất quan hệ giữa CHNDTH và CHXHCNVN hiện nay là quan hệ giữa kẻ mạnh và kẻ yếu, nếu không muốn nói là quan hệ thực dân và thuộc địa kiểu mới, hay quan hệ giữa chủ nợ và con nợ, trong đó con nợ đã từng muốn vỡ nợ (xù nợ) khi theo Liên Xô năm 1978, nên phải nhận lãnh bài học của ông Đặng Tiểu Bình, nhân vật quyền thế nhất CSTH sau thời kỳ Mao Trạch Đông.

Có lẽ cần nhắc lại trong thời gian bang giao giữa hai bên căng thẳng, ngày 30-7-1979, một viên chức ngoại giao CHNDTH tiết lộ cho biết từ 1954 đến 1971, 300.000 binh sĩ CHNDTH đã chiến đấu bên cạnh binh sĩ Bắc Việt, trong đó hàng ngàn người đã tử trận và hàng chục ngàn người đã bị thương. Ông ta còn xác định số lượng vũ khí CHNDTH viện trợ cho cộng sản Việt Nam từ 1950 đến 1977 lên đến 2.000.000 súng hạng nhẹ, 27.000 đại pháo, 270 triệu băng đạn, 18 triệu đạn đại pháo, 179 máy bay và 145 chiến hạm.⁴⁸ Người Trung Hoa tính rằng số viện trợ này tương đương với khoảng 20 tỷ Mỹ kim theo thời giá lúc đó.

Như thế, **việc nhượng đất và nhượng biển** là một tiến trình liên tục từ các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, đến các ông Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh

(tổng bí thư từ 2001), vì **quyền lợi và tham vọng riêng tư của đảng CSVN, hay vì tham quyền cố vị của những cá nhân lãnh đạo đảng**, có tính toán kỹ lưỡng lâu dài, chứ không phải dễ dàng bị đánh lừa như ông Nguyễn Thanh Giang đã trả lời trên đài Little Sài Gòn Radio.

Đây chính là kết quả của chính sách do Hồ Chí Minh và tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN theo đuổi, đi theo con đường cộng sản quốc tế, làm tay sai cho ngoại bang, liên tục gây ra chiến tranh ý thức hệ, khiến cho nhân dân lầm than, đói khổ, bây giờ lại mất đất vào tay “người đồng chí cộng sản” phương bắc. Điều này cho thấy **chủ nghĩa quốc tế cộng sản chỉ là cái chiêu bài bề ngoài của chủ nghĩa dân tộc bá quyền** mà thôi.

Đứng về phía Trung Hoa, chiếm được ngọn đèn chiến lược có ả Nam Quan, cửa ngõ đi xuống phía nam, là kết quả một cuộc đấu tư lâu dài và bền bỉ của “tình đồng chí chiến đấu” giữa hai đảng CS anh em. Những cuộc tấn công vũ bão của vua chúa Trung Hoa ngày trước cũng như của Đặng Tiểu Bình năm 1979 không mấy thành công bằng **kế hoạch tà mạt thực**⁴⁹ rất tinh vi, ẩn náu trong lớp vỏ bọc chủ nghĩa quốc tế cộng sản. Kế hoạch tà mạt thực rất nguy hiểm, vì sau ả Nam Quan, CHNDTH sẽ từ từ lấn xuống đến một lúc nào đó sẽ nuốt trọn tỉnh Lạng Sơn rồi xuống châu thổ Hồng Hà.

Lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam là di sản do tổ tiên để lại cho toàn thể dân chúng Việt Nam, và là tài sản của toàn dân Việt Nam, có tính cách thiêng liêng, bất khả phân, bất khả nhượng. Ca dao chúng ta có câu: *“Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang, Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.”* Trong nông nghiệp, mỗi tấc đất là mỗi tấc vàng, nhưng trong lịch sử dân tộc, mỗi tấc đất không phải chỉ là mỗi tấc vàng. Mỗi tấc đất là mỗi di sản, là mỗi kỷ vật, mang hình ảnh bi hùng của bao nhiêu công khó, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu xương máu, tim óc của tiền nhân qua hàng ngàn năm, để chúng ta có được tấc đất này ngày hôm nay.

7.- KẾT LUẬN

Tóm lại, câu chuyện ải Nam Quan lọt vào tay CHNDTH và sự ký kết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* (30-12-1999) và *Hiệp ước phân định lãnh hải* (25-12-2000) cho thấy:

* Pháp bảo hộ Việt Nam từ 1884 đến 1954. Trong thời gian này, dân tộc chúng ta bị mất độc lập, mất chủ quyền chính trị, nhưng đất nước của chúng ta được vẹn toàn, kể các quần đảo xa xôi Hoàng Sa và Trường Sa,⁵⁰ chỉ trừ một vùng ở Lai Châu mà Pháp đã cắt di một cách bất hợp pháp giao cho Trung Hoa để đổi lấy việc ký kết hải phận trên vịnh Bắc Việt. Tuy nhiên cuộc trao đổi này hai bên cùng có lợi. Nay nước nhà gọi là được độc lập, nhưng chính nhà cầm quyền Việt Nam hiện thời lại cắt đất, nhượng đảo và cắt biển giao cho ngoại bang bắc phương, mà không mang lại một lợi ích thực tiễn nào cả cho dân chúng.

Đặc biệt, sự giấu diếm hai hiệp ước cắt đất và nhượng biển chứng tỏ ban lãnh đạo đảng CSVN hiện thời ý thức được rằng việc cắt đất nhượng biển của họ hoàn toàn đi ngược với lòng dân, với quyền lợi của đất nước, mà họ vẫn tiến hành.

* Vì tham vọng quyền lực cá nhân, Hồ Chí Minh và một số thuộc hạ du nhập hệ thống đảng trị cộng sản chuyên chế vào Việt Nam, hoạt động cho quyền lợi của Đệ tam Quốc tế Cộng sản, chẳng những gây chiến tranh, đói khổ cho đồng bào, mà còn làm tiêu hao tài sản tổ tiên, nhượng đất cho ngoại bang để đổi lấy súng ống, vũ khí nhắm bành trướng chủ nghĩa. Cần chú ý việc cắt, nhượng biển chỉ do một thiểu số lãnh đạo thi hành để bám lấy địa vị lãnh đạo độc tôn đảng trị.

* Đảng CSVN cai trị đất nước một cách độc tài, xem thường pháp luật. Điều 4 hiến pháp Hà Nội năm 1992 cho phép đảng CSVN đứng trên pháp luật. Họ xem đất nước là của riêng họ. Ông Hồ Chí Minh viết di chúc giao đất nước lại cho thuộc hạ

giống như một phú ông giao tư điền cho con cháu. Nay nhóm lãnh đạo CSVN tự ý cấ đất, cấ biển nhượng cho bắc phương mà không cần tham khảo ý kiến của bất cứ ai. Việc tranh chấp đất đai, biên giới, biển cả giữa hai nước có thể kéo dài cả chục năm, hay cả trăm năm mà không dễ giải quyết. Đàng này nhóm lãnh đạo CSVN hiện nay ký kết hiệp ước nhượng đất nhượng biển một cách nhanh, chóng chứng tỏ họ đang ở tình thế rất khó khăn liên quan đến sự sống còn của đảng CSVN, hay đúng hơn là sự sống còn của địa vị nhóm lãnh đạo tối cao trong đảng. Một lần nữa, hai bản hiệp ước nhượng đất và nhượng biển cho thấy đảng CSVN luôn luôn đặt quyền lợi và tham vọng đảng phái lên trên quyền lợi của đất nước.

* Đặc quyền đặc lợi của nhóm lãnh đạo quá lớn, chẳng những nắm toàn quyền về chính trị mà còn nắm toàn quyền về kinh tế tài chánh.⁵¹ Do đó, nội bộ đảng CSVN thường hay tranh chấp với nhau để giành lấy quyền lãnh đạo đảng. Sự tranh chấp quyền lực đưa đến sự phân hóa trong đảng và đưa đến hai hệ quả: Thứ nhất đối nội, giới lãnh đạo đương quyền cương quyết gạt bỏ tất cả mọi ý kiến bất lợi cho địa vị và quyền lực của họ, nhất là những đề nghị nới rộng quyền tự do dân chủ, và nếu cần thì họ thẳng tay thanh trừng,⁵² từ đó làm suy yếu nội lực. Thứ nhì đối ngoại, nhóm lãnh đạo đảng CSVN phải nhờ đến sự tiếp tay của các đảng CS đàn anh như Liên Xô trước đây và CHNDTH ngày nay, để bảo vệ địa vị. Điều đó có nghĩa là họ chỉ dựa vào thế lực nước ngoài để cai trị, do đó khi thế lực này sụp đổ thì họ bị chao đảo theo. Khi nhờ như thế, các lãnh tụ thường hứa hẹn với các nước trên những điều mình sẽ thực hành sau khi nắm được quyền lãnh đạo đảng. Đó cũng là một trong những lý do ngấm ngấm để đưa đến việc ký kết các hiệp ước cấ đất nhượng biển cho CHNDTH.

* Trước việc đàn áp những bất đồng chính kiến trong nội bộ đảng, nhất là những đòi hỏi về tự do dân chủ, nhiều đảng viên

đã bỏ đảng. Nay sự kiện ải Nam Quan và một phần lớn diện tích mặt biển lọt vào tay CHNDTH khiến cho những người trong hệ thống đảng CSVN, nhưng trung thành với tổ quốc hơn là trung thành với đảng, ý thức được quyền lợi đất nước đã bị xâm phạm thô bạo nên đã lên tiếng báo động và phản đối mạnh mẽ nhóm lãnh đạo, làm cho sự rạn nứt trong đảng CSVN càng ngày càng lớn hơn. Rồi đây, sẽ có rất nhiều đảng viên nữa thức tỉnh để quay trở về với đại bộ phận dân tộc. Không ai muốn phục vụ cho một đảng chính trị bán nước, chỉ trừ một thiểu số vì muốn được hưởng một chút quyền lợi, địa vị nhất thời mà quên đi lương tri dân tộc, mới chạy theo đảng CSVN.

* Từ trước đến nay, đảng CSVN luôn luôn tuyên truyền giành lấy chính nghĩa, luôn luôn tự hào rằng họ là lực lượng dân tộc tiến bộ yêu nước, và kết tội tất cả những thành phần đối lập từ năm 1945 cho đến nay là Việt gian, phản quốc, tay sai ngoại bang, ngụy quyền, ngụy quân ... Nay nhà cầm quyền cộng sản CHXHCNVN nhượng đất và nhượng biển qua hai hiệp ước trên, là bằng chứng cụ thể không thể biện minh và không thể chối cãi được tội lỗi phản quốc, bán nước cầu vinh (mãi quốc cầu vinh) của đảng CSVN và nhà cầm quyền CHXHCNVN. Đây là tội lỗi lớn nhất trong lịch sử Việt Nam do tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN thực hiện, lớn hơn tất cả tội lỗi của những tên tuổi đã bị lịch sử lên án phản quốc như Trần Di Ái, Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống... **Những nhà lãnh đạo đảng CSVN phải chịu trách nhiệm trước dân tộc và trước lịch sử hành vi nhượng đất, nhượng biển** cho ngoại bang, đã bị cấm ngặt theo điều 74 của bộ *Quốc triều hình luật* đã được ban hành từ thời vua Lê Thánh Tông.⁵³

* Một trong những điều kiện giúp các đảng CS trên thế giới nói chung, và đảng CSVN nói riêng có thể lộng hành, là họ luôn luôn bí mật hành động, giấu diếm hành tung, lại dùng bộ máy thông tin tuyên truyền che đậy và ngụy trang một cách kín

đáo, rồi tự ý giải thích, tùy thích tung hỏa mù, gây nhiễu xạ, làm cho không ai biết được sự thật ở đâu.

Bộ máy tuyên truyền của cộng sản đã tận dụng một bí quyết tâm lý mà triết gia Sigmund Freud đã từng đề cập đến: nói láo được lập đi lập lại nhiều lần, lúc đầu có thể bị nghi ngờ, sau người ta tưởng là “thật”, và cuối cùng người ta tin rằng đó là “sự thật”, vì có quá nhiều người nói đến, quá nhiều lần lặp lại. Chẳng những thế, một thời gian sau đó, chính người nói láo cũng nhập tâm và tin tưởng rằng đó là sự thật.

Ngày nay khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bậc, nhất là ngành truyền thông viễn liên, nên các đảng CS nói chung và đảng CSVN nói riêng không còn có thể che giấu những hành động đen tối gian trá được nữa. Mọi sự thật được phơi bày nhanh chóng trước công luận. Dân chúng không còn dễ bị lừa phỉnh như trước. Ví dụ việc CSVN nhượng đất ải Nam Quan với những tin tức, hình ảnh cụ thể loan truyền nhanh chóng và đầy đủ trên mạng lưới thông tin quốc tế, không còn có thể che giấu hay chối cãi. Trước áp lực của truyền thông, những kẻ lãnh đạo CSVN đành phải uỷ cho ông thứ trưởng Ngoại giao viết báo và trả lời phỏng vấn vào đầu năm 2002 để biện minh cho những hành động sai trái của mình. Dầu biện minh quanh co, ông thứ trưởng cũng đã thú nhận ải Nam Quan cùng hơn 10.000 km² vịnh Bắc Việt đã mất vào tay bắc phương.

Chính sự phát triển của ngành truyền thông giúp thế giới bên ngoài và cả dân chúng trong các nước cộng sản biết rõ tình hình và diễn tiến chính trị tại các nước Đông Âu, theo dõi, cổ vũ và hỗ trợ các cuộc biểu tình địa phương, đưa đến sự sụp đổ của các chế độ cộng sản tại đây vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90. Điều đó có nghĩa là cuộc cách mạng của ngành truyền thông đã đạt được một kết quả, mà có lẽ những nhà khoa học không tiên liệu, là đã thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng chính trị tại các nước cộng sản.

Chắc chắn rồi đây điều đó sẽ tái diễn trên các nước CS còn lại, trong đó có Việt Nam. Chỉ có sự giải thể chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam, thay thế bằng một chính quyền dân chủ, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mới có thể tạo sức mạnh dân tộc tổng lực, để đặt lại và đòi lại vùng đất Nam Quan và hàng ngàn cây số trên mặt biển Bắc Việt trở về với tổ quốc. Lịch sử cho thấy nhiều lần Trung Hoa sang xâm lăng, chiếm đóng đất nước chúng ta, có khi trong thời gian dài, nhưng cuối cùng tổ tiên chúng ta đã quật cường đánh đuổi quân xâm lăng Trung Hoa.

Việc đòi lại đất Nam Quan ngày nay tuy có thể khó hơn ngày trước, nhưng không thể nói là không thể xảy ra, một khi tại nước ta có một chế độ biết đoàn kết nội lực toàn dân như dưới thời nhà Trần hay dưới thời Lê Lợi, Quang Trung. Khi VNCH sụp đổ năm 1975, không ai tiên liệu rằng khối Liên Xô và Đông Âu tan rã trong vòng 15 năm sau.

* Cuối cùng, chuyện ải Nam Quan đã mất là tin buồn cho đất nước, nhưng đồng thời lại cảnh tỉnh đối với toàn bộ dân chúng Việt Nam, ở quốc nội cũng như ở hải ngoại, ở trong đảng cũng như ở ngoài đảng CSVN. Không có một người Việt Nam nào có thể thờ ơ với việc đất đai của tổ tiên bị cắt ra để giao khổng cho ngoại bang. Sự kiện này là một ngọn lửa hâm nóng lại ý thức dân tộc và tạo sự đoàn kết nơi mọi người, đốt cháy những hào quang giả tạo của đảng CSVN, cũng như báo hiệu sự cáo chung của hệ thống đảng trị cộng sản trong nước.

(Toronto, 19-2-2002)

CHÚ THÍCH:

1. Theo các số liệu ngày nay, ải Nam Quan cách thành phố Lạng Sơn khoảng 17 cây số về phía bắc.
2. Gia Tĩnh: niên hiệu duy nhất của vua Minh Thế Tông (trị vì 1522-1566).

3. Ung Chính (Yung-chen): niên hiệu duy nhất của vua Thanh Thế Tông (trị vì 1723-1735).
4. Theo *Từ điển Việt Pháp* của J.F.M. Genibrel, Nhà in Tân Định, Sài Gòn, 1898, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, chụp in lại năm 1973, thì 1 trượng = 10 xích; 1 xích = 0,487 m.; vậy 1 trượng = 4,87 m. Theo những dịch giả bộ *Cương mục* thì: 1 trượng = 10 thước, 1 thước Tàu = 0,3333 thước tây, vậy 1 trượng = 3,33 m. (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Việt sử thông giám cương mục*, viết tắt là *Cương mục*, bản dịch Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội 1957, , sdd. tr. 160.)
5. Càn Long (Ch'ien-lung / Qianlong): niên hiệu duy nhất của vua Thanh Cao Tông (trị vì 1736-1795).
6. *Đại Nam nhất thống chí*, viết tắt *ĐNNTC*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, 1997, tập 4, tt. 384-385.
7. Cảnh Hưng: niên hiệu duy nhất của vua Lê Hiến Tông (trị vì 1740-1786)
8. *ĐNNTC*, sdd. tr. 385.
9. Các bộ chính sử bắt đầu đề cập đến ải Pha Luỹ khi chép việc Trương Phụ đem quân tấn công nước ta năm 1406 (bính Tuất), tuy quân Trung Hoa đã qua lại ải này trước đó nhiều lần. Theo bộ *Cương mục*, ải Pha Luỹ (Nam Quan) ở xã Đồng Đăng, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn. (*Cương mục*, bản dịch đã dẫn, tr. 741.)
10. Nhạn Môn Quan, mang tên này vì nơi đây có nhiều chim nhạn, ở tỉnh Tuy Viễn, giáp Mông Cổ, cửa ải cực bắc Trung Hoa. Nhạn Môn Quan nổi tiếng với câu chuyện “Chiêu Quân cống Hồ”. Chiêu Quân, tên là Vương Tường, cung phi của vua Trung Hoa là Hán Nguyên Đế. Hán Nguyên Đế có nhiều cung phi, sai Mao Diên Thọ vẽ hình cung phi cho vua tuyển chọn. Chiêu Quân tự tin mình đẹp, không chịu đút lót tiền bạc cho Mao Diên Thọ. Khi Diên Thọ vẽ Chiêu Quân, y thêm một nốt ruồi lên khuôn mặt, rồi nói với nhà vua rằng Chiêu Quân dù đẹp nhưng có nốt ruồi sát phu, vua không nên gán. Nguyên Đế tin thật. Lúc đó, vua Hung Nô ở phía bắc đang thế mạnh, yêu cầu vua Hán phải gởi cống phẩm cùng một cung phi đẹp. Diên Thọ

muờ cùng các gian thần gởi Chiêu Quân ra đi. Khi triều yết nhà vua để từ biệt, Hán Nguyên Đế mới biết Chiêu Quân là tuyệt thế giai nhân, không có nốt ruồi nơi mặt, nhưng việc đã rồi, không thay người khác được, đành phải để Chiêu Quân ra đi. Tương truyền rằng Chiêu Quân chẳng những đẹp mà có tài văn thơ. Khi qua Nhạn Môn Quan, cửa ải cuối cùng phía bắc nước Trung Hoa, Chiêu Quân xốt xa cho thân thế, cảm tác nhiều bài thơ rất cảm động. “Chiêu Quân cống Hồ” (Hồ tức là Hung Nô) trở thành đề tài cho văn nhân thi sĩ Trung Hoa cũng như Việt Nam. (Câu 479 trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du “*Quá quan nầy khúc Chiêu Quân*”).

11. * Chữ “mục” trong Hoa ngữ có ba cách viết khác nhau với ba nghĩa khác nhau: Mục 牧 (thuộc bộ ngữu, 8 nét) có nghĩa là chăn nuôi trâu bò, gia súc (ví dụ “mục đồng”: đứa trẻ chăn nuôi). Mục 目 (5 nét) là con mắt (ví dụ “mục kích”: chính mắt trông thấy). Mục 睦 (thuộc bộ mục, 13 nét) nghĩa là hòa thuận (ví dụ “mục lân”: xóm giềng hòa hợp). Mao Trạch Đông dùng chữ “Mục Nam Quan” trong nghĩa chữ “mục” chót. (Xin cảm ơn Thầy Nguyễn Khắc Kham và anh Trần Huy Bích đã góp ý sửa lại sai lầm của người viết trong bài đăng báo lần đầu.)

* Về sau, danh xưng “Hữu Nghị Quan” được dùng để chỉ tất cả các cửa ải giữa CHXHCNVN và CHNDTH, ví dụ ải ở Lào Cai cũng gọi là “Hữu Nghị Quan. Điều nầy dễ hiểu, ví dụ ở nước ta nơi nào có núi đá giống hình mẹ bồng con đều được đặt tên là núi “Vọng Phu”. Có ít nhất bốn nơi mang tên “Vọng Phu”: Lạng Sơn, Thanh Hóa, Bình Định, Khánh Hòa (vùng núi giáp Phú Yên). Hiện nay, CSVN rất mong giữ tình hữu nghị với CSTDH nên cửa ải nào giữa hai nước cũng đặt là “Hữu Nghị Quan”.

* Vì CHNDTH đã chiếm ải Nam Quan, nên ngày nay, tại Lạng Sơn, phía nam ải Nam Quan đã mất, có một “Hữu Nghị Quan” mới giữa hai nước.

12. Bên Trung Hoa, Chu Toàn Trung lật đổ nhà Đường năm 907, lập ra nhà Hậu Lương (907-923). Năm 908 (mậu thìn), nhà Hậu Lương đặt Lưu An là tiết độ sứ Thanh Hải (Quảng Châu), kiêm tiết độ sứ Tĩnh Hải (Giao Châu) nhằm để lấy lại nước cổ Việt.

Lưu Ân qua đời năm 911 (tân mùi), em là Lưu Cung (hay Nham, Yên) lên thay. Lưu Cung tự xưng đế, đặt quốc hiệu là **Nam Hán** năm 917 (đinh sửu)

13. Lời "chua" của *Cương mục*, *sđd* tt. 166-167: " *Bắt đầu từ sông Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chảy vào địa hạt tỉnh Hải Dương: một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Doan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thủy Đường, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Theo sách Địa lý chí [Dư địa chí] của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng còn có tên gọi nữa là sông Vân Cù, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển. "*
Theo Nguyễn Khắc Ngữ trong *Việt Nam, đất nước mến yêu*, Văn Hoá, Montréal, 1984, tr. 128, sông Bạch Đằng nay gọi là sông Đà Bạch, một thoát lưu của sông Thái Bình.
14. Jennifer Holmgren, *Chinese Colonisation of Northern Vietnam*, Australian National University Press, Canberra, 1980, tr. 14.
15. Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* [Hoàng Xuân Hãn toàn tập], Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 418. [Sách này in lại toàn bộ tác phẩm của giáo sư Hoàng Xuân Hãn.]
16. Vùng sông Lục Nam gặp sông Thương, nay thuộc tỉnh Hải Dương.
17. Theo *Cương mục*, Nội Bàng ở Lạng Sơn (bản dịch, *sđd*. tr. 524), nhưng học giả Đào Duy Anh, đi nghiên cứu tại chỗ, cho rằng Nội Bàng có thể ở xã Chú, tỉnh Bắc Giang, bên cạnh Lạng Sơn. (Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, in lần thứ 2, 1997, tr. 246.)
18. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, in lần thứ 7, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, 1964, tr. 207.
19. *Đại Việt sử ký toàn thư*, viết tắt là *Toàn thư*, bản dịch của Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tập 2, tt. 272, 276.
20. *Toàn thư*, bản dịch, tập 3, tt. 122-123.

21. *Toàn thư*, bản dịch tập 3, tr. 121. *Cương mục*, bản dịch, tr. 1338. *Cương mục* đã dựa vào *Quảng Yên sách*, cho rằng động An Lương thuộc châu Vạn Ninh, vẫn còn của nước ta, và cho rằng *Toàn thư* chép lầm.
22. Hoàng Xuân Hãn, “Việt Thanh chiến sử”, đăng lại trong Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền, *sdd.* tr. 1341.
23. Điều 4 chương 1 Hiến pháp năm 1992 của CHXHCNVN xác nhận vai trò lãnh đạo tối cao của đảng CSVN. Sau đây là nguyên văn điều này: “*Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.*”
24. Theo lý thuyết chiến tranh du kích, du kích quân luôn luôn cần đến một hậu cứ an toàn để lẩn tránh, bảo toàn lực lượng khi bị truy đuổi. Lãnh thổ Trung Hoa là hậu cứ an toàn cho Việt Minh cộng sản chạy trốn khi bị truy đuổi. Quân đội Quốc Gia và quân đội Pháp không thể xâm phạm lãnh thổ Trung Hoa.
25. Bài của ông Vũ Khoan được ông Ngô Nhân Dụng trích dẫn trong bài bình luận “Mốc Mới”, nhật báo *Người Việt Online*, California, ngày 27-01-2002.
26. COMECON: Council for Mutual Economic Assistance tức Hội đồng Tương trợ Kinh tế được thành lập năm 1949 tại Moscow, gồm Liên Xô và các nước cộng sản chư hầu. Khối kinh tế này sụp đổ năm 1990 cùng với sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu.
27. Bùi Xuân Quang, *La troisième guerre d'Indochine 1975-1999: Sécurité et géopolitique en Asie du Sud-Est*, Nxb. L'Harmattan, Paris, 2000, tr 308.
28. Lúc đó, người viết bài này đang ở Đà Nẵng. Một diễn viên trong đoàn xiếc Hải Phòng, lên biên giới phía bắc trình diễn giúp vui cho quân dân sau chiến tranh, đã kể lại cho người viết rằng ít nhất 20 năm sau, Việt Nam chưa có thể xây dựng lại Lạng Sơn như trước khi đánh nhau với Trung Hoa. Lời nói đó, bây giờ thấy đúng.

29. Bài viết của ông Lý Công Luận từ Hà Nội ngày 4-2-2002, được *Việt Báo Online*, California, đăng lại số 2496, ngày 6-2-2002.
30. Nguyễn Thanh Giang trả lời phỏng vấn ngày 24-2-2002 của Đài Phát thanh Little Sài Gòn, Orange County, California. *Người Việt Online*, ngày 25-1-2002, mục “Tin Việt Nam”.
31. Lê Công Phụng [thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội, trưởng đoàn thương thuyết Việt Nam], “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, tạp chí *Cộng Sản*, Hà Nội, số 2 tháng 1-2001.
32. Nguyễn Văn Canh, “Việc thi hành hiệp ước biên giới 1999”, *Việt Báo Online*, California ngày 22-1-2002. [Ông Nguyễn Văn Canh, tiến sĩ Luật, Giáo sư Đại học Luật Khoa Sài Gòn trước năm 1975, hiện là thành viên Hoover Institute, Đại học Stanford.]
33. Nguyên văn bản văn này được đưa lên liên mạng thông tin quốc tế: tạp chí *Việt Nam Dân Chủ*, tháng 12-2001, <http://www.lmvntd.org/dossier/0111knghi.htm>.
34. Trần Đại Sỹ, “Bí mật vụ hiến đất dâng biển”, Bản văn được chuyển qua Liberty Flame, lưu trên Internet theo địa chỉ <http://groups.yahoo.com/group/HoiNghi/message/17582> (*Viet Bao Online*, ngày 14-1-2002 trích đăng lại). Địa chỉ của ông Trần Đại Sỹ: số 5, Place Félix Éboué, 75012 Paris, France. Theo ông Trần Đại Sỹ, khi được chia 38 % trên vịnh Bắc Việt, nhà Thanh rất mừng vì từ trước, người Trung Hoa coi vịnh Bắc Việt là của Việt Nam.
35. Bài phỏng vấn ông Lê Công Phụng ngày 28-1-2002 của đại diện Công Ty Phát Triển Phần Mềm (VASC Orient) thực hiện ở Hà Nội được đưa lên internet theo địa chỉ vnn.vn/pls/news/VASC_Orient. Trong *Diễn đàn Dân Chủ Forum*, <http://danchu.net>, có đăng lại bài phỏng vấn này.
36. Lê Công Phụng “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, *bài đã dẫn*.
37. Trích bản thoả ước ngày 26-6-1887 từ tài liệu “France, code No. 95886, *Recueil des traités conclus par la France en Extrême Orient*”, dạng microfilm, tại Grande Bibliothèque

Nationale de France [Đại Thư Viện Quốc Gia Pháp]. [Tài liệu này do bác sĩ Nguyễn Ngọc Quỳnh, Paris, Pháp, cung cấp. Xin cảm ơn ông Quỳnh.] Xin xem bản chụp lại thoả ước ngày 26-6-1887 phía dưới. Chú ý: Thoả ước **dùng kinh tuyến Paris**, chứ không dùng kinh tuyến Greenwich. Nguyên văn đoạn này: “*Au Kouang Tong, il est entendu que les points contestés qui sont situés à l'est et au nord-est de Monkai, au-dela de la frontière telle qu'elle a été fixée par la Commission de délimitation, sont attribués à la Chine. Les îles qui sont à l'est du méridien de Paris 105^o 43' de longitude est, c'est à dire de la ligne nord-sud passant par la pointe orientale de l'île de Tch'a Kou ou Ouanchau (Tra-co) et formant la frontière, sont également attribuées à la Chine. Les îles Go-tho et les autres îles qui sont à l'ouest de ce méridien appartiennent à l'Annam...*”

Tiến trình hoạch định biên giới Việt Hoa lúc đó như sau: 1) Trước hết, *Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và thương mại* ký tại Thiên Tân (Tien-Tsin) ký ngày 9-6-1885 giữa Pháp (Jules Patenôtre đại diện) và triều đình nhà Thanh (Si Tchen, Li Hong-Chang (Lý Hồng Chương) và Teng Tcheng Sieou đại diện) gồm 10 điều, trong đó điều 3 quy định trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký kết hiệp ước, đại diện hai bên sẽ làm việc để xác định biên giới Việt Hoa. 2) Sau 2 năm làm việc, Pháp (Ernest Constans đại diện) và triều đình nhà Thanh (hoàng thân K'ing [Kinh Vương?] đại diện) ký kết *Thoả ước phân định biên giới Hoa Việt* tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887. 3) Ngày 25-6-1895, Pháp (Auguste Gérard đại diện) và Trung Hoa (do hoàng thân K'ing đại diện) ký kết *Thoả ước bổ túc Thoả ước phân định biên giới Hoa Việt* ký tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887, ấn định cụ thể hơn một số điểm về biên giới giữa Vân Nam (Trung Hoa) và Tây bắc Bắc Việt.

Trên vịnh Bắc Việt, nếu phân chia theo kinh tuyến Paris là 105 độ 43 phút đông (tức kinh tuyến Greenwich 108 độ 03 phút 18 giây đông), tính ra Việt Nam được 62% và Trung Hoa 38% vịnh Bắc Việt. (Tạp chí *Lướt Sóng*, “Sau khi mất đất, Việt Nam mất tới biển: Hơn một nửa vịnh Bắc Việt thuộc Trung Cộng”, *Việt Báo Online*, California, đăng lại, ngày 28-1-2002.)

38. Luật biển Liên Hiệp Quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea, viết tắt UNCLOS hay LOS Convention), ban hành ngày 10-12-1982, theo đó những nước có bờ biển lờm chớm sẽ dùng những “đường thẳng căn bản” (baseline) nối liền các mũi đất và hải đảo để phân chia.
39. CSTH chủ trương chia hai vịnh Bắc Việt, có nghĩa là tính từ đảo Hải Nam của Trung Hoa đến bờ biển Bắc Việt.
40. Phía CSVN nói đến sự hiện diện của các đảo, có nghĩa là phân chia giữa đảo cực đông của Việt Nam là Bạch Long Vỹ và đảo Hải Nam của Trung Hoa.
41. Nguyễn Văn Tân, *Từ điển địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 81.
42. * Năm 1282, vua Mông cổ là Hốt Tất Liệt (Qubilai) sai tướng Toa Đô (Sogatu) đem quân từ Quảng Châu xuống đánh cửa Thị Nại (Vinaya, Quy Nhơn ngày nay) để thực hiện kế hoạch xuống Đông Nam Á. Theo *Nguyên sử*, nhà Trần đã gửi hai vạn quân cùng 500 chiến thuyền giúp đỡ vua Chiêm. (Hà Văn Tấn, Phan Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13*, in lần thứ ba, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 167, chú thích số 1.)
* Dưới triều đại Minh Thành Tổ, Trung Hoa nhiều lần gửi hạm đội do Trịnh Hòa (Cheng Ho) chỉ huy qua tận phía đông Phi Châu để buộc các nhà cai trị các nước duyên hải ở đây triều cống. (Edwin O. Reischauer, John K. Fairbank, *East Asia: The Great Tradition*, Houghton Mifflin Company, Boston, 1960, tr. 321.)
43. Nguyễn Văn Huy, “Sự hình thành các vùng biên giới miền Bắc”, nguyệt san *Thế Kỷ 21*, California, số 149, tháng 9-2001, tr. 39. Theo tác giả Nguyễn Văn Huy, đó là các vùng”Hoành Mô (70 km²) vùng đất nằm giữa thượng nguồn sông Tiên yên và sông Long Hồ ở Quảng Đông, xã Đèo Lương (300 Km²) ở Quảng Tây, và xã Tụ Long (750 km²) ở Vân Nam.”
44. Bản tin nhật báo *Người Việt Online*, California, ngày 25-01-2001.
45. Nguyễn Minh Căn, *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 114.

46. Theo nhà văn Hoàng Tiến (hiện còn sống trong nước), thì vào năm 1954 hai bên ã có quân đội hai nước canh gác, nhưng về sau, CHNDTH cho dân tràn lãn qua xây cất nhà cửa phía bên lãn thổ Việt Nam. Viện lý do dân chúng mới tràn lãn muốn thuộc quyền hành chánh của họ, CHNDTH xem đất đó là đất của họ. (Dương Thái Sơn, “Vấn đề cộng sản bán nước và chiến lược đấu tranh”, *Việt Báo Online*, 24-1-2002.)
47. Bài viết của ông Lý Công Luận từ Hà Nội ngày 4-2-2002, được *Việt Báo Online*, California, đăng lại số 2496, ngày 6-2-2002.
48. Jacques Massu, Jean-Julien Fonde, *L'aventure Việt-Minh*, Nxb. Plon, Paris, 1980, tr. 293, phần chú thích.
49. Tầm thực: Tầm là dẫu, thực là ăn. Kế hoạch tầm thực là kế hoạch thực hiện từ từ, lan truyền dần dần như con tầm từ từ ăn hết lá dẫu nảy đến lá dẫu khác.
50. Tại hội nghị San Francisco ký kết hiệp ước *Hoà bình và Phòng thủ chung* giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản ngày 8-9-1951, khi Nhật Bản tuyên bố từ bỏ chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Nhật Bản đã chiếm trong thế chiến 2, thủ tướng Trần Văn Hữu (1896 - ?), trưởng đoàn Đại biểu Quốc Gia Việt Nam tại hội nghị đã đọc diễn văn xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo này, và không một nước nào phản đối.
51. Nhân dịp kỷ niệm 90 tuổi, luật sư Hoàng Cơ Thụy đã đưa ra bản “Tuyên ngôn hưng quốc”, viết tại Antony (ngoại ô Paris) từ ngày 10 đến 17 tháng 12-2001, trong đó có đoạn ông viết về tài sản các uỷ viên Bộ chính trị đảng CSVN như sau: “*Theo nghiên cứu hồi cuối năm 2000 của một số chuyên viên ngân hàng, thì tài sản của 18 tên Việt Cộng chóp bu đã vợ vét được tới nay là (VC Politburo's Networth, Internet Thursday December 21, 2000): 1) Lê Khả Phiêu (1 tỷ 170 triệu mỹ kim); 2) Trần Đức Lương (1 tỷ 130 tr.); 3) Phan Văn Khải (1 tỷ 200 tr.); 4) Nông Đức Mạnh (135 tr.); 5) Nguyễn Văn An (143 tr.); 6) Nguyễn Tấn Dũng (1 tỷ 480 tr.); 7) Nguyễn Mạnh Cẩm (1 tỷ 150 tr.); 8) Nguyễn Đức Bình (140 tr.); 9) Phạm Thế Duyệt (1 tỷ 173 tr.); 10) Nguyễn Thị Xuân Mỹ (117 tr.); 11) Trung tướng Phạm Văn Trà (1 tỷ 136 tr.); 12) Trung tướng Lê Minh Hương (156 tr.); 13) Lê Xuân Tùng (116 tr.); 14) Trương Tấn Sang (1 tỷ 124 tr.); 15)*

- Phạm Thanh Ngân (12 tr.); 16) Nguyễn Minh Triết (197 tr.); 17) Phan Điền (156 tr.); 18) Nguyễn Phú Trọng (140 tr.)* (Tài liệu rút từ Internet) (Chú ý: danh sách này gồm những uỷ viên Bộ chính trị khóa 8, và trước khi diễn ra Đại hội 9 tháng 4-2001. Danh sách này cũng thiếu những uỷ viên cũ của Bộ chính trị như Đỗ Mười, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh, Mai Chí Thọ... Xin ghi lại để nghiên cứu thêm.)
52. Như trong thập niên 60 và 70, xảy ra vụ án mà tên gọi do đảng CSVN đặt là "Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài", và ngày nay, đảng CSVN đang cô lập những thành phần bất đồng chính kiến như Trần Độ, Hoàng Minh Chính...
53. Nguyễn Ngọc Huy, *Quốc triều hình luật* (phiên âm, dịch nghĩa và chú thích), Việt Publisher Thư Quán, Hoa Kỳ, 1989, tr. 189. Lê Thánh Tông rất chú ý việc bảo vệ biên giới:
- * Năm 1460 (canh thìn), nhà vua ra sắc chỉ cho các quan phủ, lộ, trấn, châu, huyện rằng: "*Ai ở cõi biên giới thì phải giữ quan ải cẩn thận, không được thông đồng với người nước ngoài.*" (Toàn thư, bản dịch tập 2, tr. 391.)
 - * Năm 1467 (đinh hợi) Sầm Tổ Đức, một viên quan nhà Minh qua cướp bóc phủ Bắc Bình (trước thuộc Thái Nguyên, sau thuộc Cao Bằng), Lê Thánh Tông sai quan đi kiểm tra, bắt tội các quan địa phương không phòng bị biên giới cẩn thận. (Toàn thư, bản dịch tập 2, tr. 419.) Sau đó, Lê Thánh Tông hạ sắc dụ cho các quan ở Lạng Sơn và vùng biên giới rằng: "*Quan coi giữ bờ cõi của triều đình, cố nhiên phải giữ đất yên dân, đánh ngăn giặc ngoài là chức phận của mình...*" (Toàn thư, bản dịch tập 2, tr. 422.)

TÀI LIỆU

Tiến trình hoạch định biên giới Việt Hoa dưới thời Pháp thuộc như sau:

1) Tại Thiên Tân (Tien-Tsin), ngày 9-6-1885, đại diện Pháp là Jules Patenôtre ký kết *Hiệp ước Hoà bình, Hữu nghị và Thương mại* với đại diện nhà Thanh là Si Tchen, Li Hong-Chang (Lý Hồng Chương) và Teng

Tcheng Sieou. Hiệp ước này gồm 10 điều, trong đó điều 3 quy định trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký kết hiệp ước, đại diện hai bên sẽ làm việc để xác định biên giới Việt Hoa.

2) Sau 2 năm làm việc, đại diện Pháp là Ernest Constans và hoàng thân K'ing (Kinh Vương?), đại diện nhà Thanh ký kết *Thoả ước phân định biên giới Hoa Việt* tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887.

3) Ngày 25-6-1895, Auguste Gérard, đại diện Pháp và hoàng thân K'ing đại diện Trung Hoa ký kết *Thoả ước bổ túc Thoả ước phân định biên giới Hoa Việt* tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 25-6-1895, ấn định cụ thể hơn một số điểm về biên giới giữa Vân Nam (Trung Hoa) và Tây bắc Việt.

TRÍCH: *Công Báo Pháp (Journal Officiel)* ngày 27-01-1886.

TRAITÉ DE PAIX, D'AMITIÉ ET DE COMMERCE
conclu entre la France et la Chine, le 9 Juin, 1885 à Tien-Tsin

.....
ARTICLE III

Dans un délai de six mois à partir de la signature du présent Traité, les Commissaires désignés par les Hautes Parties Contractantes se rendront sur les lieux pour reconnaître la frontière entre la Chine et le Tonkin. Ils poseront partout où besoin sera, des bornes destinées à rendre apparente la ligne de démarcation. Dans le cas où ils ne pourraient se mettre d'accord sur l'emplacement de ces bornes – ou sur les rectifications de détail, il pourrait y avoir lieu d'apporter à la frontière actuelle du Tonkin, dans l'intérêt commun des deux pays, ils en réfèraient à leurs Gouvernements respectifs.

.....
[Bản hiệp ước đầy đủ bằng Pháp văn do ông Trần Trung Đạo ở Boston cung cấp. Xin cảm ơn ông Trần Trung Đạo]

Xin tạm dịch:

HIỆP ƯỚC HOÀ BÌNH, HỮU NGHỊ VÀ THƯƠNG MẠI
ký kết giữa Pháp và Trung Hoa ngày 9-6-1885 tại Thiên Tân

.....
ĐIỀU III

Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày ký kết hiệp ước này, hai bên ký kết hiệp ước sẽ chỉ định các uỷ viên đến hiện trường để thừa nhận biên giới

giữa Trung Hoa và Bắc Kỳ. Họ sẽ đặt ở tất cả những nơi nào cần thiết, những cột mốc mục đích làm cho rõ đường phân ranh. Trong trường hợp họ không đồng ý với nhau về vị trí đặt cột mốc – hoặc việc điều chỉnh chi tiết, có thể phải xác minh dựa theo biên giới Bắc Kỳ hiện thời, trong quyền lợi chung của hai nước, họ sẽ tham chiếu với các chính quyền liên hệ của họ.

.....

CONVENTION RELATIVE À LA DÉLIMITATION
de la frontière entre la Chine et le Tonkin,
signée à Pékin le 26 juin 1887

Les Commissaires nommés par le Président de la République Française et par S. M. l'Empereur de Chine, en exécution de l'article 3 du Traité du 9 juin 1885 pour reconnaître la frontière entre la Chine et le Tonkin ayant terminé leurs travaux,

M. Ernest Constans, député, ancien Ministre de l'intérieur et des cultes, commissaire du Gouvernement, Envoyé extraordinaire de la République Française, d'une part,

Et S. A. le prince K'ing, prince du second rang, président du Tsoung-li-Yamen, assisté de

S. Exc. Souen-Yu Quen, membre du Tsoung-li-Yamen, premier vice-président du ministère des travaux publics ;

Agissant au nom de leurs Gouvernements respectifs ;

Ont décidé de consigner dans le présent Acte les dispositions suivantes destinées à régler définitivement la délimitation de ladite frontière :

1° Les procès-verbaux et les cartes y annexées qui ont été dressés et signés par les Commissaires Français et Chinois sont et demeurent approuvés ;

2° Les points sur lesquels l'accord n'avait pu se faire entre les deux commissions, et les rectifications visées par le deuxième paragraphe de l'article 3 du Traité du 9 juin 1885 sont réglés ainsi qu'il suit :

Au Kouang-Tong, il est entendu que les points contestés qui sont situés à l'est et au nord-est de Monkaï, au-delà de la frontière telle qu'elle a été fixée par la Commission de délimitation, sont attribués à la Chine. Les îles qui sont à l'est du méridien de Paris 105° 43' de longitude est, c'est-à-dire de la ligne nord-sud passant par la pointe orientale de l'île de Tch'a Kou ou Ouanchan (Tra-co) et formant la frontière, sont également attribuées à la Chine. Les îles

Go-tho et les autres îles qui sont à l'ouest de ce méridien appartiennent à l'Annam.

Les Chinois coupables ou inculpés de crimes ou délits qui chercheraient un refuge dans ces îles, seront, conformément aux stipulations de l'article 27 du Traité du 25 avril 1886, recherchés, arrêtés et extradés par les Autorités Françaises.

Sur la frontière du Yun-Nan, il est entendu que la démarcation suivra le tracé suivant :

De Keou-teou-tchai (Cao-dao-trai) sur la rive gauche du Siao-tou-tcheou-ho (Tien-do-chu-ha), point M de la carte de la deuxième section, elle se dirige pendant cinquante lis (20 kilomètres) directement de l'ouest vers l'est en laissant à la Chine les endroits de Tsui-kiang-cho ou Tsui y-cho (Tu-nghia-xa), Tsui-mei-cho (Tu-mi-xa), Kiang-fei-cho ou Y-fei-cho (Nghia-fi-xa), qui sont au nord de cette ligne, à l'Annam, celui de Yeou-p'ong-cho (Hu-bang-xa) qui en est au sud, jusqu'aux points marqués P et Q sur la carte annexe où elle coupe les deux branches du second affluent de droite de Hoï-ho (Hac-ha) ou Tou-tcheou-ho (Do chu-ha). A partir du point Q, elle s'infléchit vers le sud-est d'environ quinze lis (6 kilomètres), jusqu'au point R, laissant à la Chine le territoire de Nan-ian (Nam-don) au nord de ce point R ; puis à partir de ce dit point, remonte vers le nord-est jusqu'au point S, en suivant la direction tracée sur la carte par la ligne R-S, le cours du Nan-teng-ho (Nam-dang-ha) et les territoires de Man-meï (Man-mi), de Mong-tong-chang-ts'oun (Muang-dong-troung-then), de Mong-toung-chan (Muong-dong-son), de Mong-toung-tchoung-ts'oun (Muong-dong-truong-thon), et de Meng-toung-chia-ts'ou (Muong-dong-ha-thon) restant à l'Annam.

A partir du point S (Meng-toung-chia-ts'oun ou Muong-dong-ha-thon), le milieu du Ts'ing-chouei ho (Than thuy ha) indique jusqu'à son confluent, en T, avec la rivière Claire, la frontière adoptée.

Du point T, son tracé est marqué par le milieu de la rivière Claire jusqu'au point X, à hauteur de Tch'ouan-teou (Thuyen-dan).

Du point X, elle remonte vers le nord jusqu'au point Y, en passant par Paiche-yai (Bach-thach-giai) et Lao-ai-k'an (Lao-hai-kan), la moitié de chacun de ces deux endroits appartenant à la Chine et à l'Annam ; ce qui est à l'est appartient à l'Annam, ce qui est à l'ouest à la Chine.

A partir du point Y, elle longe, dans la direction du nord, la rive droite du petit affluent de gauche de la rivière Claire, qui la reçoit entre Pien-pao-kia (Bien-bao-kha) et Pei-pao (Bac-bao) et gagne ensuite Kao-ma-paï (Cao-mabach), point Z où elle se raccorde avec le tracé de la troisième section.

A partir de Long-po-tchai (cinquième section), la frontière commun du Yun Nan et de l'Annam remonte le cours du Long-po-ho jusqu'à son confluent avec le Ts'ing-chouei-ho, marqué A sur la carte ; du point A, elle suit la direction générale du nord-est au sud-ouest jusqu'au point indiqué B sur la carte, endroit où le Saï-kiang-po reçoit le Mien-chouei-ouan ; dans ce parcours, la frontière laisse à la Chine le cours du Ts'ing-chouei-ho.

Du point B, la frontière, à la direction est-ouest jusqu'au point C où elle rencontre le point Teng-tiao-tchiang au dessous de Ta-chou-tchio. Ce qui est sud de cette ligne appartient à l'Annam, ce qui est au nord, à la Chine.

Du point C, elle redescend vers le sud en suivant le milieu de la rivière Teng-tiao-Tchiang jusqu'à son confluent au point D avec le Tsin-tse-ho.

Elle suit ensuite le Tsin-tse-ho pendant environ 30 lis et continue dans la direction est-ouest jusqu'au point D où elle rencontre le petit ruisseau qui se jette dans la rivière Noire (Hei-tciang ou Hac-giang) à l'est du bac de Meng-pang. Le milieu de ce ruisseau sert de frontière du point E au point F.

A partir du point F, le milieu de la rivière Noire sert de frontière à l'ouest.

Les Autorités locales Chinoises et les Agents désignés par le Résident général de la République Française en Annam et au Tonkin seront chargés de procéder à l'abornement, conformément aux cartes dressées et signées par la Commission de délimitation et au tracé ci-dessus.

Au présent Acte sont annexées trois cartes en deux exemplaires, signées et scellées par les deux parties. Sur ces cartes, la nouvelle frontière est tracée par un trait rouge et indiquée sur les cartes du Yun Nan par les lettres de l'alphabet Français et les caractères cycliques Chinois.

Fait à Pékin, en double expédition, le 26 juin 1887.

(Signature et cachet du Plénipotentiaire Chinois).

Signé : CONSTANS

(Cachet de la légation de France à Pékin).

Thoả ước ngày 26-6-1887 trích từ tài liệu "France, code No. 95886, *Recueil des traités conclus par la France en Extrême Orient*", dạng microfilm, tại Grande Bibliothèque Nationale de France [Đại Thư Viện Quốc Gia Pháp]. [Tài liệu do bác sĩ Nguyễn Ngọc Quỳ, Paris, Pháp, cung cấp. Xin cảm ơn ông Nguyễn Ngọc Quỳ.]

Dưới đây là nguyên dạng bản chụp từ microfilm.

Ce dernier conflit ne se termina pas seulement par la signature d'un Traité, assurant la protection des chrétiens, en Annam, comme en Chine, il entraîna l'occupation de la basse Cochinchine, et peu après, l'annexion des trois provinces de Vinh-Luong, Chaudouan-Huayin. De plus, l'Empire d'Annam était placé sous le Protectorat de la France.

De ce jour, le rôle de la France va changer dans les mers de Chine. Elle devient une Puissance coloniale et son influence s'exercera pour la défense d'intérêts matériels. Alors aussi vont s'établir, entre elle et les pays d'Extrême-Orient, des rapports commerciaux plus suivis et plus importants.

Convention relative à la délimitation de la frontière entre la Chine et le Tonkin, signée à Pékin, le 26 juin 1887.

Les Commissaires nommés par le Président de la République Française et par S. M. l'Empereur de Chine, en exécution de l'article 3 du Traité du 9 juin 1885 pour reconnaître la frontière entre la Chine et le Tonkin ayant terminé leurs travaux,

M. Ernest Constans, député, ancien Ministre de l'Intérieur et des cultes, commissaire du Gouvernement, Envoyé extraordinaire de la République Française, d'une part,

Et S. A. le prince K'ing, prince du second rang, président du Tsoung-li-Yamen, assisté de

E. Exc. Souen-Yu Quen, membre du Tsoung-li-Yamen, premier vice-président du ministère des travaux publics,

Agissant au nom de leurs Gouvernements respectifs ;

Ont décidé de consigner dans le présent Acte les dispositions suivantes destinées à régler définitivement la délimitation de ladite frontière :

1^o Les procès-verbaux et les cartes y annexées qui ont été dressés et signés par les Commissaires Français et Chinois sont et demeurent approuvés ;

2^o Les points sur lesquels l'accord n'avait pu se faire entre les deux commissions, et les rectifications visées par le deuxième paragraphe de l'article 3 du Traité du 9 juin 1885 sont réglés ainsi qu'il suit :

Au Kouang-Tang, il est entendu que les points contestés qui sont situés à l'est et au nord-est de Moukai, au-delà de la frontière telle qu'elle a été fixée par la Commission de délimitation, sont attribués à la Chine. Les lies qui sont à l'est du méridien de Paris 106° 43' de longitude est, c'est-à-dire de la ligne nord-sud passant par le point orientale de l'île de T'ai'-kou ou Chamchun (Tra-co) et formant la frontière, sont également attribués à la

26 JUIN 1887

301

China. Les îles Go-tho et les autres îles qui sont à l'ouest de ce méridien appartiennent à l'Annam.

Les Chinois coupables ou inculpés de crimes ou délits qui chercheraient un refuge dans ces îles, seront, conformément aux stipulations de l'article 27 du Traité du 25 avril 1886, recherchés, arrêtés et extradés par les Autorités Françaises.

Sur la frontière de Yun-Nan, il est entendu que la démarcation suivra le tracé suivant :

De Keou-taou-tahai (Cao-dao-trai) sur la rive gauche du Siao-tou-tcheou-ho (Tien-do-chu-ha), point M de la carte de la deuxième section, elle se dirige pendant cinquante lis (30 kilomètres) directement de l'ouest vers l'est en laissant à la Chine les endroits de Tsui-kiang-cho ou Tsui-yo-ho (Tu-nghia-xa), Tsui-mei-cho (Tumi-xa), Kiang-foi-cho ou Y-foi-cho (Nghia-s-xa), qui sont au nord de cette ligne, et à l'Annam, celui de Yeou-p'ong-cho (Hu-bang-xa) qui est au sud, jusqu'aux points marqués P et Q sur la carte annexée où elle coupe les deux branches du second affluent de droite de Hsi-ho (Hae-ha) ou Tou-tcheou-lun (Do-chu-ha). A partir du point Q, elle s'infléchit vers le sud-est d'environ quinze lis (6 kilomètres), jusqu'au point R, laissant à la Chine le territoire de Nan-fan (Nan-don) au nord de ce point R; puis à partir de ce dit point, remonte vers le nord-est jusqu'au point S, en suivant la direction tracée sur la carte par la ligne R-S, le cours du Nanteng-ho (Nam-dang-ha) et les territoires de Man-mei (Man-mi), de Meng-tong-chang-ta'oum (Muang-dong-troung-thou), de Mong-toung-chan (Muong-dong-son), de Meng-toung-tchoung-ta'oum (Muong-dong-truong-thou), et de Meng-toung-chia-ta'oum (Muong-dong-ha-thou) restant à l'Annam.

A partir du point S (Meng-toung-chia-ta'oum ou Muong-dong-ha-thou), le milieu du Ts'ing-chouai ho (Than thuy ha) indique jusqu'à son confluent, en T, avec la rivière Claire, la frontière adoptée.

Du point T, son tracé est marqué par le milieu de la rivière Claire jusqu'au point X, à hauteur de Tchouan-taou (Thuyen-dan).

Du point X, elle remonte vers le nord jusqu'au point Y, en passant par Paiche-yai (Bach-thach-giai) et Lao-ai-k'an (Lao-hai-kan), la moitié de chacun de ces deux endroits appartenant à la Chine et à l'Annam; ce qui est à l'est appartient à la Chine, ce qui est à l'ouest à la Chine.

A partir du point Y, elle longe, dans la direction du nord, la rive droite du petit affluent de gauche de la rivière Claire qui la reçoit entre Pien-pao-kin (Bien-bao-kin) et Pe-pao (Bao-bao) et

grands cascade Kao-ma-pai (Oao-mabach), point X; où elle se raccorde avec le tracé de la troisième section.

A partir de Long-po-tchaf (cinquième section), la frontière commune du Yun-Nan et de l'Annam remonte le cours du Tong-po-hu jusqu'à son confluent avec le Ts'ing-chouei-ho, marqué A sur la carte; du point A, elle suit la direction générale du nord-est au sud-ouest jusqu'au point indiqué B sur la carte, endroit où le Sai-kiang-ho reçoit le Mien-chouei-ouan; dans ce parcours, la frontière laisse à la Chine le cours du Ts'ing-chouei-ho.

Du point B, la frontière, à la direction est-ouest jusqu'au point C où elle rencontre le Teng-liao-tchiang au-dessous de Ta-chou-tchiao. Ce qui est au sud de cette ligne appartient à l'Annam, ce qui est au nord, à la Chine.

Du point C, elle redescend vers le sud en suivant le milieu de la rivière Tong-liao-tchiang jusqu'à son confluent au point D avec le Ts'iu-tse-ho.

Elle suit ensuite le Ts'iu-tse-ho pendant environ 30 lis et continue dans la direction est-ouest jusqu'au point D où elle rencontre le petit ruisseau qui se jette dans la rivière Noire (Hei-tchiang ou Hae-giang) à l'est du bac de Meng-pang. Le milieu de ce ruisseau sert de frontière du point E au point F.

A partir du point F, le milieu de la rivière Noire sert de frontière à l'ouest.

Les Autorités locales Chinoises et les Agents désignés par le Résident général de la République Française en Annam et au Tonkin seront chargés de procéder à l'abornement, conformément aux cartes dressées et signées par la Commission de délimitation et au tracé ci-dessus.

Au présent Acte sont annexées trois cartes en deux exemplaires, signées et scellées par les deux parties. Sur ces cartes, la nouvelle frontière est tracée par un trait rouge et indiquée sur les cartes du Yun-Nan par les lettres de l'alphabet Français et les caractères syllabiques Chinois.

Fait à Pékin, en double expédition, le 26 juin 1887.

(Signature et cachet du Plénipotentiaire Chinois).

Signé : COMTE.

(Cachet de la légation de France à Pékin).

VĂN THƠ VỀ ẨM NAM QUAN

THƠ Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI:

HAI CHỮ “NƯỚC NHÀ”

Nghĩ lời ông Phi Khanh dặn con
là ông Nguyễn Trãi khi ông (Phi
Khanh) bị quân Minh bắt giải sang
Tàu.

- 1 Chốn ải Bắc mây sâu ảm đạm,
Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu,
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nhìn phong cảnh như khêu bất bình.
- 5 Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tàn lặn bước dặm khơi,
Trông con tầm tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên:
Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định,
- 10 Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay,
Trời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng liệt nữ xưa nay kém gì.
Than vận nước gặp khi biến đổi,
Để quân Minh thừa hội xâm lăng.
- 15 Bốn phương khói lửa bừng bừng,
Xiết bao thảm họa, xương rừng máu sông.
Nơi đô thị thành tung quách vỡ,
Chốn nhân gian bỏ vợ lìa con.
Làm cho xiêu tán hao mòn,
- 20 Lạ gì khác giống dễ còn thương dân.

- Thảm vong quốc trăm phần xót cảm,
 Trông cơ đồ nhường xé tâm can.
 Ngậm ngùi đất khóc trời than,
 Thương ôi nòi giống lâm than phen này!
- 25 Núi Nùng Lĩnh như xây khối uất,
 Sóng Lam Giang nhường vật cơn sầu.
 Con ơi! Càng nói càng đau...
 Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?
 Cha xót phận tuổi già sức yếu,
- 30 Lỡ sa cơ đành chịu bó tay.
 Thần lương bao quản vũng lầy,
 Giang sơn gánh vác sau này cậy con.
 Con nên nhớ tổ tông khi trước,
 Đã từng phen vì nước gian lao.
- 35 Bắc Nam bờ cõi phân mao,
 Ngọn cờ độc lập, máu đào còn đây!
 Kìa Trưng Nữ ra tay buồm lái,
 Phạn liễu bồ chống với cuồng phong,
 Giết giặc nước, trả thù chồng,
- 40 Nghìn thu tiếng nữ, anh hùng còn ghi!
 Đức Hưng Đạo gặp khi quốc biến,
 Vì giống nòi quyết chiến bao phen,
 Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên,
 Gương treo chính khí, nước rền dư uy!
- 45 Giở lịch sử gương kia còn tỏ,
 Mở dư đồ đất nọ chưa tan.
 Giang san này vẫn giang san,
 Cớ sao sẩy ghé tan đàn vì ai?
 Con nay cũng một người trong nước,
- 50 Phải nhắc cân “gia quốc” đôi đường,
 Làm trai hồ thỉ bốn phương,
 Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng.

- Thời thế có anh hùng là thế,
 Chữ vinh hoa sá kể làm chi!
- 55 Mấy trang hào kiệt xưa kia,
 Hy sinh thân thế cũng vì nước non!
 Con đương độ đầu son tuổi trẻ,
 Bước cạnh tranh há dễ nhường ai?
 Phải nên thương lấy giống nòi,
- 60 Đừng ham phú quý mà nguôi tắc lòng!
 Kiếp luôn cúi đĩnh chung cũng nhục,
 Thân tự do chen chúc mà vinh!
 Con ơi! Nhớ đức sinh thành,
 Sao cho khỏi để ô danh với đời!
- 65 Chớ lẫn lừa theo loài nô lệ,
 Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai!
 Dem thân đây đọa tội đời,
 Nhục nhân bêu riếu muôn đời hay chi!
 Sống như thế sống đê sống nhục,
- 70 Sống làm chi thêm chật non sông!
 Thà rằng chết quách cho xong,
 Cái thân cầu trệ ai mong có mình!
 Huống con cũng học hành hiểu biết,
 Làm giống người phải xét nông sâu,
- 75 Tuồng chi gục mặt cúi đầu,
 Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đành!
 Nổi tâm sự đĩnh ninh nhường ấy,
 Cha khuyên con có bấy nhiêu lời.
 Con ơi! Con phải là người,
- 80 Thì con theo lấy những lời cha khuyên.
 Cha nay đã muôn nghìn bi thảm,
 Nói bao nhiêu tâm khảm càng đau!
 Chân mây mặt cỏ rầu rầu,
 Càng trông cố quốc mạch sầu càng thương.

- 85 Lời cha dặn khắc xương để dạ,
 Dấu gian lao chớ có sai nguyên.
 Tuốt gương thể với xương thiên,
 Phải đem tâm huyết mà đền cao sâu.
 Gan tráng sĩ vững sau như trước,
- 90 Chí nam nhi lấy nước làm nhà!
 Tấm thân xẻ với sơn hà,
 Tượng đồng bia đá họa là cam công.
 Nửa mai một giết xong thù nghịch,
 Mũi long tuyền lau sạch máu tanh.
- 95 Làm cho đất động trời kinh,
 Bấy giờ quốc hiển gia vinh có ngày!
 Nghĩa vụ đó con hay chẳng tá?
 Tính toán sao vẹn cả đôi đường.
 Cha dù đất khách gửi xương,
- 100 Trông về cố quốc khỏi thương hồn già.
 Con ơi! Hai chữ “Nước Nhà”.

Á Nam Trần Tuấn Khải

(Trích: *Bút quan hoài, Hồn tự lập II*
 Nhà in Xương Ký, Hà Nội, 1927)

Trần Tuấn Khải (1895-1983) : Bút hiệu là Đông Minh, Đông Á Thị, Á Nam, người làng Quán Xán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, thời Pháp thuộc làm công chức, cộng tác với các báo *Hữu Thanh Tạp Chí, Văn Học Tạp Chí, Đông Tây Tuần Báo, Phụ Nữ Thời Đàm* (Hà Nội). Sau năm 1954, ông làm việc ở Thư Viện Quốc Gia, Viện Khảo Cổ ở Sài Gòn và viết cho các báo *Đuốc Nhà Nam, Văn Hoá Nguyệt San, Tin Văn...*

Tác phẩm: *Bút quan hoài, Hồn tự lập I* (1914), *Duyên nợ phù sinh I, II* (1921-1923), *Gương bể dâu, Hồn hoa* (1925), *Bút quan hoài, Hồn tự lập II* (1927), *Thiên Thai lão hiệp* (1935), *Với sơn hà I, II* (1936-1949), *Mảnh gương đời* (?). Ngoài ra, ông còn dịch một số tiểu thuyết Trung Hoa.

KỊCH THƠ HOÀNG CẨM:

PHI KHANH VÀ NGUYỄN TRÃI

Khung cảnh: Một đêm trăng mờ lạnh lẽo. Tiếng tiêu nào trên ngàn xa vắng vắng trong sương đêm. Trên một khu rừng gần ẨM NAM QUAN, chỉ chít cây cối có một bóng đen vạch cây, rẽ lá tìm đường. Gần chỗ ấy, Nguyễn Phi Khanh bị giam trong một cái cũi lớn. Lúc đó đã nửa đêm. Bốn bề tịch mịch. Duy có tiếng tiêu vẫn réo rất náo nùng. Thỉnh thoảng gõ mõ cầm canh xa xa. Hồi lâu, Phi Khanh hơi cử động và ngồi dậy.

Phi Khanh:

Đây biên giới hai nước thù đẫm máu
 Đây NAM QUAN, con mắt khép tình thâm
 Lối qua lại của một loài cuồng khấu
 Là NAM QUAN chưa xốt bóng nghìn năm

Đây NAM QUAN, bốn bề sương lạnh lẽo
 Hồn thuở xưa lay động bóng tinh kỳ
 Ai đi sứ nơi quê người lẽo đẽo
 Cỏ hoa rừng dăng lệ khóc phân ly!
 Đây NAM QUAN, những u hồn thấp thoáng
 Đứng đầu non, trông rõi bóng quê hương
 Đây NAM QUAN, anh hùng xưa lảng vắng
 Trở sang Tàu, vẽ máu trên đường gươm
 Đây NAM QUAN, nơi tướng quân họ Lý
 Đuổi quân thù để cứu lấy dân sinh
 Lại phóng xá cho giống người tiểu kỹ
 Rút binh về, muá tít lưỡi gươm linh
 Đây NAM QUAN, quân Nguyên rời biển máu
 Thoát rừng xương tở tả kéo nhau về

Say chiến công, tướng nhà Trần lão đảo
Nắng chiều hôm rung động ánh gương thề

Màu thời gian phát phơ làn khói biếc
Bóng người xưa lỏng lộng tím trời xanh
Đến bây giờ Thăng Long nằm đợi chết
Đau lòng ta tiếng gọi dưới trăng thanh
Nước phá, nhà tan, muôn dân u uất!
Biết bao giờ lau sạch máu trên đầu?
Mấy cha con như sao thẩn vụt tắt
Đường xa xôi huyết lệ chảy về đâu?

(Nguyễn Trãi đi đến, nép vào một bụi cây, lắng nghe.)

Nguyễn Trãi:

Góc trời Nam, ánh sao thẩn vụt tắt
Thành Thăng Long nghi ngút chuyện thương đau
Phụ thân ôi! Chiến bào đầy nước mắt,
Biết bao giờ lau sạch máu trên đầu?

Phi Khanh:

Ai?

Nguyễn Trãi

Thưa phụ thân, con, đây Nguyễn Trãi!

Phi Khanh:

Kìa, đêm khuya sao lại đến tìm cha?

Nguyễn Trãi:

Đêm giá lạnh, quân canh vì trẻ nải
Con băng rừng, tìm neỏ đến thăm cha

Nguyễn Trãi:

Đây là chốn ải địa đầu nước Việt
Khắc trong lòng ghi nhớ hận Nam Quan
Bao năm trời nằm sương và gối tuyết

Cha hằng mong thiên hạ được bình an
 Bên đất khách khi đến giờ nhắm mắt
 Cha sẽ cầu con trả được thù chung
 Ngày mai đây, tấm thân tàn sẽ mất
 Nhưng linh hồn bay lại với non sông
 Con về đi! Cha yên tâm chịu khổ!
 Con về đi! Đúc thép chống giang san
 Cha tin chắc đường gươm nơi đất Tổ
 Sẽ có ngày sáng chói những vinh quang
 Con về đi!...

Nguyễn Trãi:

...Thưa cha đau đớn lắm
 Nỗi chia lià tê buốt bóng trăng xa
 Như thân con có quản gì bụi lấm
 Xin theo hầu thân phụ đến Trung Hoa
 Để cùng cha, một mai cùng biết chết
 Cùng hai anh chia xẻ nỗi đau buồn

Phi Khanh:

A! Nguyễn Trãi! Hãy dẹp tình thảm thiết
 Trông đằng sau: xương máu ngập giang sơn
 Cha sinh con, nghĩa là gây sức mạnh
 Cha nuôi con, là hy vọng về sau
 Đến ngày nay, giữa đường cha đứt gánh
 Thì con ơi! Tung kiếm cho quên sầu!
 Con về đi! Cha vui lòng vĩnh biệt
 Con về đi! Rửa nhục cho non sông
 Con phải nhớ: con là dòng tuấn kiệt
 Trong người con cuộn cuộn máu anh hùng

Nguyễn Trãi:

Nhưng bên trời, cha cùng anh tắm máu
 Con lòng nào yên sống giữa quê hương
 Ôi! Việt Nam! Vào tay loài thảo khấu

Khói nghìn năm thối thóp trên sa trường
 Khấp non sông vừa tàn cơn ác mộng
 Tình yên vui, trăm họ nén đau thương
 Ai đồng chí trong đám người ham sống
 Trên kinh thành lơ lửng một thanh gươm!
 Kia nghìn dặm trên đường về thui thủi
 Lưỡi quân Minh căng đợi khách giang hồ
 Một mảnh hổ chổng sao đàn chó sói
 Thân tan tành bên máu chợ kinh đô
 Con xin cha, cho con theo bóng áo
 Cùng ôm nhau, cùng chết dưới gươm thù
 Không tận trung, thôi đành con tận hiếu
 Kiếp này mong khỏi thẹn với nghìn thu

Phi Khanh:

Không thể được! Định sang Tàu chết nhục
 Làm con ma uất hận giữa quê người!
 Con hèn quá, con làm cha tủi cực,
 Thôi! Mong gì báo đáp một ngày mai!
 Giống Đại Việt không bao giờ hèn yếu
 Tự nghìn xưa ngẩng mặt lên trời cao
 Ôi! Kiêu hãnh là những trang niên thiếu
 Tự nghìn xưa không nhục chí anh hào!
 Gái cùng trai trên non sông gấm vóc
 Đã thêu bằng huyết lệ, bằng gươm đao
 Những trang sử đẹp như vàng với ngọc
 Bóng muôn đời không thẹn với với trăng sao!
 Con là trai mà không bằng nhi nữ
 Cha sinh con hổ thẹn với Trời xanh
 Mong chết uổng chỉ là người ụy tử
 Sống bề bàng thêm tuối mặt tài danh
 Người trượng phu nên tìm đường mà chết
 Chết làm sao vang động khắp nghìn phương

Chết làm sao cho kẻ thù tiêu diệt!
 Chết làm sao mà vạn thuở nhớ thương!
 Kia cái chết bậc anh thư ngày trước
 Muôn nghìn năm Quốc sử ngát trầm hương
 Con hãy trả xong thù nhà nợ nước
 Muốn theo cha thì chết trên sa trường!

Nguyễn Trãi: (mơ màng nhìn về phía xa)

Ôi! Bóng quê hương ngả nắng chiều
 Những mùa thu cũ gợi thương yêu
 Mái tranh xơ xác, thêm trăng lạnh
 Sân mốc, vườn hoang, gió tịch liêu
 Tre xanh san sát chuyện gươm đao
 Đứng rũ tà huy nhuộm máu đào
 Thép rỉ buồn tênh lời sắt đá
 Gươm cùn tựa nguyệt, giặc chiêm bao
 Chí khí phai dần trên kỷ niệm
 Như đường tơ nhạt nếp thời gian
 Bao giờ dứt lệ quên đau khổ
 Tung kiếm nghìn thu quét bạo tàn

Phi Khanh:

Con yêu quý! chớ xuôi lòng mềm yếu
 Gác tình riêng, vỗ cánh trở về Nam!
 Con về đi! Tận trung là tận hiếu
 Dem gươm mài bóng nguyệt dưới khăn tang
 Nếu trời muốn cho nước ta tiêu diệt
 Thì lưới thù sẽ úp xuống đầu xanh
 Không bao giờ! Không bao giờ con chết
 Về ngay đi rồi chí toại công thành
 Nghĩ đến cha một phương trời ảm đạm
 Thì nghiêng răng vung kiếm quét quân thù
 Trãi con ơi! Tương lai đầy ánh sáng
 Cha đứng đây trông suốt được nghìn thu

Nguyễn Trãi: (quỳ lạy)

Cha nói đến tương lai đầy ánh sáng
Khiến lòng con bưng tỉnh một cơn mê
Quỳ lạy cha, cha lên đường ảm đạm
Rời Nam Quan, theo gió, con bay về

Phi Khanh:

Ôi! Sung sướng, trời sao chưa nở tắt
Về ngay đi! Ghi nhớ hận Nam Quan
Bên Kim Lăng[*] cho đến ngày nhắm mắt
Cha nguyện cầu con lấy lại giang san

Nguyễn Trãi:

Hận Nam Quan, biết bao giờ phai nhạt
Biết bao giờ cạn lệ khóc cha già
Lúc vĩnh biệt thật trăm nghìn chua xót!

Phi Khanh:

Kìa con trông: nắng hé chân trời xa

Nguyễn Trãi:

Chân trời xa!

Phi Khanh:

...Về ngay đi Nguyễn Trãi

Nâng gương thể, đem quốc sử mà soi

Nguyễn Trãi:

Đã đến giờ con lià xa quan ải
Kể từ nay Nam Bắc cách đôi nơi

Phi Khanh:

Đêm sắp cạn, về ngay đi Nguyễn Trãi
Nhớ Nam Quan là vết máu trên đầu

Nguyễn Trãi:

Đêm Nam Quan là con dao hai lưỡi
Trích lòng con thành một vết thương sâu

[*] Bến Kim Lăng: Kinh đô của nhà Minh (Nam Kinh ngày nay).

Trông phía Bắc thì xót thương dòng máu
 Ngó về Nam thì tan tác gia hương
 Càng thảm khốc, càng bền gan chiến đấu
 Bụi hồng bay, quay tít một thanh gươm
 Giống nòi ấy, nghe lời oanh liệt cũ
 Sẽ vùng lên như trận gió điên cuồng!
 Hỡi quân Minh! Sao không nhìn lịch sử
 Mà vội vàng ngạo nghễ xuống Nam phương?
 Hãy chờ đấy mà nếm mùi thất bại
 Tàn ác đi rồi trả nợ về sau!
 Hãy chờ đấy, trông sao thần sáng chói
 Trong trần ai, ai dễ biết ai đâu!
 Một ngày mai con tung gươm cất cánh
 Trời quê hương rực lửa những đêm thiêng
 Cha phù hộ cho con tròn sứ mệnh
 Bại hay thành là theo lệnh Hoàng Thiên
 Một ngày mai, khi Trãi nầy khởi nghĩa
 Kéo cờ lên, pháp phối linh hồn cha
 Gạt nước mắt, con nguyện cùng thiên địa
 Một ngày mai, con lấy lại sơn hà

Phi Khanh:

Máu anh hùng! Trôi đi mà rửa nhục,
 Kia con trông: nắng nhuộm chân trời xa

Nguyễn Trãi:

Con xin về, mài gươm mà báo phục

Phi Khanh:

Cha mỉm cười nhắm mắt bên Trung Hoa

Nguyễn Trãi:

Tình phụ tử chia lià, ai nín khóc
 Bóng đêm tàn cay đắng tấm lòng con!
 Trời thăm xa, đoạt mất quyền hoạ phúc

Phi Khanh:

Kìa con trông: nắng xoã trên đầu non

Nguyễn Trãi:

Trên ngọn núi, nắng phơi màu hy vọng
Con biết rồi, bóng dáng củ nghìn xưa
Con hiểu rồi, linh hồn cha cao rộng
Sẽ bay về theo lớp gió mây đưa
Tiếng chim ca vang lừng, sao mảnh liệt!
Gió bình minh phơi phơi tuổi thanh xuân
(lùi dần vào các khóm cây)
Kính chúc cha lên đường sang cõi chết
Vui từ nay cho đến lúc ly trần

(Tiếng tiêu vẫn mơ màng, gió sớm nổi lên, Phi Khanh quắc mắt nhìn theo con, màn hạ)

(Kịch thơ “Hận Nam Quan” của Hoàng Cầm, sáng tác trước 1945, được in lại trong *Giai Phẩm Việt Báo Xuân Đinh Sửu*, 1997 ở Florida.)

THƠ TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU:

VỊNH BỨC DƯ ĐỒ RÁCH
Nọ bức dư đồ thử đứng coi,
Sông sông núi núi khéo bia cười.
Biết bao lúc mới công vờn vẽ,
Sao đến bây giờ rách tả tơi.
Ấy trước ông cha mua để lại,
Mà sau con cháu lấy làm chơi.
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi.

(Trích *Tản Đà vận văn quyển I*
Nxb. Hương Sơn, Hà Nội, 1952.)

30-4-1975: TIỀN ĐỀ CUẢ SỰ CỐ ẨM NAM QUAN

1.- BẮC VIỆT CƯƠNG QUYẾT XÂM LĂNG NAM VIỆT

Hiệp định *Genève* ngày 20-7-1954 tạm thời chia hai nước Việt Nam ở sông Bến Hải (Quảng Trị) tại vĩ tuyến 17. Phía bắc là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (VNDCCH) do Hồ Chí Minh và đảng Lao Động (LĐ), tiền thân của đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) ngày nay, lãnh đạo. Phía nam là Quốc Gia Việt Nam do Quốc trưởng Bảo Đại đứng đầu và ông Ngô Đình Diệm làm thủ tướng. Tuy chấp hành quyết định của hiệp định *Genève* chia hai nước Việt Nam, nhưng Đại diện của Quốc Gia Việt Nam không ký vào hiệp định này.

Điều 7 trong bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội Nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" ngày 21-7-1954, ấn định rằng một cuộc tổng tuyển cử dưới sự kiểm soát của Ban Giám sát và Kiểm soát Quốc tế dự tính sẽ được tổ chức vào tháng 7-1956; việc chuẩn bị sẽ được xúc tiến từ 20-7-1955.¹

Thủ tướng Bắc Việt là Phạm Văn Đồng gửi thư ngày 19-7-1955 cho thủ tướng Nam Việt là Ngô Đình Diệm yêu cầu mở hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20-7-1955 như đã quy định trong hiệp định *Genève*, để bàn về việc thống nhất và tổng tuyển cử. Ngày 10-8-1955, Hồ Chí Minh nhắc lại đề nghị này lần nữa, nhưng đều bị thủ tướng Ngô Đình Diệm nhiều lần lên tiếng bác bỏ vì cho rằng không có tự do dân chủ ở Bắc Việt.

Tuy biết bị từ khước, nhưng ông Phạm Văn Đồng vẫn tiếp tục gửi công hàm đến ông Ngô Đình Diệm yêu cầu tổ chức tổng tuyển cử để chứng tỏ Bắc Việt muốn thi hành hiệp định *Genève*. Lần cuối cùng ông Đồng lên tiếng về việc này ngày 18-7-1957 và

ông Diệm trả lời ngày 27-7-1957 rằng “*khi nào miền Bắc chấm dứt khủng bố, phá hoại và thực thi dân chủ tự do, khi đó mới có thể tổng tuyển cử và thống nhất đất nước.*”²

Bắc Việt tự tin chắc chắn sẽ thắng cử nếu tổng tuyển cử được tổ chức lúc đó vì: thứ nhất, miền Bắc đông dân hơn miền Nam; thứ nhì, đảng LD kiểm soát dân chúng chặt chẽ hơn miền Nam; thứ ba, trước khi tập kết lực lượng ra Bắc, cộng sản đã chôn giấu vũ khí và cài cán bộ đảng viên ở lại hoạt động bí mật tại miền Nam; thứ tư, miền Nam liên tục xáo trộn từ khi ông Ngô Đình Diệm về cầm quyền năm 1954.

Chính phủ Nam Việt lúc đó chưa kịp ổn định tình hình nội bộ, đang gặp nhiều phân hóa, khó khăn: thứ nhất, sự chống đối của các lực lượng thân Pháp, của Bình Xuyên, và của các giáo phái ở miền Nam; thứ nhì, sự chống đối của các đảng phái ở miền Trung; thứ ba, giải quyết chỗ ở cũng như công ăn việc làm cho khoảng trên 800.000 đồng bào từ Bắc di cư vào Nam; thứ tư, tổ chức lại guồng máy hành chánh sau những thay đổi chính trị năm 1954, vì ông Ngô Đình Diệm không có một đảng phái mạnh mẽ có tổ chức quy củ như đảng Lao Động ở Bắc Việt. Nhân tài ở miền Nam hoặc bị cộng sản giết từ năm 1945, hoặc bị cộng sản bắt đưa ra Bắc để cô lập từ năm 1954. Miền Nam chưa kịp đào tạo nhân sự nên trong thời gian đầu thiếu người điều hành công việc nhà nước.

Sau cuộc trưng cầu dân ý ngày 23-10-1955, ông Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập nền Cộng Hoà và lên làm tổng thống Việt Nam Cộng Hoà (VNCH) ngày 26-10 cùng năm. Khi thấy ông Ngô Đình Diệm từ chối tổng tuyển cử, đảng LD liền chuẩn bị chiến tranh, quyết đánh chiếm miền Nam vì tham vọng bành trướng quyền lực và bành trướng chủ nghĩa cộng sản xuống các nước Đông Nam Á.

Đang lúc đảng LD bắt đầu chuẩn bị kế hoạch tấn công miền Nam, thì xảy ra Đại hội 20 đảng Cộng Sản Liên Xô (CSLX)

vào tháng 2-1956. Trong ngày bế mạc Đại hội này (25-2-1956), bí thư thứ nhất đảng CSLX là Nikita Khrushchev đọc bài diễn văn nẩy lửa hạ bệ Joseph Stalin và đưa ra chủ trương "sống chung hòa bình" giữa các nước không cùng chế độ chính trị.

Theo chủ trương đó, vào đầu năm 1957, chính phủ Liên Xô đề nghị hai miền Bắc và Nam Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc như hai nước riêng biệt. Chính phủ Bắc Việt quyết liệt phản đối. Vào giữa tháng 5-1957, Kliment Voroshilov, chủ tịch đoàn Chủ tịch Tối cao Liên Xô, đến thăm Hà Nội. Sau cuộc gặp gỡ tại Hà Nội với các lãnh tụ Bắc Việt, Voroshilov tuyên bố Liên Xô sẽ gia tăng viện trợ cho Bắc Việt và bảo đảm rằng Liên Xô sẽ không chấp nhận cho VNCH gia nhập Liên Hiệp Quốc. Như thế Bắc Việt phải có hứa hẹn điều gì bí mật, Liên Xô mới chịu thay đổi chính sách về Việt Nam. Quả thực sau đó, vào tháng 9 cùng năm, Liên Xô đã dùng quyền phủ quyết khi vấn đề nầy được đưa ra trước Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc mà Liên Xô là một thành viên thường trực.³

Đảng LD chống lại đề nghị ban đầu của Liên Xô đưa hai miền Bắc và Nam Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc vì đảng LD quyết tâm tiến hành chiến tranh xâm lăng miền Nam. Ngày 24-5-1958, Ban Bí thư Trung ương đảng LD ra chỉ thị tổ chức học tập chủ thuyết Mác-Lê để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Bắc Việt và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Nam Việt. Vào cuối năm nầy, Lê Duẩn được bí mật gửi vào Nam để nghiên cứu tình hình. Khi trở ra Bắc, bản báo cáo của Lê Duẩn đã đưa đến quyết định của Ủy ban Trung ương đảng LD tại hội nghị lần thứ 15 ở Hà Nội ngày 13-5-1959, theo đó đảng LD ra nghị quyết thống nhất đất nước (tức đánh chiếm miền Nam bằng vũ lực) và đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa. (Nghị quyết đăng trên *Nhân Dân* ngày 14-5-1959)⁴

Nghị quyết trên đây được lập lại trong Đại hội 3 đảng LD, khai diễn từ ngày 5-9 đến ngày 10-9-1960, mệnh danh là "Đại hội

xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà", đưa ra hai mục tiêu lớn của đảng LĐ là xây dựng miền Bắc tiến lên Xã hội chủ nghĩa và "giải phóng" miền Nam bằng võ lực.⁴

Trước mặt quốc tế, đảng LĐ và nhà cầm quyền Hà Nội không cần giấu diếm gì ý định xâm lăng miền Nam. Trong một cuộc tiếp xúc với lãnh sự Pháp tại Hà Nội, ông Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt tuyên bố: *"Ông nên nhớ là chúng tôi sẽ đến Sài Gòn ngày mai."* Trong một lần khác, vào tháng 11 cùng năm, ông Phạm Văn Đồng nói với vị Đại diện Canada trong Ủy ban Kiểm soát Đình chiến: *"Chúng tôi sẽ đẩy người Mỹ xuống biển."*⁵

Hồ Chí Minh và đảng LĐ quyết tâm thôn tính miền Nam, khiến miền Nam ở thế **bất buộc phải nhờ viện trợ của Hoa Kỳ** để tự bảo vệ. Trong sách lược toàn cầu của Hoa Kỳ, chính phủ Hoa Kỳ lúc đó đang muốn đưa quân vào Việt Nam để củng cố sự hiện diện của họ ở Đông Nam Á và chặn đứng sự bành trướng của cộng sản. Hành động của Hồ Chí Minh và Bắc Việt cung cấp cho chính phủ Hoa Kỳ lý do chính đáng để thuyết phục quốc hội nước này chấp nhận kế hoạch gửi lực lượng trực tiếp tham chiến ở Việt Nam. Cần chú ý là chính phủ Hoa Kỳ chỉ đổ quân ào ạt vào miền Nam từ sau "Quyết nghị vịnh Bắc Việt" (The Gulf of Tonkin Resolution) của lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ ngày 7-8-1964,⁶ nghĩa là sau khi cộng sản Bắc Việt bỏ lỡ cơ hội hai miền Bắc và Nam Việt Nam sống chung hòa bình gần 10 năm, đồng thời lúc đó Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, một tổ chức do Hà Nội lập ra và điều khiển, đã hoạt động khoảng 4 năm, quấy phá khắp toàn cõi Nam Việt, và bắt đầu mở những trận đánh lớn, nhất là từ trận Ấp Bắc (khoảng 14 cây số tây bắc Mỹ Tho) ngày 2-1-1963.

Đảng LĐ, với sự viện trợ lớn lao của Liên Xô và Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa (CHNDTH), cố tình dồn miền Nam vào thế bí phải nhờ đến viện trợ quân sự của Hoa Kỳ để chống đỡ

cuộc tấn công của Bắc Việt, rồi Bắc Việt lại phát động chiến dịch gọi là "**chống Mỹ cứu nước**", một lần nữa nhắm giành lấy chính nghĩa về phần mình để tấn công miền Nam. Chính vì cộng sản Bắc Việt đã tự biến thành người lính tiên phong của Quốc tế Cộng sản, để bành trướng cộng sản xuống Đông Nam Á, nên quân đội Hoa Kỳ mới hiện diện ở Nam Việt. Nói theo ngôn ngữ dịch học, **quốc tế cộng sản và quốc tế tư bản là hai thế lực tương khắc nhưng tương sinh**. Vì cộng sản bành trướng nên Hoa Kỳ mới đưa quân đến. Viện cố quân đội Hoa Kỳ tiến vào Việt Nam, cộng sản lại bành trướng hơn nữa.

2.- ĐẢNG CSVN DỰA VÀO NGOẠI BANG ĐỂ THỐNG TRỊ ĐẤT NƯỚC

Quân đội Hoa Kỳ và Đồng minh vào Nam Việt một cách công khai, minh bạch, không che giấu. Dựa vào lý do người Hoa Kỳ viện trợ cho VNCH, và nhất là sự hiện diện công khai của quân đội Đồng minh bên cạnh quân lực VNCH, đảng LĐ lại quay qua gọi chế độ Cộng hòa là tay sai của Hoa Kỳ. Việc tuyên truyền này làm cho nhiều người **hiểu lầm chính nghĩa của chính phủ quốc gia**, vì hình ảnh quân đội Đồng minh quá lớn và quá lộ liễu bên cạnh quân đội Quốc gia, trong khi họ chẳng thấy bóng dáng người ngoại quốc bên cạnh bộ đội cộng sản Bắc Việt.

Trong khi đó, Liên Xô và CHNDTH viện trợ ào ạt cho Bắc Việt để tiến đánh Nam Việt. Trước đây, CSVN che giấu rất kỹ những nguồn tài trợ và nhất là hình ảnh cán bộ cũng như quân sĩ cộng sản nước ngoài, để tự giành lấy phần chính nghĩa dân tộc, trong khi chính họ đã tự nguyện làm nhiệm vụ quốc tế cộng sản, và đã chủ động gây ra cuộc chiến có tính cách ý thức hệ từ 1945 đến 1975.⁷

Trong hai nước viện trợ chính trên đây cho CSVN, Liên Xô ở xa, còn CHNDTH ở sát ngay biên giới phía bắc. Lý thuyết

Mác xít-Lê nin nít do Hồ Chí Minh du nhập từ Liên Xô, đã tác động mạnh mẽ trên một lớp người và gây ảnh hưởng nặng nề đến sinh hoạt chính trị, kinh tế cũng như văn hoá, xã hội của dân chúng Việt Nam. Hồ Chí Minh và đảng CSVN tuân hành một cách mù quáng tất cả mọi đường lối, kế hoạch của đảng CS và nhà nước Liên Xô trong chính sách đối nội cũng như đối ngoại.

Liên Xô viện trợ cho CSVN, để CSVN tấn công miền Nam, nhấm khiêu khích cho Hoa Kỳ, kẻ thù số một của Liên Xô, nhảy vào vòng chiến, cốt cho Hoa Kỳ sa lầy tại Đông Dương. Vũ khí đạn dược của Liên Xô viện trợ cho CSVN dồi dào đến nỗi khi chuyển đến Việt Nam bằng đường bộ qua CHNDTH, bốc dỡ không kịp nên bị tổn đọng nhiều ngày tại ga Bằng Tường (phía Trung Hoa) trước khi vào cửa Nam Quan.⁸

Số viện trợ của Liên Xô trong thời gian chiến tranh, cho đến nay CSVN trả chưa hết. Báo chí Việt Nam ngày 21-3-2001 loan tin rằng trong chuyến viếng thăm Việt Nam của tổng thống Nga là Vladimir Putin vào ngày 28-2-2001, Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN, danh xưng của nhà cầm quyền CSVN từ 1976) và Liên Bang Nga (hậu thân của Liên Xô) đã ký thỏa thuận để cho CHXHCNVN tiếp tục trả nợ cho chính phủ Nga bằng hàng hóa và bằng dịch vụ. Hàng hóa phải hội đủ điều kiện phẩm chất do Nga đưa ra.⁹ Chiến tranh chấm dứt năm 1975, vừa trả nợ bằng hàng hoá, bằng sức lao động của dân chúng (xuất khẩu lao động), vừa cho thuê Cam Ranh để trừ nợ, từ 1975 cho đến năm 2001, nghĩa là hơn 25 năm rồi, mà số nợ này vẫn chưa thanh toán hết, đủ thấy số nợ lớn lao biết chừng nào.

Ngược lại, CHNDTH ở sát ngay bên cạnh Việt Nam. Kinh nghiệm hàng ngàn năm lịch sử cho thấy mỗi lần nước ta suy yếu là mỗi lần nhà cầm quyền Trung Hoa đưa quân xâm lăng, nhất là khi có người sang cầu viện triều đình Trung Hoa. Hiểm họa xâm lăng Trung Hoa hầu như thường trực từ khi tổ tiên chúng ta lập quốc.

Dầu biết vậy, nhưng vì tham vọng quyền lực cá nhân, ngay từ thời mới lập đảng năm 1930, Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhờ đến sự giúp đỡ của đảng CSTH. Tháng 8-1940, Hồ Chí Minh cử người đến Diên An (bắc Trung Hoa), trung tâm chỉ huy của đảng CSTH, để ký mật ước với đảng này theo đó đại diện đảng CSTH tại cục Tình báo Á châu của Đệ tam Quốc tế sẽ lãnh đạo công tác của CSVN; CSVN sẽ cử cán bộ đến Diên An thụ huấn, và CSTH sẽ trợ cấp cho CSVN 50.000 quan Pháp mỗi tháng để trang trải chi phí sinh hoạt tại Trung Hoa.¹⁰ Từ đây, tuy bề ngoài ít liên lạc, nhưng thực chất bên trong, đảng CSTH đã ngầm chỉ đạo và giúp đỡ mọi hoạt động của CSVN.

Sau khi chiếm được lục địa Trung Hoa, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (CHNDTH) ngày 10-10-1949, đóng đô tại Bắc Kinh. Từ đó, CHNDTH chẳng những gởi cán bộ, quân đội, vũ khí sang giúp CSVN, mà còn cho quân đội CSVN chạy trốn sang biên giới Trung Hoa khi bị quân đội Quốc Gia Việt Nam và quân đội Pháp truy đuổi trong cuộc chiến tranh 1946-1954.

Tháng 4-1950, CHNDTH bổ nhiệm cố vấn từ cấp tiểu đoàn cho quân đội Việt Minh cộng sản của Hồ Chí Minh. Ngày 27-6-1950, Mao Trạch Đông giao cho phái bộ cố vấn CHNDTH ở Việt Nam hai nhiệm vụ chính: 1) giúp Việt Minh thành lập quân đội chủ lực; 2) giúp quân đội Việt Minh trong việc thiết lập kế hoạch hành quân cùng tham chiến. Vào cuối tháng 7 năm này, Bộ tư lệnh cố vấn quân sự Trung Cộng chính thức được hình thành, lúc đầu gồm 79 người, do tướng Vi Quốc Thanh (Wei Guoqing) làm tư lệnh, với hai phụ tá là Mai Gia Sinh (Mei Jiasheng) và Đặng Ty Phàm (Deng Yifan). Ngoài ra còn có cố vấn chính trị CHNDTH là La Quý Ba (Luo Guibo). Từ đó, các cố vấn CHNDTH quyết định mọi việc, và chỉ huy từng chiến dịch một, ví dụ chiến dịch Hòa Bình năm 1951, chiến dịch năm 1953, chiến dịch Điện Biên Phủ.¹¹ Điều rõ nét ai cũng biết là dàn cao

xạ mạnh mẽ tấn công Điện Biên Phủ là do các cố vấn CHNDTH hướng dẫn và chỉ huy.

Hiệp định *Genève* ngày 20-7-1954 chia hai nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Việt Minh cộng sản ở phía Bắc, Quốc gia Việt Nam ở miền Nam. Ngày 4-9-1958, Châu Ân Lai công bố ranh giới biển 12 hải lý từ bờ biển. Để trả ơn CHNDTH và để được tiếp tục viện trợ quân sự, xâm lăng miền Nam, Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt, đương nhiên với sự đồng ý của Hồ Chí Minh và Bộ chính trị đảng CSVN, đã ký quốc thư ngày 14-9 nhìn nhận ranh giới biển nói trên của CHNDTH, nghĩa là gián tiếp công nhận chủ quyền của CHNDTH trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Như thế Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã dâng đất cho CHNDTH mà tổ tiên đã dày công xây dựng và bảo vệ.

Lúc cần dồn quân xuống đánh miền Nam, Bắc Việt đã mời quân CHNDTH vào đóng giữ từ khu Việt Bắc xuống tới Hà Nội, và giao cho CHNDTH in bản đồ địa lý Việt Nam loại chi tiết với tỷ lệ 1/ 1000.¹² Điều này chẳng khác gì là dâng hiến toàn bộ địa hình địa vật nước ta cho nhà cầm quyền CHNDTH. Việc đảng CS mời quân CHNDTH vào đất Việt cũng giống như Lê Chiêu Thống (trị vì 1787-1788) mời quân Thanh vào năm 1788, chỉ khác ở đoạn kết là Lê Chiêu Thống chưa dâng đất cho nhà Thanh như Hồ Chí Minh dâng đất cho CHNDTH, và khi quân Thanh rút về thì không còn gì tác hại, trái lại sự giúp đỡ của CHNDTH không phải là không có điều kiện.

Những điều kiện mật ước giữa CSVN và CSTH không được tiết lộ ra ngoài. Gần đây, trong bài viết “Mốc mới trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc”, đăng trên tạp chí *Cộng Sản*, số Tết Canh Thìn (2000), ông Vũ Khoan, Bộ trưởng Bộ Thương mại Hà Nội, cho biết ngay từ 1949, đã có “*một số lần ... trao đổi ý kiến, đàm phán về vấn đề biên giới.*”¹³ Điều này có nghĩa là ngay từ đầu, khi mới trợ giúp Việt Minh cộng sản trong chiến tranh 1946-1954, CHNDTH đã biểu lộ tham vọng lấn chiếm Việt

Nam và bành trướng xuống Đông Nam Á của các triều đình quân chủ Trung Hoa ngày trước.

Trong thời gian xảy ra cuộc tranh chấp biên giới, tại một cuộc họp báo ở Bắc Kinh ngày 30-7-1979, một viên chức ngoại giao CHNDTH cho biết từ 1954 đến 1971, 300.000 binh sĩ CHNDTH đã chiến đấu bên cạnh binh sĩ Bắc Việt, trong đó hàng ngàn người đã tử trận và hàng chục ngàn người đã bị thương. Ông ta còn xác định số lượng vũ khí CHNDTH viện trợ cho CSVN từ 1950 đến 1977 lên đến 2.000.000 súng hạng nhẹ, 27.000 đại pháo, 270 triệu băng đạn, 18 triệu đạn đại pháo, 179 máy bay và 145 chiến hạm.¹⁴ Số lượng viện trợ này được ước tính theo thời giá lúc đó là 20 tỷ Mỹ kim. Một tài liệu khác cho thấy “năm 1962 Trung Quốc đã giúp riêng cho nhân dân miền Nam [Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam] chín vạn khẩu súng trường và súng máy để phát triển chiến tranh du kích, về sau cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam càng phát triển thì số lượng viện trợ của Trung Quốc lại càng ngày càng nhiều hơn”.¹⁵

Ngoài ra, trong cuộc chiến 1954-1975, bên cạnh các cố vấn và chuyên viên Liên Xô, CHNDTH, còn có các chuyên viên cộng sản Cuba, Bắc Hàn tham dự. Vào đầu năm 2000, nhà cầm quyền Hà Nội thú nhận quân lính Bắc Hàn đã sang Bắc Việt chiến đấu giúp chế độ cộng sản Hà Nội, bị chết và chôn ở Bắc Giang.¹⁶

3.- 30-4-1975, THẾ QUÂN BÌNH ĐÔNG NAM Á BỊ GIAO ĐỘNG

Ngày 30-4-1975, CSVN cưỡng chiếm VNCH và thành lập nhà cầm quyền toàn quốc dưới tên Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCVN). Người Việt Nam quen nhìn sự kiện này trong tinh thần nội bộ Việt Nam, mà ít chú ý đến tính cách quốc tế của vấn đề.

Ngày 30-4-1975 đánh dấu sự thắng thế tạm thời của khối CS tại Đông Dương. Khối CS làm chủ được Việt Nam, Lào, và Cambodia. Sự kiện này làm giao động thế quân bình khu vực Đông Nam Á được hình thành từ năm 1954.

Sau khi chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất kết thúc năm 1954, nước Việt Nam bị chia hai theo hiệp định *Genève* ở sông Bến Hải ở Quảng Trị (vĩ tuyến 17). Như thế, chiến tranh lạnh giữa hai khối cộng sản và tư bản trên thế giới tạm lắng dịu với việc chia hai Cao Ly năm 1953 và chia hai Việt Nam năm 1954. Điều đặc biệt là sau một thời gian dài đánh nhau, thế quân bình ở Cao Ly cũng như ở Việt Nam được lập lại như sau thế chiến 2. Ở Cao Ly, Bắc và Nam Cao Ly thoả thuận trở lại vĩ tuyến 38, còn ở Việt Nam chia hai ở vĩ tuyến 17, là hai đường phân ranh gần giống như các cường quốc đã quy định sau năm 1945.¹⁷

Tuy nhiên, thế quân bình chính trị tại vùng Đông Nam Á sau hiệp định *Genève* năm 1954 khá mong manh trước tham vọng của CS Hà Nội, liên tục đòi hỏi tổng tuyển cử mà họ chắc chắn sẽ nuốt gọn miền Nam, và nhất là việc Hà Nội cương quyết đánh chiếm miền Nam bằng võ lực sau khi công khai bác bỏ đề nghị hai miền Bắc và Nam Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc do Liên Xô đưa ra vào đầu năm 1957.

Lo ngại sự bành trướng của cộng sản tại vùng này, sau hiệp định *Genève*, ngày 8-9-1954 *Hiệp ước Hỗ tương Phòng thủ Đông Nam Á* (Southeast Asia Collective Defence Treaty) được ký kết tại Manila, thủ đô Phi Luật Tân. Từ đó ra đời Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (Southeast Asia Treaty Organization viết tắt là SEATO), gồm các nước Australia (Úc), France (Pháp), New Zealand (Tân Tây Lan) Pakistan (Hồi Quốc), Philippines (Phi Luật Tân), Thailand (Thái Lan), United Kingdom (Anh), và United States of America (Hoa Kỳ). Trong phụ bản của hiệp ước này, ba nước Cambodia (Cao Miên), Laos (Lào) và Việt Nam được liệt kê trong vùng lãnh thổ được bảo vệ. Hoa Kỳ dựa vào

văn bản hiệp ước này để minh chứng sự ủng hộ của họ đối với các chế độ chống cộng ở Đông Nam Á.

Năm 1961, Federation of Malaya (Liên Bang Mã Lai), nay là Malaysia, cùng hai nước Philippines và Thailand lập ra Association of Southeast Asia (ASA). Khối này biến thành Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) ngày 8-8-1967, lúc đầu gồm các nước Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, và Thailand. Tuy mục đích chính là hợp tác phát triển kinh tế giữa các nước trong khối, và giữa các nước trong khối với thế giới bên ngoài, nhưng nhờ càng ngày càng vững mạnh, khối ASEAN tạo được tư thế chính trị chẳng những ở Đông Nam Á mà cả Á Châu và toàn cầu.

Năm 1975, sự toàn thắng của cộng sản ở các nước Đông Dương làm cho vai trò của ASEAN càng trở nên quan trọng, vì chẳng những phòng tuyến Việt Nam Cộng Hoà bị sụp đổ, mà CHNDTH đã đặt được một chân đứng ở Cambodia để nhìn xuống vùng vịnh Thailand và biển Indonesia, vì nhà cầm quyền nước này do CHNDTH đỡ đầu.

Trong khi đó, sau khi cưỡng chiếm được miền Nam năm 1975, đảng Lao Động cải danh thành đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) do Lê Duẩn làm tổng bí thư, bắt đầu tỏ rõ tham vọng muốn làm bá chủ Đông Dương và cả Đông Nam Á.¹⁸

Ngay từ tháng 8-1975, Lê Duẩn, lúc đó còn là bí thư thứ nhất đảng Lao Động, dẫn đầu một phái đoàn sang Cambodia tuy nói là thăm viếng hữu nghị nhưng thực chất để chứng tỏ tư thế bề trên của đảng CSVN trong ba đảng CS Việt Miên Lào trong công cuộc giành lấy quyền toàn trị Đông Dương vào tay các đảng Cộng Sản.

Ngày 17-7-1977 Việt Nam và Lào ký *Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác* xác nhận những "liên hệ đặc biệt" kết hợp hai nước. Đang khi thượng lượng với Cambodia và Trung Hoa về vấn đề biên giới trên đất liền và trên biển (vịnh Thái Lan với Cambodia

và Biển Đông với Trung Hoa), CHXHCNVN đơn phương tuyên bố ngày 2-5-1977 rằng hải phận kinh tế của Việt Nam mở rộng cách bờ biển 200 hải lý. Ngày 31-12-1977, nhà cầm quyền Khmer đỏ tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam khi Cambodia bị một đơn vị thiết giáp Việt Nam xâm nhập quấy phá.¹⁹

Ở trong nước, CSVN áp đặt nền kinh tế chỉ huy tại miền Nam, mở nhiều đợt đánh phá và cướp bóc giới tư sản miền Nam, bắt đầu bằng cách tiêu diệt tư sản mại bản, rồi đến tư sản dân tộc... Trong các đợt đánh phá này, giới Hoa kiều bị thiệt hại nặng, trong đó có nhiều tổ chức kinh tài của CSTH. CSVN còn ép giới Hoa kiều vượt biên “bán chính thức” để vớt vét hết tài sản của họ. Con số người Hoa ra đi có thể lên trên 500.000 người, trong đó có gần 300.000 trở về lại Trung Hoa theo đường bộ qua biên giới Hoa Việt. Người Hoa cầu cứu đến Bắc Kinh. CHNDTH đề nghị thiết lập toà lãnh sự để bảo vệ nạn kiều tại Thành phố Hồ Chí Minh, tên mới do CSVN đặt sau năm 1975 để gọi thành phố Sài Gòn. CSVN không chịu, viện cớ tại miền Nam, không có vấn đề nạn kiều, mà chỉ có vấn đề người Việt gốc Hoa,²⁰ và đó chỉ là vấn đề nội bộ Việt Nam.

Cuộc bang giao giữa hai nước cộng sản Việt Hoa càng ngày càng gây căng. Nặng nề hơn nữa, vào giữa năm 1978, Trung ương đảng CSVN ra nghị quyết và bạch thư nói rằng CHNDTH là “*kẻ thù trực tiếp, kẻ thù nguy hiểm của nhân dân Việt Nam; phải đánh đổ nhóm cầm quyền phản động thân Mao ở Bắc Kinh...*”²⁰

Sở dĩ CSVN mạnh miệng với CSTH vì từ 1977, viện trợ Liên Xô cho Việt Nam càng ngày càng tăng. Từ tháng 5-1977, Việt Nam gia nhập Ngân hàng Quốc tế Hợp tác Kinh tế và Ngân hàng Quốc tế về Đầu tư, đều do Liên Xô kiểm soát. Liên Xô còn tăng cường viện trợ kỹ thuật cho Việt Nam. Tháng 7-1977, một phái đoàn quân sự Liên Xô cầm đầu bởi tướng Yepischev, chính uỷ Lục quân và Hải quân, lần đầu tiên thăm quân cảng Đà

Năng và Cam Ranh, cũng như những vị trí chiến lược khác ở miền Nam như Nha Trang, Sài Gòn, Cần Thơ. Quân viện Liên Xô dành cho Việt Nam tăng lên đến 75 triệu Mỹ kim, gồm cả hai tiềm thủy đỉnh, nhiều tuần dương hạm, khu trục hạm và bốn phi đoàn MIG-21. Cố vấn Liên Xô vào Việt Nam càng ngày càng đông.²¹

Ngày 27-6-1978, tại Bucharest, thủ đô Romania, CHXHCNVN gia nhập khối COMECON (Council for Mutual Economic Assistance tức Hội đồng Tương trợ Kinh tế).²² Trong cuộc họp của khối này tại thủ đô Mông Cổ là Oulan Bator từ 27-9 đến 1-10-1978, các nước trong khối COMECON hứa hẹn sẽ giúp CHXHCNVN thực hiện những kế hoạch kinh tế và kỹ nghệ mà CHNDTH bỏ dở.²³ Ngày 3-11-1978, Lê Duẩn, tổng bí thư đảng CSVN, sang Liên Xô và ký với Leonid Brezhnev, tổng bí thư đảng CSLX, *Hiệp ước Hai mươi lăm năm Hỗ tương và Phòng thủ* giữa hai nước. Từ sau hiệp ước này, hải quân Liên Xô bắt đầu tiến vào sử dụng hải cảng Cam Ranh làm căn cứ tại Viễn đông.

Dựa vào hậu thuẫn của Liên Xô, CSVN xua quân xâm lăng Cambodia, chiếm thủ đô Phnom Penh ngày 7-1-1979. Chính quyền mới ở Cambodia thân Việt Nam do Heng Samrin cầm đầu, liền ký với chính phủ Lào ngày 19-3-1979 *Hiệp ước Hợp tác Kinh tế Văn hoá Khoa học Kỹ thuật*. Hiệp ước này cùng với *Hiệp ước Việt Lào* năm 1977 tạo thành một hình thức liên minh Đông Dương dưới sự kiểm soát của Việt Nam.

Trong lúc CHXHCNVN bước vào cuộc phiêu lưu quân sự ở Cambodia, thì ngày 12-8-1978, CHNDTH cùng Nhật Bản ký kết *Hiệp ước Hoà bình Hữu nghị Hoa Nhật* giá trị trong mười năm và sẽ tái tục. Hiệp ước này đã điều hoà thế thăng bằng chiến lược khu vực Đông Bắc Á giữa tứ cường Mỹ, Nhật, Nga, Hoa. Sau đó, từ ngày 1-1-1979, Hoa Kỳ chính thức bình thường hoá bang giao với CHNDTH. Để đánh dấu công cuộc tái lập bang giao Hoa Mỹ, từ 28-1 đến 4-2-1979, Đặng Tiểu Bình viếng thăm Hoa Kỳ và

được chính quyền James Earl (Jimmy) Carter đón tiếp nồng nhiệt. Trong một lần tiếp xúc tay đôi giữa hai người, ông Đặng Tiểu Bình đã thông báo cho ông Jimmy Carter biết là CHNDTH sẽ tấn công CHXHCNVN trong tương lai gần.²³

Tạm ổn với hai cường quốc Mỹ, Nhật, CHNDTH qua lời của Đặng Tiểu Bình, quyết định sẽ “dạy” cho Việt Nam một bài học. Bài học này không phải chỉ vì Việt Nam xâm lăng Cambodia. Từ khi cảm thấy không còn ảnh hưởng được Việt Nam và nhất là từ những dấu hiệu Việt Nam thân thiện với Liên Xô, đảng CSTH đã chuẩn bị chiến tranh từ cuối 1977. Trước khi ông Đặng Tiểu Bình thăm viếng Hoa Kỳ, trong một bản phúc trình mật đề ngày 16-1-1979 về chiến lược đối ngoại của các nhà lãnh đạo CSTH, ông Keng Piao / Geng Biao (Cảnh Tiêu), uỷ viên Bộ chính trị, tổng thư ký Quân uỷ Uỷ ban Trung ương đảng CSTH, đã dành một đoạn ngắn về cuộc tranh chấp biên giới Hoa Việt như sau:

*“Ngoài cuộc xâm lược (Cambodia), nước Việt Nam cũng đã từng nhiều lần gây ra những sự cố đẫm máu ở biên giới Hoa Việt. Điều đó đã gây ra nhiều sự cố và khuyến khích những người phân định biên giới lấn vào lãnh thổ Trung Hoa 600 cây số vuông. Việt Nam làm ngơ trước những phản kháng lập đi lập lại của chính phủ chúng ta. Chúng ta cũng đã tuyên bố rằng chúng ta muốn chính phủ Việt Nam hiểu rõ sự rộng lượng của chúng ta có giới hạn... Chúng ta cho họ biết hiện nay (1-1979) chúng ta không chiến đấu. Nhưng điều đó không có nghĩa rằng một ngày kia chúng ta sẽ không chiến đấu.”*²⁴

CSTH đánh Việt Nam vừa để trả thù CSVN chạy theo Liên Xô, bỏ qua những hứa hẹn trước đây với CSTH khi tiếp nhận viện trợ trong thời gian chiến tranh từ 1949 đến 1975, vừa trả đũa CSVN đã đóng cửa ngõ tiến xuống Đông Nam Á của CSTH tại Cambodia. CSTH cũng biết rằng Hoa Kỳ và các nước Đông Nam Á, tuy không nói ra, nhưng chắc chắn đồng tình với họ cần phải

chận đứng tham vọng quá lớn của CSVN, muốn làm bá chủ Đông Nam Á, sau khi CSVN chiếm được toàn cõi Việt Nam năm 1975.

Ngày 17-2-1979, CHNDTH đưa trên 200.000 quân tấn công CHXHCNVN ở sáu tỉnh biên giới. Cuộc chiến này có thể chia thành 3 giai đoạn: thứ nhất từ 17 đến 26-2, Trung Hoa tràn quân xâm lăng Việt Nam; thứ nhì từ 26-2 đến 5-3 hai bên cầm cự và những trận chiến đẫm máu xảy ra; thứ ba, từ 5 đến 16-3, Trung Hoa tuyên bố đã đạt được những mục đích đề ra và quyết định rút quân về.

Trong khi hai bên đánh nhau, Liên Xô đã đáp ứng vườ phải lời cầu viện của Việt Nam bằng cách gửi một phái bộ quân sự đến Hà Nội, tăng viện thêm một số vũ khí và các loại máy bay chuyên chở để đưa những sư đoàn tinh nhuệ Việt Nam từ Cambodia về Hà Nội, rồi từ đó tăng cường vùng biên giới. Ngày 24-2, bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô, tướng Oustinov, tuyên bố trên báo Pravda [Sự Thật] rằng "Liên Xô có thể chọn bất cứ một phương pháp nào để trừng phạt Trung Hoa".²⁵

4.- CỘNG SẢN VIỆT NAM QUY PHỤC CỘNG SẢN TRUNG HOA

Sau chiến tranh biên giới năm 1979, phải nói là nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn bị kiệt quệ vì nhiều lẽ: Thứ nhất, nền kinh tế miền Bắc chưa phục hồi sau năm 1975 lại phải lao vào cuộc chiến mới. Trong khi đó, nền kinh tế miền Nam hoàn toàn bị phá sản sau những đợt tấn công tư sản của CSVN. Nông nghiệp cũng bị thất bại vì chính sách chỉ huy qua các hợp tác xã làm cho nông dân bất mãn, lại thêm lụt lội gây mất mùa. Việc ngăn sông cấm chợ tại địa phương, không cho hàng hoá lưu thông làm cho nền thương nghiệp bị xơ cứng tại chỗ. Thứ nhì, Việt Nam bị sa lầy ở Cambodia càng ngày càng trầm trọng. Những viên chỉ huy chiến trường cướp bóc tư lợi giàu có, nhưng ngược lại ngân sách nhà

nước kiệt quệ. Sau đó lại đến chiến tranh biên giới phía Bắc đã buộc CSVN phải dồn mọi nỗ lực vào quốc phòng. Một số lớn thanh niên được tung ra chiến trường, nên việc sản xuất ở hậu phương bị đình trệ. Gánh nặng thương binh làm cho dân chúng thêm nhiều khó khăn.

Từ năm 1886, CHXHCNVN theo gương Liên Xô, bắt đầu kế hoạch “đổi mới”, nhưng rất chậm chạp. Nền kinh tế Việt Nam chưa được phục hưng thì xảy ra biến cố Đông Âu. Năm 1990, khối CS Đông Âu sụp đổ, và Liên Xô tan rã năm 1991. Sự tan rã của Liên Xô chẳng những làm thay đổi thế quân bình trên thế giới có lợi cho các nước Tây phương, mà còn ảnh hưởng lớn lao đến tình hình bang giao Việt Hoa ở bán đảo Đông Dương. CHXHCNVN từ sau năm 1975 dựa hẳn vào sự trợ giúp của Liên Xô, nay mất hoàn toàn hậu thuẫn vừa kinh tế, vừa quân sự, không còn đủ sức đối kháng với CHNDTH, nên phải thay đổi chính sách ngoại giao. Lúc đó, ý đồ của CSVN là làm thế nào vừa duy trì quyền lực độc đảng độc tôn cộng sản, vừa cải cách kinh tế theo đường lối thị trường tự do mà không hại đến quyền lực và quyền lợi của đảng CS.

CSVN liền kiếm cách thân thiện trở lại với CHNDTH và liên lạc với Hoa Kỳ. CSVN nhắm nhờ CHNDTH để duy trì ý thức hệ và quyền lực cộng sản, và nhờ Hoa Kỳ để cải thiện kinh tế Việt Nam. Hơn nữa bắt tay với cả hai cường quốc này để làm đối trọng cân bằng với nhau hầu tránh bị một bên chèn ép, nhưng đó không phải là chuyện dễ dàng.

Ngày 3 và 4-9-1990, tổng bí thư đảng CSVN là Nguyễn Văn Linh (giữ chức từ 1986 đến 1991) cùng Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, sang CHNDTH thương thuyết. Sau đó Đỗ Mười (giữ chức từ 1991-1998), cùng thủ tướng CSVN là Võ Văn Kiệt sang Bắc Kinh ngày 5-11-1991 tái lập bang giao.

CSTH không khác gì các triều đình Trung Hoa ngày xưa, luôn luôn muốn bành trướng xuống phía nam, nên đã nhân cơ hội

này ép nhà cầm quyền Hà Nội phải chính thức nhượng đất vùng biên giới mà lâu nay họ đã lấn chiếm, nhất là từ sau chiến tranh 1979.

Muốn phục hưng kinh tế sau một thời gian dài suy thoái, CSVN quyết định đổi mới, mở cửa và kêu gọi các nước tư bản vào đầu tư. Để cho các nước tư bản yên tâm đầu tư, thì chỉ còn cách duy nhất là thương lượng với Hoa Kỳ để nhờ uy tín của Hoa Kỳ làm bảo chứng cho các nước khác vào Việt Nam đầu tư.

Không biết điều này có làm cho CSTH e ngại có thể Việt Nam sẽ đi quá đà về phía Hoa Kỳ, như đã từng quá đà về phía Liên Xô trước đây hay không? Nếu điều đó xảy ra, một lần nữa sẽ bất lợi cho tham vọng bành trướng của CHNDTH xuống Đông Nam Á. Trong cuộc giao thiệp tay ba giữa Việt Nam, Hoa Kỳ và Trung Hoa, CSTH luôn luôn:

* Đi bước trước đối với Việt Nam trong việc giao thiệp với Hoa Kỳ: Tháng 8-1978, ông Nguyễn Cơ Thạch, phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Ngoại giao CHXHCNVN, lưu lại ở New York khoảng một tháng để hy vọng thương lượng bình thường hoá bang giao với Hoa Kỳ, trong khi ở Hà Nội, CSVN đã giành sẵn một toà nhà để Hoa Kỳ mở toà đại sứ, nhưng sau đó Hoa Kỳ trả lời cho ông Nguyễn Cơ Thạch rằng Hoa Kỳ chưa có thể định một thời biểu chắc chắn để hai bên bình thường hoá bang giao. Trong khi đó, Hoa Kỳ gọi ông Brzezinski sang Bắc Kinh thương thuyết, và *Hiệp ước Hoà bình Hữu nghị Hoa Nhật* ngày 12-8-1978 là bước đầu để Hoa Kỳ xích lại gần với CHNDTH. Quả thật, sau đó chẳng bao lâu, Hoa Kỳ quyết định bình thường hoá bang giao với CHNDTH ngày 1-1-1979. Trong khi đó, Hoa Kỳ cho đến năm 1994 mới bỏ cấm vận Việt Nam và năm 1995 mới tái lập bang giao Việt Mỹ. Sau khi tái lập bang giao, đối với Hoa Kỳ, CHNDTH cũng được hưởng quy chế tối ^{hữu} quốc Việt Nam, và năm 2000 CHNDTH gia nhập Tổ chức Mậu dịch Quốc tế trong khi Việt Nam chưa được vào tổ chức này.

* Đi bước trước đối với Hoa Kỳ trong việc giao thiệp với Việt Nam: Theo sự tiết lộ của một thứ trưởng CSVN: “...Hai nước [CHXHCNVN và CHNDTH] đã ký “Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới – lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc” ngày 19-10-1993... Trong các chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1997 của đồng chí tổng bí thư Đỗ Mười và tháng 2-1999 của đồng chí tổng bí thư Lê Khả Phiêu, lãnh đạo cao cấp hai nước đạt được thỏa thuận là khẩn trương đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trước năm 2000 và hoàn thành việc phân định để ký hiệp định vịnh Bắc Bộ trong năm 2000...”²⁶

Như thế là Việt Nam cam kết thương lượng về biên giới với Trung Hoa từ 1993, dưới thời tổng bí thư Đỗ Mười, một năm trước khi Hoa Kỳ bãi bỏ cấm vận Việt Nam (năm 1994), hai năm trước khi Việt Nam chính thức gia nhập khối ASEAN ngày 28-7-1995, và bình thường hoá bang giao Việt Mỹ ngày 5-8-1995.

Cuộc thương thuyết về biên giới và lãnh hải diễn ra ráo riết và bí mật “... Thực hiện thỏa thuận đó, từ 1993 đến năm 2000, hai bên đã triển khai 7 vòng đàm phán cấp chính phủ, 3 cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn đàm phán cấp chính phủ và 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên... Trong các chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1997 của đồng chí tổng bí thư Đỗ Mười và tháng 2-1999 của đồng chí tổng bí thư Lê Khả Phiêu, lãnh đạo cao cấp hai nước đạt được thỏa thuận là khẩn trương đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trước năm 2000 và hoàn thành việc phân định để ký hiệp định vịnh Bắc Bộ trong năm 2000...”²⁶

Kết quả là hai bản hiệp ước hồi hải ra đời trong vòng một năm theo đúng thời hạn mà ông Đỗ Mười và ông Lê Khả Phiêu đã cam kết. Thứ nhất là *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* ký kết tại Hà Nội ngày 30-12-1999, giữa bộ trưởng Ngoại giao CHXHCNVN là Nguyễn Mạnh Cầm và bộ trưởng Ngoại giao CHNDTH là Đường Gia Truyền (Tang Jianxuan). Hiệp ước này được quốc hội Bắc Kinh thông qua ngày 29-4-2000 và quốc hội Hà Nội thông qua 9-6-2000. Đặc biệt là

khi thông qua hiệp ước này, chỉ một số ít lãnh đạo cao cấp trong quốc hội Hà Nội mới đọc được nội dung hiệp ước, còn đại đa số dân biểu không biết gì cả, chỉ thông qua theo lệnh của đảng CSVN.²⁷ Thứ hai là *Hiệp ước phân định lãnh hải*, phân chia quyền lợi trên vịnh Bắc Việt, ký tại Bắc Kinh ngày 25-12-2000, mà danh tánh những người ký kết chưa được tiết lộ, chỉ biết rằng lễ ký kết được đặt dưới sự chứng kiến của chủ tịch CHXHCNVN là Trần Đức Lương và chủ tịch CHNDTH là Giang Trạch Dân.²⁸ Hiệp ước này chưa được đưa ra quốc hội hai nước để thông qua.

Ký kết xong hai hiệp ước với CHNDTH, CHXHCNVN mới ký kết với Hoa Kỳ *Hiệp ước Thương mại Việt Mỹ* tại Washington D.C. ngày 13-7-2001 giữa một bên là đại diện nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam, Bộ trưởng Thương mại Vũ Khoan và đại sứ Hà Nội tại Hoa Kỳ là Lê Văn Bằng, và một bên là đại diện Hoa Kỳ, bà Charlene Barshefsky, Trưởng phòng Thương mại Hoa Kỳ và đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam là Peter Peterson.

Có lẽ mọi người không quên rằng đáng ra *Hiệp ước Thương mại Việt Mỹ* đã được ký kết sớm hơn trước đó khá lâu, nhưng bị dời lại nhiều lần. Lúc đó người ta phỏng đoán rằng việc trì hoãn ký kết do ông Đỗ Mười đã cản trở. Ngày nay, tin tức về hai hiệp ước Việt Hoa mới được tiết lộ khiến câu hỏi đặt ra lại là phải chăng sức cản làm trì hoãn *Hiệp ước Thương mại Việt Mỹ* đến từ một thế lực to lớn hơn, đứng sau lưng ông Đỗ Mười, tức từ Bắc Kinh, vì Bắc Kinh muốn áp đặt Hà Nội hoàn tất việc ký kết lãnh hải trên vịnh Bắc Việt trước năm 2000 và trước khi ký kết thương ước với Hoa Kỳ?

Đứng trên tình tự dân tộc, *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* ngày 30-12-1999 làm mất ẨM NAM QUAN, khiến nhiều người Việt Nam phẫn nộ vì tự ái dân tộc bị tổn thương. Tuy nhiên, đứng trên công pháp quốc tế, *Hiệp ước phân định lãnh hải* ký ngày 25-12-2000 quan trọng hơn và tạo nhiều ảnh hưởng đến nhiều nước hơn, vì hiệp ước liên hệ đến sự vận

chuyển tàu bè, khai thác hải sản và nhất là khai thác tiềm năng dưới lòng đất của nhiều nước trên Biển Đông. Hiệp ước này đã giúp CHNDTH nới rộng kiểm soát vịnh Bắc Việt, và cả vùng Biển Đông nữa, làm thay đổi thế quân bình chính trị và quân sự tại vùng Đông Nam Á.

Điều này làm cho tất cả các nước Đông Nam Á và cả các nước có quyền lợi trong vùng phải lo ngại, vì CHNDTH áp dụng kế hoạch vết dầu loang trên biển, từ từ chiếm hết đảo này đến biển khác, càng ngày càng mở rộng chủ quyền trên Biển Đông, tăng cường lực lượng hải quân, để đưa đến những đụng chạm quốc tế khiến một ngày kia Biển Đông có thể sẽ dậy sóng dữ dội.

5.- KẾT LUẬN

Tóm lại, đặt sự cố ải Nam Quan năm 1999 và vịnh Bắc Việt năm 2000 trong toàn bộ diễn trình lịch sử cũng như trong khung cảnh toàn vùng Đông Nam Á, thì đây là hệ quả lâu dài của việc CSVN cưỡng chiếm VNCH năm 1975, hay nói cụ thể hơn chính việc CSVN cưỡng chiếm VNCH ngày 30-4-1975 đã dẫn đến các sự cố các năm 1979, 1999 và 2000.

Kinh nghiệm lịch sử Trung Hoa cho thấy trong thời Tam Quốc (213-280), nhờ có ba nước gờm nhau mà các nước yếu như Thục (dòng Lưu Bị) và Đông Ngô (dòng Tôn Quyền) đứng vững. Ngay khi mất thế chân vạc (Tam quốc) thì nhà Tấn (dòng Tư Mã Ý) liền thống nhất Trung Hoa. Lịch sử Trung Hoa còn cho thấy vào thế kỷ 13, nhà Tống (968-1279) cùng vua Mông Cổ và vua Kim giữ thế chân vạc, thì nhà Tống tồn tại. Tuy nhiên khi nhà Tống diệt người Kim năm 1234, thì người Mông Cổ tràn vào trung nguyên chấm dứt nhà Tống năm 1279.

Kinh nghiệm lịch sử Việt Nam từ hàng ngàn năm nay là một khi đất nước bị suy yếu, Trung Hoa liền kiếm cách xâm lăng. Chính lúc mà CSVN tưởng rằng mình đang ở đỉnh cao của sức

manh sau năm 1975, lại là lúc mà CSVN bắt đầu suy yếu và đi xuống dần dần.

Chính sách cai trị trong nước làm thất nhân tâm, lòng người ly tán. Bộ mặt thật của CSVN lộ hẳn ra, dân chúng chán ghét chế độ, không còn ai ủng hộ. Một số người có điều kiện đã bỏ ra nước ngoài sinh sống. Dân chúng còn lại trong nước chống đối thụ động bằng nhiều cách khác nhau, như bị đưa đi kinh tế mới thì bỏ trốn về, ngăn sông cấm chợ thì chợ vỉa hè (chợ trời) mọc lên khắp nơi, còn công nhân viên chức làm việc cầm chừng, thiếu hăng hái vì không được trả công xứng đáng. Việc bắt công chức quân nhân VNCH học tập cải tạo hoàn toàn phá sản vì chẳng cải tạo được ai, mà chỉ đào sâu thêm hố xa cách nếu không muốn nói là hận thù đối với đảng CS. Trước chính sách thất nhân tâm của CSVN, ngay cả những phần tử trí thức ưu tú trong đảng CSVN cũng quay lại chống đảng.

Sự vượt biên ồ ạt cả hàng triệu người bất chấp hiểm nguy trên mặt biển đã làm thế giới kinh hoàng và nhận chân được bộ mặt thật của chế độ CSVN. Uy tín quốc tế của CSVN xuống thấp. CSVN lại sa lầy ở Cambodia từ 1979 đến 1991. Không đoàn kết được nội lực dân tộc, mà lại quá tham vọng, CSVN muốn dựa thế lực ngoại bang để duy trì quyền lực đảng phái, nên mới xảy ra chiến tranh biên giới năm 1979 và việc nhượng đất năm 1999 và nhượng biển năm 2000.

Trên chính trường quốc tế, VNCH từng được gọi là “tiền đồn chống cộng”, chống lại sự phát triển chẳng những của Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) mà cả CSTH. Khi VNCH tồn tại, CSTH chỉ giúp đỡ CSBV, áp lực VNCH chứ không dám tấn công, vì CSTH còn e ngại Hoa Kỳ và Đồng minh.

Mục đích chính của Hoa Kỳ khi hiện diện ở Việt Nam là chặn đứng sự bành trướng của cộng sản, nhưng thực chất Hoa Kỳ nhắm vào CHNDTH hơn là CSBV. Khi Hoa Kỳ viện trợ giúp VNCH thì CSBV theo chiến thuật của Quốc tế cộng sản, đưa ra lý

do “chống Mỹ cứu nước”, phát động chiến tranh ý thức hệ, tiến đánh VNCH.

Vào đầu thập niên 70, Hoa Kỳ bắt tay với CHNDTH trong chiến lược toàn cầu của họ, mà kết quả cụ thể là cuộc viếng thăm CHNDTH một tuần của tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon bắt đầu từ ngày 21-2-1972. Hoa Kỳ chấp nhận “thất bại chiến thuật” tại Việt Nam và rút lui qua hiệp định *Paris* năm 1973. Biết chắc rằng Hoa Kỳ không còn can thiệp vào Việt Nam, CHNDTH liền tấn công Hoàng Sa năm 1974 mà CSVN không dám lên tiếng, vì Phạm Văn Đồng đã viết quốc thư ngày 14-9-1958 thừa nhận ranh giới biển do CHNDTH tự ý đưa ra ngày 4-9-1958. Việc CHNDTH tiến chiếm Hoàng Sa là **kết quả đầu tiên của việc anh em trong nhà đánh nhau chí tử để cho người ngoài đắc lợi.**

Giả thiết VNCH không bị cưỡng chiếm, thế chính trị bắc nam vẫn tồn tại, thì CHNDTH cũng không dám đánh biên giới Bắc Việt, chiếm ả Nam Quan, vì làm thế sẽ chạm tự ái dân tộc của toàn dân Việt Nam. Chắc chắn lúc đó, VNCH sẽ lên tiếng phản đối và biết đâu sẽ gởi chí nguyện quân giúp Bắc Việt chặn đứng cuộc xâm lăng của Trung Hoa, đồng thời tình đoàn kết Bắc Nam sống lại là điều CHNDTH rất lo ngại. **Nước Trung Hoa nói chung, từ trước đến nay, không bao giờ muốn một nước Việt Nam thành một khối thống nhất, đoàn kết, và hùng mạnh.**

Vì cưỡng chiếm được VNCH, CSVN tự tin ở sức mạnh quân sự của mình, tung quân bành trướng ở Đông Dương, làm mất thế ổn định và quân bình chính trị Đông Nam Á, khiến cho chẳng những các nước trong khu vực lo ngại mà cả các nước trên thế giới có quyền lợi ở đây phải đề phòng. Từ đó, dẫu không nói ra, các nước này đồng tình ngấm ngấm với việc CHNDTH “dạy” cho CHXHCNVN một bài học chua chát, đưa đến sự cố Nam Quan.

Cũng vì cưỡng chiếm VNCH, đàn áp trí thức, văn nghệ sĩ, nhân tài của đất nước; tiêu diệt các thành phần người Việt yêu

nước độc lập, không theo CS hay theo những đảng phái khác với đảng CSVN, có thể nói đảng CSVN tự cô lập mình, trở nên cô độc, và không có ai tiếp tay khi lâm nguy. Chính vì vậy, khi CHXHCNVN bị CHNDTH áp lực, thì đảng CSVN không còn có thể nhờ bất cứ một lực lượng nào khác ở ngoài đảng CSVN để có thể cùng nhau hiệp lực nhằm đối kháng lại tham vọng của CHNDTH.

Một điều miả mai cần ghi nhận là khi CHNDTH tấn công biên giới năm 1979, thì dân chúng miền Nam dầu rất yêu nước, nhưng đa số thờ ơ với chiến cuộc. Có thể có nhiều lý do giải thích hiện tượng này: Thứ nhất nhiều người cho rằng đó là tranh chấp giữa hai nước anh em xã hội chủ nghĩa với nhau. Thứ nhì, khi bị tấn công ở bên ngoài, thì ở trong nước CSVN nổi lỏng việc chính trị, cởi mở dễ dãi để dân chúng đừng nổi dậy, nên dân chúng dễ sống hơn. Thứ ba, nhiều quân nhân công chức VNCH bị bắt giam không thời hạn ở các trại tù ngoài Bắc, như ở Hoàng Liên Sơn hay Ma Thiên Lãnh (Cao Bằng), khí hậu khắc nghiệt, xa xôi khó thăm nuôi. Khi chiến tranh năm 1979 xảy ra, CSVN đưa những “tù nhân” này về phía nam, thời tiết tương đối tốt hơn, thân nhân dễ đi thăm nuôi hơn. Ngoài ra, giả thiết nếu dân chúng miền Nam có lên tiếng phản đối CHNDTH và chống lại cuộc xâm lăng năm 1979, CSVN cũng không chấp nhận vì một mặt họ luôn luôn “độc quyền yêu nước”, một mặt khác họ luôn luôn nghi ngờ và cấm đoán tất cả mọi sinh hoạt chính trị và văn hoá không phải do họ lãnh đạo. Chúng ta cần nhớ lại câu châm ngôn về cách sống dưới chế độ cộng sản: *“Đảng gọi thì dạ, đảng không gọi thì không dạ. Đảng gọi mà không dạ không được. Đảng không gọi mà dạ cũng không được.”*

Cuối cùng, cầu xin viện trợ nước ngoài để cố tình tiêu diệt đồng bào trong nước là một tội lỗi dân tộc lớn lao. Tội lỗi này càng lớn lao hơn nữa sau khi đánh phá giết chóc người anh em trong nhà với nhau, rồi lại nhượng đất cho người nước ngoài,

rước voi về dày mô tổ tiên. Chưa có một tội lỗi lịch sử nào lưu xá tệ hại hơn như thế.

Do đó, nếu Hồ Chí Minh và CSBV chấp nhận đề nghị của Liên Xô năm 1957, để cho hai miền Nam Bắc Việt Nam cùng gia nhập Liên Hiệp Quốc, cùng phát triển đất nước và sẽ thống nhất với nhau trong hoà bình, thì chẳng bao giờ CHNDTH có thể chiếm Hoàng Sa, đánh biên giới Bắc Việt, áp lực Hà Nội giao ả Nam Quan và trên 10.000 cây số vuông vịnh Bắc Việt.

Vì biến cố 30-4-1975 là tiền đề của sự cố Nam Quan, nên nếu người Việt Nam muốn kiếm cách đòi lại ả Nam Quan, thì cũng phải đi theo tiến trình này, tức là đầu tiên phải giải thể hệ thống đảng quyền cộng sản toàn trị tại Việt Nam, để thiết lập một chế độ tự do dân chủ thật sự, đoàn kết nội lực của toàn dân, mới có thể đặt vấn đề thương thuyết đòi lại ả Nam Quan với CHNDTH.

Chỉ có việc giải thể chế độ cộng sản hiện nay ở Hà Nội, thiết lập một chế độ dân chủ thực tâm tôn trọng dân quyền, lo lắng cho đời sống dân chúng, cho tiền đồ dân tộc, mới có thể đủ sức chống lại cuộc xâm lăng của CHNDTH, nhất là khi nước này thực hiện **kế hoạch tầm thực**²⁹ để từ từ lấn chiếm Việt Nam. Những cuộc tấn công vũ bão của vua chúa Trung Hoa ngày trước cũng như của Đặng Tiểu Bình năm 1979 không mấy thành công bằng kế hoạch tầm thực rất tinh vi, ẩn náu trong lớp vỏ bọc chủ nghĩa quốc tế cộng sản. Kế hoạch tầm thực rất nguy hiểm, vì sau ả Nam Quan, CHNDTH sẽ từ từ lấn xuống đến một lúc nào đó sẽ nuốt trọn tỉnh Lạng Sơn rồi xuống châu thổ Hồng Hà. Muốn chống kế hoạch tầm thực của CHNDTH, người Việt Nam chỉ còn cách duy nhất là phải theo phương lược mà Đức Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra cách đây hơn 700 năm. Khi Ngài sắp từ trần năm 1300, vua Trần Anh Tông đến thăm và hỏi rằng: "*Thượng phụ [chỉ Đức Trần Hưng Đạo] một mai khuất núi, phỏng có quân bắc lại sang thì làm thế nào?*" Ngài trả lời rằng:

“Đại để, kẻ kia cậy có tròng [trường] trận, mà ta thì cậy có đoàn binh; lấy đoàn chống nhau với tròng, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến ầm ầm, như gió như lửa, thế ấy lại dễ chống. Nếu nó dùng cách ăn dần dà, như tầm ăn lá, thông thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị, thì ta nên kén dùng người giỏi, liệu xem quyền biến, ví như đánh cờ, phải tùy cơ mà ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà, thì mới có thể đánh được. Cách ấy, cốt phải **tự lúc bình thì khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ bền gốc**, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả.”³⁰ [người viết in đậm.] Trong khi đó, lúc “bình thì” (thời bình), CSVN đã đàn áp và bằng mọi cách bóc lột dân chúng nghèo khổ đói rách, thì làm thế nào có thể thực hiện “kế sâu rễ bền gốc” mà giữ nước được?

Cuối cùng, việc Việt Nam ngày nay mất ẨM NAM QUAN và 10.000 cây số vuông trên vịnh Bắc Việt không phải chỉ là thất bại của Việt Nam, mà còn là sự đe dọa đến các nước Đông Nam Á và là một báo động chung cho toàn thể Á Châu cũng như thế giới.

Ngoài việc tiến hành chiếm ẨM NAM QUAN và hơn 10.000 Km² vịnh Bắc Việt, trong thập niên qua, CHNDTH đã từ từ lần lần chiếm và xây dựng nhiều cơ sở quân sự ở các đảo trên quần đảo Trường Sa. Năm 1988, hải quân CHNDTH tấn công và chiếm một số vị trí trong quần đảo Trường Sa từ lâu thuộc Việt Nam. Đầu năm 1995, CHNDTH chiếm đảo đá ngầm Mischief Reef, cách CHNDTH khoảng 800 hải lý trong khi chỉ cách Philippines dưới 150 hải lý, trước sự phản đối vô hiệu của nước này, rồi biến những cơ sở ở đây thành những căn cứ quân sự vào năm 1998.

CHNDTH vốn là một cường quốc đầy tham vọng bá quyền. Việc chiếm ẨM NAM QUAN và hơn 10.000 cây số vuông vịnh Bắc Việt là những việc làm song hành với mưu đồ tiến chiếm Hoàng Sa và Trường Sa, trên con đường thực hiện ước mơ làm bá chủ Đông Nam Á. Đây là ước mơ của CHNDTH nhưng lại là ác mộng của các nước tại vùng này và cả thế giới.

Khi dư luận người Việt đang rộ lên về vấn đề CSVN nhượng đất và nhượng biển cho CSTH thì đô đốc Denis Blair, tư lệnh lực lượng Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương đến Hà Nội vào đầu tháng 2-2002, đề nghị Việt Nam biến Cam Ranh thành một “căn cứ mở cửa”, cho phép tàu bè của tất cả các nước trên thế giới ghé lại. Phải chăng Hoa Kỳ quan ngại do hiệp ước Việt Hoa về vịnh Bắc Việt được công khai tiết lộ, hay Hoa Kỳ quan ngại chung về vấn đề Biển Đông mà CHNDTH gọi là “nội hải” của họ?

Ngay sau đó, vào ngày 27-2-2002, ông Giang Trạch Dân, chủ tịch CHNDTH kiêm tổng bí thư đảng CSTH đến viếng thăm Việt Nam, mà theo sự ghi nhận của hãng thông tấn Reuters, nhằm “*làm hết sức mình để thay đổi nhân quan của người Việt về Trung Quốc*”. Đồng thời, trong cuộc thảo luận với ông Trần Đức Lương, chủ tịch CHXHCNVN, và ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư đảng CSVN, ông Giang Trạch Dân muốn trấn an các nước trong vùng, nên “*hai phía [Việt Nam và Trung Quốc] tái xác định ý muốn phát triển quan hệ giữa Trung Quốc và Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) vì hoà bình và ổn định của miền.*”³¹

Ngôn ngữ ngoại giao là một việc, hành động thực tế là một việc khác. Trước việc CHNDTH thực hiện kế hoạch tầm thực trên bộ và vết dầu loang trên biển, hy vọng rằng trong tương lai gần các nước trên thế giới sẽ cùng nhau tập trung đối phó và chặn đứng sự bành trướng của CHNDTH, như các nước Âu Mỹ đã từng tập trung đối phó với Liên Xô trong thập niên 80. Đầu thập niên 80, không ai nghĩ rằng khối Liên Xô và Đông Âu hùng mạnh hoàn toàn sụp đổ vào các năm 1989-1991, nên ngày nay, chưa ai có thể tiên đoán được những gì sẽ xảy ra trong tương lai, ngoại trừ một điều mà ai cũng tin tưởng là bạo quyền không thể tồn tại lâu dài, ở bất cứ nơi nào trên thế giới, ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam.

Chỉ khi nào hình thành một chính quyền thật sự dân chủ tại Việt Nam, tập hợp được mọi thành phần dân tộc, cải tổ chính

trị, phục hưng kinh tế, xây dựng đất nước giàu mạnh, mới có thể nói đến chuyện thương lượng để đem ẨM Nam Quan, một địa danh vang lừng chiến sử dân tộc, trở về với tổ quốc kính yêu.

(Toronto, 1-3-2002)

CHÚ THÍCH:

1. Thế Nguyên, Diễm Châu, Đoàn Tường, *Đông Dương 1945-1973*, Nxb. Trình Bày, Sài Gòn, 1973, tr. 51. (Sách này có các hiệp định Genève năm 1954 và Paris năm 1973)
2. Đoàn Thêm, *Hai mươi năm qua: 1945-1964, việc từng ngày*, [Sài Gòn, 1965], Nxb. Xuân Thu, Los Alamitos, California, tái bản không đề năm, tt. 217-218.
3. William J. Duiker, *Ho Chi Minh*, Nxb. Hyperion, New York, 2000, tr 500.
4. Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu 1939-1975*, Tập I-C: 1955-1963, Nxb. Văn Hoá, Houston, 2000, tt. 152, 180.
5. Nguyễn Đình Tuyển, *Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh tại Việt Nam 1945-1975*, Houston, Texas, 1995, tr. 49.
6. Theo tin tức của Hoa Kỳ, trong hai ngày 2 và 4-8-1964, chiến thuyền Maddox của Hải quân Hoa Kỳ bị BVCS tấn công. Lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ đưa ra “Quyết nghị vịnh Bắc Việt” (The Gulf of Tonkin Resolution) ngày 7-8-1964 ủng hộ tối đa tổng thống Lyndon Johnson trong việc mở rộng chiến tranh Việt Nam.
7. Lê Duẩn, bí thư thứ nhất đảng Lao Động từ 1960 đến 1976, tổng bí thư đảng CSVN từ 1976 đến 1986, đã từng nói: “*Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc.*” (Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày (hồi ký chính trị của một người không làm chính trị)*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 422, phần chú thích.)
8. Hoàng Văn Hoan, *Giọt nước trong biển cả*, hồi ký viết lời tựa tại Bắc Kinh năm 1986, nhóm Tim hiểu lịch sử, Portland, Oregon, xuất bản 1991, tr. 392.

9. http://www.vietbao.com/tinvietnam/tin_vietnam_1.html (*Viet Báo Online*, 22-3-2001). Như vậy, cộng sản xin viện trợ để gây chiến, nay lại bắt dân chúng Việt Nam trả nợ.
10. Tưởng Vĩnh Kính, *Nhất cá Việt Nam dân tộc chủ nghĩa đích nguy trung giả* [Một kẻ nguy trung chủ nghĩa dân tộc Việt Nam], Nxb. Truyện Ký Văn Học, Đài Bắc, 1972, bản dịch của Thượng Huyền, *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1999, tt.167-168.
11. Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu, 1939-1975* (tập B:1947-1954), Nxb. Văn Hóa, Houston, 1997, tt. 177, 186, 187, 267, 267, 335, 355.
12. Nguyễn Minh Cần, *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 114.
13. Bài của ông Vũ Khoan được ông Ngô Nhân Dụng trích dẫn trong bài bình luận “Mốc Mới”, nhật báo *Người Việt Online*, California, ngày 27-01-2002.
14. Jacques Massu, Jean-Julien Fonde, *L'aventure Việt-Minh*, Nxb. Plon, Paris, 1980, tr. 293, phần chú thích.
15. Hoàng Văn Hoan, *sdd.* tr. 389.
16. Theo tin *Việt Báo*, California, số 1823, ngày 1-4-2000, nhà cầm quyền Hà Nội thú nhận quân lính Bắc Hàn đã sang Bắc Việt chiến đấu giúp chế độ cộng sản Hà Nội, bị chết và chôn ở Bắc Giang.
17. * Sau thế chiến thứ nhì, Cao Ly được chia thành hai khu vực chiếm đóng ở vĩ tuyến 38: phía Bắc do Liên Xô và phía Nam do Hoa Kỳ. Tại miền Nam, năm 1948 quốc hội được bầu ra và soạn thảo hiến pháp, công bố thành lập Cộng Hòa Cao Ly (Republic of Korea), thủ đô là Hán Thành (Seoul). Lý Thừa Vãn (Syngman Rhee) trở thành tổng thống đầu tiên ngày 17-7-1949. Tại miền Bắc, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Cao Ly (Democratic People's Republic of Korea) được thành lập ngày 9-9-1949, thủ đô là Bình Nhưỡng (Pyong-yang) do Kim Nhật Thành (Kim Il Sung) làm chủ tịch. Ngày 25-6-1950, Bắc quân xâm lăng Nam Cao Ly, chiếm Hán Thành. Theo đề nghị của Hoa Kỳ, ngày 27-6-1950 Liên Hiệp Quốc ra nghị quyết yêu cầu các nước hội viên giúp Nam Cao Ly. Ngày 12-9-1950, đại

tướng Mc Arthur cầm đầu quân đội LHQ, bắt thần đổ bộ vào Cao Ly ở Inchon, đẩy lui Bắc quân, tái chiếm Hán Thành ngày 19-9, và truy đuổi Bắc quân, vượt vĩ tuyến 38, chiếm Bình Nhưỡng và tiến đến sông Áp Lục (Yalu River), vùng biên giới Mãn Châu (Trung Hoa). Ngày 26-11-1950, khoảng 250.000 quân Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa vượt biên giới giúp Bắc Cao Ly, đẩy lui quân LHQ xuống phía Nam, chiếm Hán Thành. Hoa Kỳ cử tướng Matthew Ridgway thay thế tướng Mc Arthur. Quân LHQ đẩy lui cộng quân khỏi vĩ tuyến 38 tháng 1-1951. Cuộc thương thuyết bắt đầu từ tháng 7-1951, và hai bên ký hiệp ước *Bàn Môn Điếm* (Panmunjon) ngày 27-7-1953, cũng lấy vĩ tuyến 38 chia hai Cao Ly, nhưng Nam Cao Ly được thêm một ít đất đai so với thời kỳ trước chiến tranh.

* Về vấn đề Việt Nam, sau khi Đức thất trận và trước khi Nhật đầu hàng, từ ngày 17-7 đến 2-8-1945, tại hội nghị Potsdam (Berlin), Hoa Kỳ, Anh và Liên Xô họp để bàn về các vấn đề hậu chiến, và vấn đề Nhật Bản đang còn chiến đấu ở Á Châu. Đại diện các nước Hoa Kỳ, Anh và Trung Hoa (không họp, nhưng đồng ý qua truyền thanh) cùng gửi một tối hậu thư cho Nhật Bản ngày 26-7-1945. (Liên Xô không được tham dự vào tối hậu thư này vì lúc đó, Liên Xô chưa tham chiến ở Á Châu.) Tối hậu thư này buộc Nhật Bản phải đầu hàng vô điều kiện, chấp nhận những điều kiện của Đồng minh như chấm dứt quân phiệt, giải giới quân đội, từ bỏ đế quốc... Riêng về vấn đề Đông Dương, quân đội Nhật sẽ bị buộc giải giới do quân đội Trung Hoa ở bắc vĩ tuyến 16, và do quân đội Anh ở nam vĩ tuyến 16. Vĩ tuyến 16 chạy ngang qua thị trấn Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam. Hiệp định *Genève* lại chia đôi Việt Nam ở vĩ tuyến 17.

18. Hoàng Văn Hoan, *sdd.* tt. 415.
19. Bùi Xuân Quang, *La troisième guerre d'Indochine 1975-1999: Sécurité et géopolitique en Asie du Sud-Est*, Nxb. L'Harmattan, Paris, 2000, tr. 289.)
20. Hoàng Văn Hoan, *sdd.* tt. 425, 428.
21. Bùi Xuân Quang, *sdd.* tt. 307-308.
22. COMECON: Council for Mutual Economic Assistance tức Hội đồng Tương trợ Kinh tế được thành lập năm 1949 tại Moscow,

- gồm Liên Xô và các nước cộng sản chư hầu. Khối kinh tế này sụp đổ năm 1990 cùng với sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu.
23. Bùi Xuân Quang, *sdd.* tt. 308, 421,
 24. Phúc trình mật nầy được tạp chí *Etudes et Documents* [Nghiên cứu và Tài liệu] ở Đài Loan số tháng 4-1981 đăng lại. Tác giả Bùi Xuân Quang trích dẫn, *sdd.* tr. 419. Nguyên văn câu đó bằng Pháp văn như sau: “*Outre son invasion (du Cambodge), le Vietnam a aussi, à plusieurs reprises, crée des incidents sanglants à la frontière sino-vietnamienne. Cela a provoqué des incidents et encouragé les démarqueurs de frontières à empiéter de 600 kilomètres carrés sur le territoire de Chine. Il a ignoré les remontrances répétées de notre gouvernement. Nous avons aussi proclamé que nous désirons que le gouvernement vietnamien comprenne clairement que notre tolérance a une limite... Nous disions que nous ne combattons pas actuellement (janvier 1979). Mais cela ne veut pas dire que nous ne combattons pas un jour.*”
 25. Bùi Xuân Quang, *sdd.* tr. 427. Câu nói đó được tác giả Bùi Xuân Quang dịch ra Pháp văn như sau: “*L’URSS peut choisir n’importe quelle méthode pour punir la Chine.*”
 26. Lê Công Phụng, [thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội, trưởng đoàn thương thuyết Việt Nam], “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam-Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, tạp chí *Cộng Sản*, Hà Nội, số 2, tháng 1-2001.
 27. Nguyễn Thanh Giang trả lời phỏng vấn ngày 24-2-2002 của Đài Phát thanh Little Sài Gòn, Orange County, California. *Người Việt Online*, ngày 25-1-2002, mục “Tin Việt Nam”.
 28. Lê Công Phụng, *bài đã dẫn, báo đã dẫn.*
 29. Tầm thực: Tầm là dâu, thực là ăn. Kế hoạch tầm thực là kế hoạch thực hiện từ từ, lan truyền dần dần như con tầm từ từ ăn hết lá dâu nầy đến lá dâu khác.
 30. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Nxb. Khoa học Xã hội Hà Nội, 1993, tập 2, tr. 79.
 31. *Việt Nam Nhật Báo*, internet, ngày 28-2-2001, phần “Tin Việt Nam”.

30 THÁNG 4, THỬ NHÌN LẠI*

Thông thường, ngày 30-4-1975 được giải thích là ngày sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), và là ngày “đại thắng mùa xuân” của cộng sản Bắc Việt. Ngoài hai cách nhìn này, còn có một cách nhìn thứ ba mà ít người chú ý đến.

Trong thập niên 60, khi viếng thăm VNCH, được hỏi làm thế nào để chiến thắng cộng sản, Moshe Dayan, danh tướng độc nhãn Do Thái, đã trả lời như sau: "*Bắc Việt sẽ thất trận khi họ chiếm được Sài Gòn.*"¹ Lúc đó, giới báo chí và chính trị Sài Gòn đã bàn tán về câu nói của Moshe Dayan (1915-1981), nhưng không ai đại gò giao trưng cho ác (quạ), mà nghĩ đến một giải pháp quá rủi ro là để cho cộng sản chiếm được Sài Gòn. Cuối cùng, khi cộng sản thật sự chiếm được Sài Gòn năm 1975, một bên buồn quá, cũng như một bên vui quá, nên cả hai phía đều quên luôn ý kiến của Moshe Dayan.

1.- AI THẮNG AI?

Trong cuộc chiến tranh vừa qua, người cộng sản thường tự hào rằng chính họ đã "*đánh cho Mỹ rút, đánh cho ngụy nhào*". Theo biểu kiến bên ngoài, “Mỹ rút, ngụy nhào” thật đó, nhưng thực sự Mỹ không rút, mà phải nói cho thật đúng ý nghĩa bối cảnh lịch sử là **Mỹ ngưng không tiếp tục hiện diện** ở Việt Nam vì lý do thay đổi chiến lược toàn cầu của họ, và **lực lượng VNCH không thất trận, chỉ ở thế bắt buộc phải ngưng súng, ngưng chiến đấu**. VNCH dư biết rằng trong thế tranh chấp giữa các cường quốc, với sự thay đổi chiến lược của Hoa Kỳ, nếu lực lượng VNCH tiếp tục chiến đấu, chỉ làm tổn hại thêm xương máu của binh sĩ và dân chúng, mà không tránh được sự áp đặt từ bên ngoài, trong khi Liên Xô cùng Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa

(CHNDTH) tung hết vũ khí cho Bắc Việt và Hoa Kỳ ngưng tiếp liệu quân nhu và vũ khí cho VNCH.

Sau khi thế chiến thứ nhì (1939-1945) kết thúc, thế giới bước vào chiến tranh lạnh giữa hai khối tự do (tư bản) và cộng sản. Khi đắc cử tổng thống Hoa Kỳ ngày 5-11-1952 thay ông H. Truman, đại tướng D. Eisenhower tuyên bố rằng chiến tranh Đông Dương không còn là chiến tranh thuộc địa, mà là "*cuộc chiến giữa Cộng sản và thế giới Tự do.*"² Từ đó, Hoa Kỳ viện trợ Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng càng ngày càng nhiều để chống lại Việt Minh cộng sản.

Lúc đó, Hoa Kỳ và các nước Tây phương nghĩ rằng các nước trong thế giới cộng sản như Liên Xô, Trung Quốc là một khối chính trị chặt chẽ, nên tìm tất cả các cách để ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản. Vì vậy, sau hiệp định *Genève* ngày 20-7-1954, Hoa Kỳ quyết định giúp miền nam Việt Nam để chặn đứng làn sóng cộng sản mà cụ thể hơn là sự bành trướng của Trung Quốc.

Những diễn tiến chính trị trong khối cộng sản sau khi J. Stalin từ trần ngày 5-3-1953, và nhất là khi N. Khrushchew lên cầm quyền, rồi đưa ra chủ trương sống chung hòa bình giữa các nước không cùng một thể chế chính trị, hòa dịu với các nước Tây phương năm 1956, thì bắt đầu sự rạn nứt giữa Liên Xô và Trung Quốc. Lúc đầu mới chỉ lời qua tiếng lại giữa hai đảng Cộng Sản anh em, sau đó giữa hai nhà nước cộng sản, và cuối cùng thực sự đánh nhau dọc biên giới đông bắc Trung Quốc, trên sông Ussuri (Ô tô lý giang) năm 1969.

Dựa trên những dữ kiện thực tế đó, các chính trị gia Hoa Kỳ nhận thấy rằng các nước cộng sản không phải là một khối chặt chẽ, mà họ là những thực thể riêng biệt, với những quyền lợi mâu thuẫn nhau khá trầm trọng. Hoa Kỳ không bỏ lỡ cơ hội kiếm cách khai thác mâu thuẫn giữa các nước cộng sản, đúng ra là giữa Liên Xô và Trung Quốc để làm thế nào ly gián họ, và tránh cho

họ xích lại gần nhau như trước. Vì vậy, người Hoa Kỳ bắt đầu xét duyệt lại chính sách toàn cầu của Hoa Kỳ

Trong khi đó, nếu Hoa Kỳ càng giúp Việt Nam Cộng Hòa chống lại Bắc Việt cộng sản, thì Liên Xô và Trung Quốc ở thế cùng liên kết để giúp Bắc Việt chống lại Hoa Kỳ, tức Hoa Kỳ tạo nên một hoàn cảnh thuận lợi cho Liên Xô và Trung Quốc tạm gác những mâu thuẫn song phương, để cùng nhau cứu giúp một nước cộng sản thứ ba, nhằm tạo uy tín và hấp lực với các nước khác, nhất là các nước trong khối không liên kết. Nói cách khác, làm như thế, chẳng khác gì Hoa Kỳ tạo cơ hội cho hai nước Liên Xô và Trung Quốc xích lại với nhau. Trên quan niệm địa lý chính trị học (geopolitics), vào cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70, người Hoa Kỳ còn ngộ ra rằng "*Bắc Việt không thể tàn phá Hoa Kỳ trong vòng nửa giờ, hoặc tiêu hủy các thành phố, giết một nửa dân số, nhưng với hỏa tiễn nguyên tử, Liên Xô có thể làm được việc đó. Trung Quốc tuy chưa ngang tầm của Liên Xô vì ít vũ khí nguyên tử, nhưng lại đe dọa phần còn lại của Á châu vì ý hệ chính trị cứng rắn và vì dân số đông đảo của họ.*"³

Chẳng những thế, các chính trị gia Hoa Kỳ lúc đó còn đi xa hơn, cho rằng "*hy sinh Việt Nam mới thật là đáng giá. Còn hơn là hao phí thêm nhiều sinh mạng người Mỹ và hàng tỷ mỹ kim để chống đỡ Việt Nam với chẳng có hy vọng thắng lợi, tại sao không thỏa thuận thua cuộc để đổi lấy sự mở cửa của Trung Hoa nhằm làm yếu đi kẻ thù thực sự là Liên Xô.*"⁴

Chúng ta hãy nghe một nhà ngoại giao kỳ cựu Hoa Kỳ, ông Bill Sullivan, nguyên là đại sứ Hoa Kỳ tại Lào, lúc đó là thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương, sau đó phụ tá và sát cánh với Henri Kissinger trong các cuộc thương thuyết tại hội nghị Paris chấm dứt chiến tranh Việt Nam, trả lời trong một cuộc phỏng vấn rằng: "*Như thế, tôi đi đến kết luận, và điều này ông nghe có vẻ tráo trở, rằng không thắng cuộc chiến này thì chúng ta sẽ khá hơn. Đặc biệt nữa là người Trung Hoa đã khai thông với chúng ta, và làm cho người Trung Hoa tách*

*rời khỏi Liên Xô và nghiêng về phía chúng ta, đối với chúng ta còn quan trọng hơn nhiều việc chiến thắng ở Việt Nam."*⁵

Ngày 14-4-1971, tại Đại sảnh đường Nhân dân Bắc Kinh, thủ tướng CHNDTH là Châu Ân Lai tiếp đãi và nói chuyện thân mật với đoàn bóng bàn Hoa Kỳ sang thi đấu giao hữu với đoàn bóng bàn CHNDTH theo lời mời của Tổng cục Bóng bàn nước này.

Ngày 9-7-1971, cố vấn an ninh quốc gia Hoa Kỳ là Henri Kissinger có mặt ở Bắc Kinh và được Châu Ân Lai tiếp kiến. Ngày 25-10-1971, Đại hội đồng thứ 26 của Liên Hiệp Quốc biểu quyết chấp nhận CHNDTH được giữ ghế đại biểu Trung Hoa thay cho Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) mà không bị Hoa Kỳ phủ quyết, nghĩa là Hoa Kỳ cũng bỏ rơi Đài Loan, đồng minh lâu năm của Hoa Kỳ, để bắt tay với CHNDTH. Cần để ý thêm là Trung Hoa là hội viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, có quyền bỏ phiếu phủ quyết những vấn đề quan trọng đưa ra trước Liên Hiệp Quốc.

Sau đó, tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon viếng thăm CHNDTH một tuần lễ bắt đầu từ ngày 21-2-1972 mà ông Nixon cho rằng đây là *"một tuần lễ sẽ làm thay đổi thế giới."*⁶ Cuộc viếng thăm này đưa đến bản "Thông cáo chung Thượng Hải" ngày 28-2 theo đó hai bên đưa ra những quan điểm hoàn toàn khác nhau, chỉ trừ một điều là cùng nhau tôn trọng sự khác biệt giữa hai bên và hứa sẽ kiếm cách cải thiện bang giao song phương.

Đúng như ông Nixon loan báo, cuộc viếng thăm đã đưa đến việc thay đổi thế giới, bắt đầu từ việc Hoa Kỳ sắp đặt lại chiến lược toàn cầu và Á Châu, từ đó rút quân dần dần ra khỏi Việt Nam. Mỹ rút quân ra khỏi Việt Nam theo đúng chiến lược của họ, bởi vì người Mỹ tin rằng *"thua trận ở Việt Nam lành mạnh hơn cho Hoa Kỳ hơn là thắng trận. Rằng thua trận nằm trong quyền lợi quốc gia. Rằng đó là lợi thế... Đó là quan niệm cấp tiến triệt để vào thời đó, rằng thua trận và phó mặc các đồng minh*

*Đông nam Á của chúng ta cho số phận của họ, như thế mới đúng là cách làm của chúng ta."*⁷

Như thế, xét cho cùng, Hoa Kỳ chẳng thua trận, mà Hoa Kỳ chỉ bỏ cuộc ở Việt Nam để thực hiện việc thay đổi chiến lược toàn cầu quan trọng hơn đối với họ trong cuộc tranh chấp với Liên Xô. Trong khi tự cho rằng "ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc",⁸ thì chính Bắc Việt đã tiếp tay với người Mỹ để thực hiện kế sách của Hoa Kỳ. Từ đó, Hoa Kỳ đã thành công trong việc làm sụp đổ khối Liên Xô và Đông Âu. Như thế, có thể nói người Hoa Kỳ đã chịu thua mặt trận (battle) Việt Nam, để đại thắng cuộc chiến tranh (war) toàn cầu, và hiện nay trở thành cường quốc số 1 trên thế giới.

Đi vào thế chiến lược mới của Hoa Kỳ, về phía VNCH, dầu không còn được Hoa Kỳ viện trợ như trước, và trước sức mạnh của Bắc Việt được Liên Xô và CHNDTH giúp đỡ tận "cây kim sợi chỉ", các chiến sĩ VNCH vẫn tiếp tục chiến đấu anh dũng trong 2 năm sau hiệp định Paris, chứ không để cho đất nước sụp đổ ngay. Các chiến sĩ VNCH không thua bộ đội cộng sản Bắc Việt, mà chỉ buông vũ khí, ngưng chiến đấu vì nhận thấy rằng trong thế chiến lược mới, các cường quốc trên thế giới quyết tâm áp đặt một giải pháp chính trị, mà mình cô thế khó cưỡng chống lại được, tiếp tục chiến đấu chỉ làm tổn hại thêm nhiều nhân mạng vô tội, nên cuối cùng lực lượng VNCH chấp nhận ngưng chiến đấu chứ không phải họ thua cuộc.

Trước khi ký hiệp định *Paris* năm 1973, các nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã hứa hẹn, mà không ghi thành văn bản, là sẽ viện trợ Việt Nam 4 tỷ Mỹ kim để Việt Nam tái thiết đất nước sau chiến tranh. Tuy nhiên, Bắc Việt cưỡng chiếm Nam Việt bằng võ lực, đi ngược lại với tinh thần hiệp định *Paris* ký kết giữa các bên lâm chiến, và đã được nhiều nước công nhận. Dựa vào việc Bắc Việt không tôn trọng hiệp định *Paris*, Hoa Kỳ bác khước lời hứa trước kia. Hơn nữa, khi cưỡng chiếm VNCH sau hiệp định Paris,

Bắc Việt cưỡng chiếm luôn số tài sản khổng lồ ước tính khoảng 6 tỷ Mỹ kim mà Hoa Kỳ đã để lại tại miền Nam Việt Nam. Số tài sản này còn cao hơn lời hứa hẹn của Hoa Kỳ sẽ viện trợ cho Việt Nam 4 tỷ Mỹ kim trước đây. Vì cả hai lý do này, cho đến nay, cộng sản Việt Nam không thể mở miệng nhắc lại chuyện Hoa Kỳ hứa hẹn viện trợ để tái thiết Việt Nam sau 30 chiến tranh mà Hoa Kỳ đã can dự vào. Thua cuộc cờ toàn cầu, Bắc Việt lại thất bại luôn trong cuộc đấu trí để đòi viện trợ của Hoa Kỳ sau chiến tranh.

2.- THỰC TẾ SAU 30-4

Quan sát kỹ sinh hoạt xã hội Việt Nam sau khi cộng sản Bắc Việt chiếm được miền Nam năm 1975, mọi người đều nhận thấy rõ ràng ngay từ đầu, đại đa số những người Bắc, từ cán bộ, bộ đội đến thường dân, khi vào Nam đều học theo cách sống của người Nam, chứ hầu như người Nam không học theo người Bắc, trừ một thiểu số xu phụ theo chế độ mới. Người Bắc thích ăn bận theo người Nam, đua đòi thời trang miền Nam, nghe nhạc Nam mà cộng sản gọi là "nhạc vàng", đọc sách Nam, từ tiểu thuyết trữ tình, tiểu thuyết kiếm hiệp đến văn chương, triết học, và làm tất cả các cách để thành người Nam. Ngay cả những cán bộ cao cấp trong Bộ chính trị đảng Lao Động (năm 1976 cải danh thành đảng Cộng Sản) cũng từ bỏ bộ áo quần đại cán cao cổ để ăn bận Âu phục theo kiểu người Nam.

Chẳng những thế, hầu như miền Bắc cũng được Nam hóa bằng sản phẩm của miền Nam. Lúc đó, đại đa số người nào ở miền Bắc vào cũng "tranh thủ" cho được tối thiểu ba thứ "đạp đồng đài"⁹ để đem về Bắc sử dụng hoặc trang bị cho gia đình. (Rất ít người như bà Dương Thu Hương chỉ lo đi mua sách miền Nam. Theo lời Dương Thu Hương, khi bà vào Sài Gòn thì bà tìm đến các chợ sách để mua sách cũ và bà ta bị choáng ngợp vì sách

vở văn chương triết học ở miền Nam quá phong phú chứ không nghèo nàn và bị kềm kẹp như cộng sản tuyên truyền.)

Trong lịch sử thế giới, ai cũng biết người Mông Cổ nổi tiếng thiện chiến và chiếm được một đế quốc rộng lớn từ thời Thành Cát Tư Hãn (Genghis Khan). Cháu nội của Thành Cát Tư Hãn là Hốt Tất Liệt (Qubilai) tức Nguyên Thế Tổ đem quân Mông Cổ vào chiếm Bắc Kinh năm 1264, rồi từ đó tiến chiếm luôn toàn bộ nước Trung Hoa.

Khi người Mông Cổ tiếp xúc và tiếm nhiệm nền văn minh và văn hóa Trung Hoa, thì dường như họ không còn là người Mông Cổ nữa. Có thể nói vó ngựa chiến chinh Mông Cổ oai hùng khắp Âu Á một thời đã hoàn toàn bật tằm khi họ đặt chân vào đất trung nguyên Trung Hoa.

Cộng sản Bắc Việt, dầu chẳng oai hùng như người Mông Cổ, tiến quân vào miền Nam, chiếm đóng bằng bạo lực, nhưng cuối cùng bị choáng ngợp vì sự phồn thịnh của miền Nam (mà họ gọi là phồn vinh giả tạo) và nền văn hóa đa dạng của miền Nam, một nền văn hóa vừa giữ bản sắc dân tộc, vừa hòa hợp với tinh hoa của văn hóa Tây phương. Từ đó, người cộng sản Bắc Việt không còn là họ nữa, chỉ trừ có vỏ bọc là đảng Cộng Sản để nắm độc quyền lãnh đạo đất nước.

Chẳng những chỉ có Bắc Việt được Nam hóa mà cả khối Quốc tế Cộng sản cũng biến chuyển theo. Ngay sau khi cộng sản chiếm Đà Nẵng, trước khi Sài Gòn sụp đổ, tại bán đảo Sơn Trà diễn ra một cuộc gặp gỡ vào đầu tháng 4-1975 giữa đại biểu của một số nước cộng sản, để quan sát đài truyền tin phát sóng của quân đội Hoa Kỳ đặt tại núi này. Sau khi nghe thuyết trình viên cộng sản Việt Nam trình bày về công suất lớn lao của đài phát sóng Hoa Kỳ đặt tại đây, đại diện Liên Xô làm thỉnh, đại diện CHNDTH chúc mừng Việt Nam, đại diện của Ba Lan rất thích thú. Trở về lại Đà Nẵng, đại diện Ba Lan xin Ủy ban Quân quản, do ông Hồ Nghinh làm chủ tịch, được dùng điện đài Đà Nẵng để

liên lạc với Tòa Đại sứ Ba Lan ở Hà Nội. Đại khái nội dung liên lạc là yêu cầu Tòa Đại sứ Ba Lan điện về nước xin chính phủ Ba Lan tạm ngưng các chương trình đặt mua máy truyền tin của Liên Xô, đợi phái đoàn quan sát về nước. Lý do chính của thái độ các đại diện các nước cộng sản là vì trước đó không lâu, vào cuối 1974, đầu 1975, tại Hà Nội, vừa mới khánh thành một trạm thông tin liên lạc do Liên Xô viện trợ cho Hà Nội mà Liên Xô khoe rằng đó là máy tối tân nhất thế giới lúc bấy giờ, với công suất chỉ bằng một phần hai mươi (1/20) công suất của trạm truyền tin của quân đội Hoa Kỳ đặt tại Sơn Trà, Đà Nẵng.¹⁰

Câu chuyện trên giải thích thắc mắc của nhiều người lý do vì sao khi rút lui khỏi miền Nam Việt Nam ngày 30-4-1975, nhân viên Hoa Kỳ được lệnh để lại toàn bộ kho lẫm, máy móc, dụng cụ, vật liệu, trang thiết bị của tất cả các cơ sở Hoa Kỳ tại Việt Nam mà không phá hủy gì cả, từ đài phát thanh địa phương, đến tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, và cả Trung tâm Nguyên tử lực tại Đà Lạt. Lúc đó, người ta cho rằng người Hoa Kỳ lo bỏ chạy nên không kịp phá hủy, nhưng ngay lúc đó cũng có dư luận cho biết rằng một nhân viên Hoa Kỳ tại Huế, trước khi rút lui, đã tháo một chốt chính làm tê liệt đài phát thanh Huế đặt tại Phú Bài (Thừa Thiên) khi chạy vào Đà Nẵng, liền bị tòa lãnh sự Hoa Kỳ tại đây khiển trách.

Cũng có dư luận cho rằng Hoa Kỳ cố tình để lại vật liệu và trang thiết bị cho cộng sản Việt Nam sử dụng, tạo thành nhu cầu mới cho cộng sản, đến khi hư hao hay cạn hết, thì phải tìm mua lại nơi các nước tư bản. (Ví dụ người ta nói rằng ở miền Tây có một kho phân bón khổng lồ. Bắc Việt lấy được, chở ra Bắc sử dụng. Đến khi phân bón hết, ruộng đã lỡ dùng phân bón, nay không dùng không được, đành phải đi kiếm mua ở các nước tự do khác.)

Sau năm 1975, nhiều phái đoàn của các nước Liên Xô và Đông Âu đến thăm Việt Nam đều được xem cuộc "triển lãm

nguội" của hàng hóa Hoa Kỳ và các nước phương Tây, cũng như tham khảo báo chí, sách vở khoa học kỹ thuật Âu Mỹ tại miền Nam.

Như thế có thể người Hoa Kỳ đã nghĩ đến kế hoạch Moshe Dayan, và không phải chỉ nhắm vào cộng sản Bắc Việt, mà còn nhìn xa hơn, muốn bày cuộc "triển lãm nguội" hàng kỹ thuật tối tân với các nước trong khối Quốc tế Cộng sản, mà từ lâu nay bị Liên Xô bưng bít che đậy. Phải chăng cuộc "triển lãm nguội" này của Hoa Kỳ đã lôi cuốn được các nước cộng sản, góp phần làm cho tình hình ở đây biến động mau lẹ, đưa đến sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu và Liên Xô vào các năm từ 1989 đến 1991?

3.- CỘNG SẢN BẮT ĐẦU THUA CUỘC

Trong cuộc chiến năm 1975, phải bình tâm mà nhận xét rằng một trong những lý do cộng sản Bắc Việt thành công là bộ máy tuyên truyền của cộng sản hoạt động có kế hoạch và mạnh mẽ hữu hiệu hơn phía VNCH. Bộ máy tuyên truyền này đã làm việc có tính toán liên tục từ năm 1945, khá thành công ở trong nước cũng như trên thế giới. Năm 1956, ở ngoài Bắc xảy ra vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*. Cuộc đàn áp trí thức và văn nghệ sĩ của nhà cầm quyền Hà Nội diễn ra rõ ràng như thế, mà cộng sản bưng bít và tuyên truyền ngược lại, khiến ở trong Nam, nhiều người không tin là những chuyện đó có thật. "*Chế độ miền Nam, tất nhiên là làm rầm rộ lên nhân vụ án này để tuyên truyền mặt trái của chế độ miền Bắc. Nhưng sau này, khi hỏi chuyện anh em miền Nam thì được biết là họ không tin, họ tưởng là sự việc bị bịa đặt ra, chứ làm gì đảng có thể đối xử với trí thức miền Bắc tàn tệ đến mức như thế.*"¹¹

So với trình độ văn hóa của toàn dân, học giả Nguyễn Hiến Lê, tác giả của khoảng trên 20 bộ sách nghiên cứu lớn nhỏ,

phải được kể là một nhà thông thái. Ông Nguyễn Hiến Lê đã can đảm thành thật thú nhận những suy nghĩ và tình cảm của ông trước năm 1975: "*Tôi vốn có cảm tình với Việt minh, với cộng sản; ghét thực dân Pháp, Mĩ, nhất là từ 1965 khi Mĩ đổ quân ào ạt vào miền Nam; tôi khinh những chính phủ bù nhìn của Pháp, Mĩ. Tôi phục tinh thần hi sinh, có kỉ luật của anh em kháng chiến và mỗi lần có thể giúp họ được gì thì tôi sẵn lòng giúp.*"¹² Một người thông thái như ông Nguyễn Hiến Lê mà còn bị lầm lẫn về cộng sản, huống gì là đại đa số dân chúng Việt Nam. Sau năm 1975, chạm mặt với đời sống thực tế dưới chế độ cộng sản, ông Nguyễn Hiến Lê mới thấy rõ mình đã lầm lẫn bấy lâu nay. Ông viết tiếp: "*... muốn thấy chế độ đó ra sao thì phải sống dưới chế độ dăm năm. Đó là bài học đầu tiên và vô cùng quan trọng mà tôi [Nguyễn Hiến Lê] và có lẽ 90% người miền Nam rút được từ 1975 tới nay [1981]*".¹²

Bên cạnh đó, phải kể thêm một **hiện tượng tâm lý khá lạ lùng**: trước năm 1975, không kể dân chúng ở ngoài chính quyền, ngay cả nhiều công chức hoặc sĩ quan binh sĩ VNCH, tuy làm việc và lãnh lương chính phủ quốc gia, đôi khi cũng chao đảo và không mấy tin tưởng ở chính nghĩa Quốc gia của chế độ mình đang phục vụ. Tuy nhiên, sau khi cộng sản vào chiếm miền Nam, thì tất cả mọi người miền Nam đều tiếc nhớ một thời đã qua, hướng trở về chế độ VNCH và từ đó **ý thức Quốc gia dân tộc** trong họ trở dậy mạnh mẽ hơn cả thời trước nữa.

Như vậy, chính từ sau đỉnh cao chiến thắng quân sự ngày 30-4-1975, thiết lập được chế độ độc tài dựa vào bạo lực công an trị, **cộng sản Hà Nội lại bắt đầu thua cuộc**, mất hết nhân tâm, mất hết quần chúng.

Chẳng những cộng sản Hà Nội đã thua cuộc ở trong nước, càng ngày cộng sản Hà Nội càng thua cuộc trên thế giới. Các nước trên thế giới trước đây vốn có cảm tình với cộng sản Việt Nam, nay hoảng hốt trước cảnh vượt biên ồ ạt của dân chúng Việt

Nam. Điều này khiến cho cả thế giới sực tỉnh. Không cần ai tuyên truyền, cả thế giới đều thấy rõ nhà cầm quyền Hà Nội đã mất lòng dân đến độ nào, dân chúng mới bất chấp gian nguy, dùng tính mạng đánh cuộc với số phận, để tìm đường sống.

Những tác giả Tây phương trước đây viết bài ủng hộ cộng sản, nay lại quay qua đả kích cộng sản. Tiêu biểu cho những người này là sử gia Jean Louis Margolin, giáo sư tại Université de Provence (Pháp), một trong các tác giả viết bài trong sách *Le livre noir du communisme* [Sách đen về chủ nghĩa cộng sản], đã nói trong một cuộc phỏng vấn vào cuối năm 1999: "*Thành thật mà nói, vào những năm 60, tôi đã từng xuống đường biểu tình ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tôi đã từng reo mừng với những cuộc chiến thắng tại Cam-bốt cũng như tại Việt Nam. Tôi từng nghe nói đến những vụ tàn sát Tết Mậu Thân 68, nhưng tôi tin và nghĩ rằng đó chỉ là sự tuyên truyền của Mỹ. Không phải chỉ một mình tôi, mà tôi tin rằng rất nhiều người cùng thời với tôi đã bị sai lầm vì những tuyên truyền sai lạc của cộng sản.*"¹³

Có lẽ cũng nên thêm ở đây lời sám hối của nữ tài tử Jane Fonda. Năm 1972, bà Jane Fonda đến Bắc Việt chụp những tấm hình đăng khắp các báo trên thế giới quảng cáo cho cộng sản Bắc Việt. Về Hoa Kỳ, bà tham gia phong trào phản chiến để yêu cầu Hoa Kỳ rút quân. Năm 1988, chính Jane Fonda đã hối hận khi trả lời phỏng vấn của ký giả Barbara Walters: "*Tôi sẽ còn hối tiếc đến lúc xuống mồ về những bức hình chụp tôi đứng cạnh máy khẩu súng bắn máy bay, trông như tôi đang nhắm bắn các máy bay Mỹ... Hành động đó làm hại bao nhiêu chiến sĩ... Đó là hành động kinh khủng nhất mà tôi có thể phạm. Đúng là không biết suy nghĩ.*"¹⁴

Một sinh viên phản chiến lúc đó, ông David Horowitz, khoảng hơn 30 năm sau đã thú nhận: "*Hậu chấn của lịch sử đã cho thấy nỗ lực của chúng ta trong thập niên 60 để chấm dứt chiến tranh lại đưa tới hai hậu quả tác động: Thứ nhất chính nó lại kéo dài cuộc chiến. Từng lời xác nhận của những tướng lãnh cộng sản miền Bắc đã cho ta xác quyết là họ hiểu là họ không thể đánh bại*

Hoa Kỳ trên trận địa và vì thế họ nhắm vào sự chia rẽ nhân dân Mỹ ngay tại nước Mỹ để thành đạt chiến thắng cho họ. Lực lượng Việt Cộng chiến đấu ở miền Nam Việt Nam bị đánh bại và tiêu diệt vào năm 1968. Mặt khác, hầu hết cuộc chiến Việt Nam và phần lớn những thương vong đã xảy ra vì chế độ độc tài của miền Bắc Việt Nam dựa vào dữ kiện mà họ tin tưởng rằng người Mỹ thà bỏ rơi cuộc chiến còn hơn là trả cái giá cần thiết để thắng cuộc chiến đó... Hậu quả thứ hai là sự sụp đổ, bại trận của miền Nam Việt Nam vào tay các lực lượng cộng sản, từ đó áp đặt thành một quốc gia cảnh sát trị tàn bạo, một chế độ đã thảm sát hàng trăm ngàn người dân miền Nam vô tội, tù đầy hàng trăm ngàn hay hơn trong các "trại tù cải tạo" và một phần tư thế kỷ toàn dân nghèo đói tả tơi áp đặt dưới kế hoạch kinh tế của những tên Mác xít lừa bịp xảo trá, và kế hoạch kinh tế loại đó còn kéo dài cho đến ngày nay..."¹⁵

Dù luôn luôn tự hào là kẻ chiến thắng, nhưng cuối cùng cộng sản lại chạy theo học hỏi tất cả những gì do "Mỹ ngụy" để lại, kể cả việc bắt buộc phải **tự từ bỏ chính sách kinh tế chỉ huy**, chấp nhận nền kinh tế tự do vốn thịnh hành ở miền Nam và tại các nước tự do trên thế giới, mà họ gọi là kinh tế thị trường. Nay nền kinh tế thị trường không phải chỉ được áp dụng ở miền Nam như trước năm 1975, mà cả trên miền Bắc, nơi cộng sản đã bỏ công sức hơn 20 năm (1954-1975) để xây dựng và củng cố xã hội chủ nghĩa. Cộng sản mà không còn chính sách kinh tế chỉ huy thì chắc chắn không còn là cộng sản nữa. Trong khi đó, nước Mỹ không bị hư hao một tấc đất; lại càng ngày càng mạnh; và cộng sản Việt Nam đã trải thảm đỏ để đón lãnh tụ của Hoa Kỳ vào tháng 11-2000. Trong cuộc đón tiếp này, đầu nhà cầm quyền Hà Nội không thông báo, dân chúng đã đứng ngoài trời nhiều giờ trong thời tiết lạnh lẽo của mùa đông để chào mừng người khách quý Hoa Kỳ đầu tiên đến Việt Nam sau 1975. Còn về phía "ngụy", "ngụy" không nhào mà **"ngụy" đi vào lòng người**, người Nam cũng như người Bắc, và đang càng ngày càng hiển hiện khắp nơi trong đời sống hằng ngày, to lớn và mạnh mẽ đến nỗi

nhà cầm quyền Hà Nội nay lại sợ "diễn biến hòa bình", còn hơn là thời chiến tranh súng đạn.

4.- NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

Lúc mới cưỡng chiếm được miền Nam, cộng sản Hà Nội rất lo sợ phản ứng của dân chúng, nên việc đầu tiên là bắt ngay sĩ quan, công chức, cán bộ của chế độ Cộng Hòa còn lại trong nước đi "học tập cải tạo", thực chất là **tập trung, cô lập, bắt giam dài hạn không tuyên án** trên các vùng rừng thiêng nước độc, vì cộng sản lo sợ họ là những người có khả năng tập hợp, tổ chức, và lãnh đạo dân chúng chống cộng sản. Theo bộ *Encyclopedia of the Vietnam War* [Bách khoa từ điển về chiến tranh Việt Nam], sau biến cố năm 1975, số lượng sĩ quan, công chức và cán bộ VNCH bị bỏ tù khoảng hơn 1.000.000 người tại trên 150 trại giam; theo đó, khoảng 500.000 được thả về trong 3 tháng đầu, 200.000 bị giam từ 2 đến 4 năm, 250.000 bị giam ít nhất 5 năm, và năm 1983 (tức sau 8 năm) còn khoảng 60.000 người bị giữ lại.¹⁶ Số liệu này theo dư luận chung còn thấp hơn so với số lượng người và số năm bị thực giam. Giả thiết như các số lượng vừa nêu trên đây đúng với thực tế, thì sau năm 1975, thời gian mà **người Việt nói chung bị cộng sản giam tù tổng cộng trên 2.000.000 năm.**¹⁷ Những người này lại ở trong độ tuổi trung niên sung mãn để hoạt động, sản xuất, và có trình độ văn hóa khá cao nếu so chung với trình độ của toàn thể dân chúng Việt Nam. Ngoài ra, trong số trên 1.000.000 người bị tù sau năm 1975, theo những cuộc nghiên cứu ở Hoa Kỳ và Âu Châu, có khoảng 165.000 nạn nhân đã tử trần trong các trại "cải tạo".¹⁸ Hơn nữa việc cải tạo do cộng sản chủ trương chẳng cải tạo được ai cả, mà chỉ làm rõ thêm tính chất độc ác của chế độ lao tù cộng sản.

Việc bắt giam sĩ quan, công chức, cán bộ VNCH của cộng sản còn có mục đích đe dọa gia đình những người có thân

nhân bị tù, vì nếu họ vọng động thì thân nhân của họ khó có cơ hội trở về đoàn tụ gia đình. Dầu chính sách này rất thâm độc, nhưng lúc đầu, ngay sau năm 1975, vẫn xảy ra những tổ chức bạo động chống nhà cầm quyền cộng sản, ví dụ vụ các ông Nguyễn Nhuận, Đặng Ngọc Quờn, nguyên là giáo sư Viện Đại Học Huế, vụ Ông Nguyễn Văn Bảy, nguyên giáo sư trường Kỹ Thuật Đà Nẵng, vụ nhà thờ Thánh Vinh Sơn ở Sài Gòn... Dĩ nhiên những cuộc bạo động này không thể thành công, nhưng đã nhen nhóm ngọn lửa đấu tranh trong lòng dân chúng. Dần dần, người ta ý thức rằng phương thức bạo động khó thành công, nên quay qua phản ứng bất bạo động nhưng không kém phần cương quyết. Từ đây, bắt đầu sự lên tiếng của những nhà trí thức như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy, Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Mai Thái Lĩnh. Sự lên tiếng này liền được đáp ứng ở trong cũng như ngoài nước. Tiếp đó, là những cuộc biểu tình bất bạo động của dân chúng ở Thái Bình, Xuân Lộc (Đồng Nai), Huế...

Một sự thật lý thú là hiện nay ở trong nước, dân chúng không còn phân chia Quốc gia hay cộng sản, mà tất cả đoàn kết thành một khối tranh đấu đòi hỏi tự do dân chủ, đối kháng với nhà cầm quyền độc tài cộng sản. Khi được nhà cầm quyền Hà Nội gọi đi lưu diễn ở Hoa Kỳ vào đầu tháng 3-2001, nữ ca sĩ Phương Thanh đã tuyên bố: *"Nói rằng Phương Thanh hát dở, hay không thích tiếng hát của Phương Thanh thì Phương Thanh xin tạ lỗi, nhưng nói rằng Phương Thanh là Việt Cộng thì tội nghiệp cho Phương Thanh lắm!"*¹⁹

Ngay cả những thành phần trước đây đã từng trung kiên với đảng Cộng Sản, nay cũng đứng về phía dân chúng, đòi hỏi dẹp bỏ đảng Cộng Sản. Tiêu biểu nhất là ý kiến của ông Vũ Đình Huỳnh, một thời làm bí thư cho Hồ Chí Minh, gần cuối đời đã tỉnh ngộ và đề nghị: *"Muốn cho dân tộc ta không thua kém các dân tộc khác, muốn cho đất nước được thịnh vượng, dân ta*

không nghèo khổ mãi thì không thể thiếu một điều kiện tiên quyết: ấy là **phải gạt bỏ sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản.**"²⁰ Sau đó, ông Nguyễn Văn Trấn, gia nhập đảng Cộng Sản miền Nam ngay từ những ngày đầu mới thành lập, đã từng làm Phó bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ năm 30 tuổi (1944), ra Bắc năm 1954, dân biểu Quốc hội Hà Nội trước năm 1975, cũng viết: "**Tội ác của chế độ này** [chế độ cộng sản Việt Nam], **từ 40 năm nay, thật nói không hết.**"²¹

Trong khi đó, ở ngoài nước, nhờ sống rải rác khắp nơi trên thế giới, cộng đồng người Việt hải ngoại tạo nên một địa bàn ngoại cứ rộng rãi bất khả xâm phạm. Từ đó, cộng đồng người Việt hải ngoại là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho những thành phần yêu nước và ly khai với đảng Cộng Sản ở trong nước; đồng thời là một ngoại lực hỗ trợ người Việt ở trong nước về mọi mặt, tạo niềm tin để họ tiếp tục cùng với cộng đồng ở hải ngoại tranh đấu, đưa đất nước ra khỏi chế độ phi nhân vong bản hiện nay

Trước tình hình đó, để lấy lòng dân chúng lần nữa, ở trong nước, cộng sản Việt Nam mở phong trào đổi mới từ năm 1985. Nói là đổi mới nhưng vẫn duy trì độc quyền chính trị, lo sợ "diễn biến hòa bình", định hướng kinh tế xã hội chủ nghĩa, không cho tự do hội họp, bóp nghẹt tự do ngôn luận. Cho đến nay, trong nước chưa có một tờ báo tư nhân, chưa có một tổ chức hay đoàn thể chính trị nào đứng ngoài quốc doanh. Cộng sản kiếm cách đổi mới để **tự cứu mình** chứ không phải để cứu dân tộc Việt Nam.

Ra bên ngoài, nhà cầm quyền cộng sản kiếm cách ve vuốt Việt kiều. Chính sách của cộng sản đối với Việt kiều có một điểm cần chú ý: khi dân chúng không chịu nổi cuộc sống dưới chế độ cộng sản, phải bỏ nước ra đi, thì nhà cầm quyền Hà Nội gọi họ là **phản động, phản quốc**. Sau một thời gian ổn cư tại nước ngoài, người Việt hải ngoại chất chiu tiết kiệm, gởi tiền về nuôi thân nhân càng ngày càng nhiều. Vào đầu thập niên 90, cộng sản liền đổi cách xưng hô, gọi những người vượt biên là "**núm ruột ngàn dặm**" của tổ quốc.

Những người Việt Nam ra đi định cư tản mác khắp thế giới, đông nhất là tại Hoa Kỳ. Dần dần, cộng đồng Việt Nam lớn mạnh và thành công trên đất khách, nay là quê hương thứ hai của mình. Nhờ có điều kiện học hành, nhiều tinh hoa Việt Nam đã đóng góp vào sự phát triển và thịnh vượng chung của quê hương mới. Chế độ cộng sản liền kiếm cách **lợi dụng**, kêu gọi "nắm ruột ở xa" hãy bỏ qua quá khứ, nhìn về tương lai, đóng góp xây dựng đất nước. Chính sách của cộng sản đối với người Việt ở hải ngoại có thể tóm tắt trong các điểm sau đây:

- Bòn rút tiền bạc càng nhiều càng tốt.
- Chỉ sử dụng tay sai để kinh doanh, hoặc tuyên truyền đường lối chính sách nhà nước cộng sản.
- Lợi dụng trí thức thuộc ngành khoa học kỹ thuật, mời về nước để giảng dạy hoặc làm việc trong các ngành chuyên môn về khoa học kỹ thuật, như bác sĩ, kỹ sư...
- Hoàn toàn không chấp nhận các phê bình hay góp ý thẳng thắn về chính trị để xây dựng quê hương, những đòi hỏi về nhân quyền, dân quyền, và không chấp nhận những thành phần trí thức về khoa học nhân văn như triết học, tư tưởng, văn chương, sử học, xã hội học, trừ những thành phần tình nguyện làm tay sai tuyên truyền cho cộng sản để đổi lấy một số quyền lợi và hư danh nhất thời.

Dầu rất yêu nước, và rất khắc khoải về tiền đồ dân tộc, đại đa số người Việt ở nước ngoài, nhất là những thành phần tinh hoa trong các ngành thương mại, khoa học kỹ thuật, văn chương giáo dục, **chẳng ai chấp nhận hợp tác với chế độ cộng sản Hà Nội**. Hợp tác với nhà cầm quyền Hà Nội chỉ giúp kéo dài một chế độ vong bản, phi nhân, từ đó gián tiếp kéo dài thêm niềm thống khổ triền miên của dân tộc Việt.

Kinh nghiệm Đông Âu cho thấy khi dân chúng nhìn ra chân tướng phản dân hại nước của chế độ cộng sản, đồng thời ý

thức được tự do dân chủ, dân quyền và nhân quyền, tự họ đứng lên lật đổ chế độ cộng sản để cứu nguy dân tộc. Tuy đảng Cộng Sản Việt Nam hiện đang lợi thế nhờ cầm quyền bằng bạo lực công an trị, nhưng thời điểm giải trừ chế độ này đang khởi động, và chắc chắn sẽ lớn mạnh, nhất là một khi cộng đồng người Việt ở hải ngoại càng ngày càng đông đảo, và khoa học kỹ thuật càng ngày càng phát triển, nhà cầm quyền cộng sản không thể che đậy độc tài, nói láo một chiều để đánh lừa như trước đây.

Tiến trình dân chủ và dân quyền trên thế giới hiện nay là không thể đảo ngược được; những nhà nước độc tài càng ngày càng bị lên án và cô lập. Bằng chứng là khi Lê Khả Phiêu, tổng bí thư đảng CSVN viếng thăm nước Pháp từ 21 đến 25-5-2000, chẳng có đài truyền hình nào ở Paris đưa tin. Rải rác vài báo viết ít dòng ngắn ở trang trong và nhân đó chỉ trích chế độ cộng sản Việt Nam, kể cả các báo trước đây ủng hộ cộng sản Việt Nam như tờ *Libération* [Giải Phóng]. Đặc biệt báo *Nouvel Observateur* [Người Quan Sát Mới] số ngày 31-5 chạy bài của nhà báo nổi tiếng Delfeil de Ton, với tựa đề "Một Pinochet này nữa". Trong bài báo này có đoạn viết: "*Pinochet vừa thăm nước Pháp; không có ai đòi bắt giữ hắn. Hắn mang tên Lê Khả Phiêu, cái tên rất khó đọc. Khác với Pinochet ở Chili, tội ác thuộc về quá khứ, đã về hưu, Lê Khả Phiêu đang tại chức, đang gây tội ác, tổ chức của ông ta từng gây nhiều vụ ám sát, giết người, nhiều người chết trong biển cả khi trốn chạy chế độ độc ác của ông ta. Ông ta không cho phép một chút quyền tự do tư tưởng và tự do báo chí nào...*"²²

Do tất cả những lẽ trên, câu nói của Moshe Dayan đúng là một lời tiên tri về tương lai cuộc chiến vừa qua: "*Bắc Việt sẽ thất trận khi họ chiếm được Sài Gòn.*" Chính vì chiếm được Sài Gòn năm 1975, nên ngay sau đó chẳng những cộng sản Việt Nam, mà cả cộng sản thế giới cũng bắt đầu thất trận. Cho nên có thể xem ngày 30-4 chỉ là ngày sụp đổ tạm thời của VNCH, nhưng lại chính là khởi điểm đánh dấu sự sụp đổ vĩnh viễn của huyền thoại cộng sản Việt Nam trong lòng dân tộc Việt Nam. Sự sụp đổ của

huyền thoại cộng sản càng làm cho chính nghĩa Quốc gia Dân tộc xuyên suốt từ thời tổ tiên chúng ta lập quốc, bị chao đảo một thời gian vì hỏa mù của lý thuyết Mác xít ngoại lai, nay lại sáng tỏ hơn bao giờ cả. Tinh thần Quốc gia Dân tộc bất di dịch là chân lý ngàn đời của dân chúng Việt không thể nào bị đánh bại. Chắc chắn trước tình hình quốc nội cũng như quốc tế thuận lợi như trên, một ngày không xa, **chính thể Quốc gia sẽ phục sinh**, nhân dân Việt Nam sẽ được tự do, hạnh phúc và phú cường.

(Toronto, tháng 4-2001)

* Tác giả viết bài này vào tháng 4-2001. Nhân viết bài "30-4-1975: tiền đề của sự cố ải Nam Quan", chúng tôi xin sửa lại và đăng thêm vào sách này, như một tài liệu về biến cố 30-4-1975 trong bối cảnh toàn thế giới.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Tiến Hưng and Jerrold L. Schester, *The Palace File*, Harper & Row, Publishers, New York, 1986, tr. 350. Nguyên văn: "North Vietnam will lose the war when it takes over Saigon." [Sách *The Palace File* được các ông Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm chuyển dịch sang tiếng Việt dưới nhan đề *Hồ sơ dinh Độc Lập*, với một số thay đổi, do Nguyễn Tiến Hưng, Chu Xuân Viện nhuận sắc, Nxb. C & K Promotions, Inc., Los Angeles, không đề năm xuất bản. Trong sách này, câu của Moshe Dayan được trích dẫn ở trang 594.]
2. Nguyễn Đình Tuyển, *Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh tại Việt Nam 1945-1975*, Houston, Texas, 1995, tr. 19.
3. Roger Warner, *Shooting at the Moon* [Bắn trăng], Steerforth Press, South Royalton, Vermont, 1996, tr. 333-334. Sách này được chọn là sách hay nhất về bang giao quốc tế của Câu lạc bộ Overseas Press, Hoa Kỳ.
4. Roger Warner, *sđđ.* tr. 336. Nguyên văn: "that it might be worthwhile to sacrifice South Vietnam. Rather than squander more American lives and billions of dollars trying to prop up South Vietnam, with little chance of succeeding, why not accede to its

failure in exchange for an opening to China, in order to weaken the real enemy, the USSR?".

5. Roger Warner, *sdd.* tr. 336. Nguyên văn: "*So I came to the conclusion, and this may sound thoroughly cynical to you, that we would be better off not to win this war. Particularly because the Chinese had made a breakthrough to us, and it was far more important to get the Chinese broken off from the Soviets and leaning to one side in our favor than for us to win in Vietnam.*" [Bill Sullivan đã từng làm đại sứ Hoa Kỳ tại Ai Lao, thứ trưởng Bộ Ngoại giao đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương, phụ tá và sát cánh cho đến phút chót với Henri Kissinger trong các cuộc thương thuyết tại hội nghị Paris chấm dứt chiến tranh Việt Nam.]
6. John S. Bowman, tổng biên tập, *The Vietnam War, Day by Day*, Mallard Press, New York, 1989, tr. 190.
7. Roger Warner, *sdd.* tr. 333. Nguyên văn: "*that losing the Vietnam War would be healthier for the U.S. than winning it. That losing was in the national interest. That it was a plus... It was a radical notion at the time, that by losing the war and by abandoning our Southeast Asian allies to their fate we would be doing the right thing.*"
8. Lời của Lê Duẩn, bí thư thứ nhất đảng Lao Động. (Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày, hồi ký chính trị của một người không làm chính trị*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 422, phần chú thích.)
9. Đạp đồng đài: tức xe đạp, đồng hồ, và radio transistor. (Lúc đó có nhiều từ ngữ rất lạ lùng về việc này: ví dụ đồng hồ không người lái tức đồng hồ tự động, đồng hồ có đèn tức đồng hồ dạ quang, đồng hồ có cửa sổ tức đồng hồ có khung ngày.)
10. Chuyện này do một cán bộ tên Phương, thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Hà Nội, được gửi vào Nam để nghiên cứu kế hoạch văn hóa, kể tại nhà của nhà văn Phan Du tại Đà Nẵng vào thời điểm trên, người viết có mặt trong buổi nói chuyện này.
11. Nguyễn Minh Cần, *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tt. 76-77.
12. Nguyễn Hiến Lê, *Hồi ký* tập III, Nxb. Văn Nghệ, California, 1988, tt. 17-18, 25.
13. Cuộc phỏng vấn do Thanh Thảo thực hiện, nguyệt san *Việt Nam Dân Chủ*, số 40, California, tháng 1-2000. (tài liệu rút từ Internet,

- <http://www.lmvntd.org/vndc0100/bai06.htm>). Những chữ in đậm do người viết bài này muốn nhấn mạnh.
14. Ngô Nhân Dụng, "Jane Fonda hối tiếc", <http://www.nguoi-viet.com/spcl/0622/binhluan.htm> (Xin xem thêm về Jane Fonda: <http://www.rjgeib.com/thoughts/fonda/fonda.html>)
 15. David Horowitz, "Lời của một cựu phản chiến: Ai chủ hoà hãy suy nghĩ kỹ", Hải Triều dịch, *Việt Báo Online*, số 2375, ngày 8-10-2001. (Phần này người viết mới bổ túc thêm).
 16. Spencer C. Tucker chủ biên, *Encyclopedia of the Vietnam War, a Political, Social, and Military History*, Volume Two, Santa Barbara, California, 1998, tr. 602. Sách này trích dẫn tài liệu của Sagan, Ginette, and Stephen Denney, *Violations of Human Rights in the Socialist Republic of Vietnam*, Palo Alto, California: Aurora Foundation, 1983.
 17. Thử làm bài toán: Số người bị tù 3 tháng: 3 tháng (1/4 năm) x 500.000 = 125.000 năm; số bị tù từ 2 đến 4 năm, tính trung bình 3 năm: 3 năm x 200.000 = 600.000 năm; số bị tù ít nhất 5 năm: 5 năm x 240.000 = 1.200.000 năm; số người còn bị giữ đến năm 1983 (sau 8 năm): 8 năm x 60.000 = 480.000 năm. Tổng cộng các số này là 2.405.000 năm.
 18. Anh Do & Hieu Tran Phan, "Millions of lives changed forever with Saigon's fall", nhật báo *Orange County Register*, số ngày Chủ Nhật, 29-4-2001, phụ trang đặc biệt về ngày 30-4, tt. 2-3.
 19. Nữ ca sĩ Phương Thanh, trả lời phỏng vấn của thông tin viên Đức Hà, tuần báo *Việt Mercury*, San Jose, California, 9-3-2001.
<http://www.vietmercury.com/2001/week10/News/Story01.html>
 20. Vũ Thư Hiên, *sđd.* tr. 303. Lời nói trên là của ông Vũ Đình Huỳnh nói với con là nhà văn Vũ Thư Hiên năm 1986. Ông Vũ Đình Huỳnh gia nhập đảng CS năm 1930, từng chứa chấp, nuôi ăn trong nhà tại Hà Nội những cán bộ cộng sản, kể cả ông Hồ Chí Minh. Ông Vũ Đình Huỳnh còn là bí thư của ông Hồ, Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ ngoại giao cộng sản cho đến khi hưu trí năm 1964.
 21. Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc Hội*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1995, tr. 345.
 22. Thành Tín, "Pháp du phiêu lưu ký", *Thông Luận*.
<http://www.thongluan.org/VN/Tailieu/ThanhTin-LKPdiPhap.htm>

NHÂN VẬT

- Bảo Đại (Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy, 1913-1997, trị vì 1925-1945)
Brezhnev, Leonid (1906-1982, bí thư thứ nhất đảng CSLX
1964-1966, tổng bí thư 1966-1982)
Cần Long (Ch'ien-lung / Qianlong, Trung Hoa, xem Thanh Cao Tông)
Cảnh Hưng, xem Lê Hiến Tông.
Carter, James Earl (Jimmy) (tổng thống Hoa Kỳ từ 1197-1981)
Châu Ân Lai (Zhou Enlai / Chou En-lai, Trung Hoa, 1898-1976)
Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping, Trung Hoa, 1904-1997)
Đình Bộ Lĩnh (trị vì 968-979)
Đình Phế Đế (trị vì 979-980)
Đỗ Mười (tổng bí thư đảng CSVN từ 1991-1998)
Eisenhower, Dwight David (1890-1969, tổng thống Hoa Kỳ 1953-1961)
Freud, Sigmund (tâm lý gia Áo, 1856-1939)
Gia Long (trị vì 1802-1819)
Gia Tĩnh, xem Minh Thế Tông (Trung Hoa)
Hai Bà Trưng (Trưng Trắc và Trưng Nhị, trị vì 40-43)
Hán Nguyên Đế (Trung Hoa, trị vì 48-33 TCN).
Hán Quang Võ (Han Kuang-wu/ Han Guangwu,
Trung Hoa, trị vì 25-57)
Hoàng Văn Hoan (1905-1990)
Hồ Chí Minh (1890?-1969)
Hồ Hán Thương (trị vì 1401-1407)
Hồ Quý Ly (trị vì 1400)
Hố Tất Liệt (Qubilai), xem Nguyên Thế Tổ (Mông Cổ).
Khrushchev, Nikita (1894-1971, bí thư thứ nhất đảng CSLX 1953-1964)
Lê Duẩn (1907-1986, bí thư thứ nhất đảng Lao Động từ 1960 đến 1975,
tổng bí thư đảng CS từ 1976-1986)
Lê Đại Hành (Lê Hoàn) (trị vì 980-1005)
Lê Chiêu Thống (trị vì 1786-1789).
Lê Hiến Tông (Cảnh Hưng) (trị vì 1740-1786)
Lê Khả Phiêu (tổng bí thư đảng CSVN từ 1998-2001)
Lê Lợi (Lê Thái Tổ) (1385-1433, trị vì 1428-1433)

- Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497)
 Lý Thường Kiệt (1019-1105)
 Mã Viện (Ma Yuan, Trung Hoa, 14 TCN – 49).
 Mao Trạch Đông (Mao Zedong, Trung Hoa, 1893-1976)
 Mạc Đăng Doanh (Thái Tông), trị vì 1530-1540
 Mạc Đăng Dung (Thái Tổ, trị vì 1527-1529)
 Mạc Phúc Hải (Hiến Tông, trị vì 1540-1546)
 Minh Mạng (trị vì 1820-1840)
 Minh Thành Tổ (Trung Hoa, trị vì 1403-1424)
 Minh Thế Tông (Gia Tĩnh, Trung Hoa, trị vì 1522-1566)
 Ngô Đình Diệm (1901-1963)
 Nguyên Thế Tổ (Hốt Tất Liệt, Mông Cổ, trị vì 1260-1294)
 Nguyễn Hiến Lê (1912-1984).
 Nguyễn Trãi (1380-1442)
 Nguyễn Văn Linh (tổng bí thư đảng CSVN, từ 1986-1991)
 Nguyễn Văn Trấn (1914-1998)
 Nixon, Richard (1913-1994, tổng thống Hoa Kỳ 1969-1974)
 Phạm Văn Đồng (1906-2000)
 Quang Trung (trị vì 1788-1792)
 Stalin, Joseph (Liên Xô, 1879-1953)
 Thanh Cao Tông (Cần Long, Trung Hoa, trị vì 1736-1795)
 Thanh Thế Tông (Ung Chính, Trung Hoa, trị vì 1723-1735)
 Thành Cát Tư Hãn (Genghis Khan, Mông Cổ, trị vì 1206-1227)
 Tống Quảng Vương (Trung Hoa, trị vì 1278-1279)
 Tống Thái Tông (Trung Hoa, trị vì 976-997)
 Tống Thần Tông (Trung Hoa, trị vì 1067- 1085)
 Trần Anh Tông (trị vì 1293-1313)
 Trần Quốc Tuấn (Hưng Đạo Vương, 1226-1300)
 Trần Tuấn Khải (1895-1983)
 Tự Đức (trị vì 1847-1883)
 Ung Chính (Yung-chen, Trung Hoa), xem Thanh Thế Tông
 Voroshilov, Kliment (Liên Xô, 1881-1969)
 Vương An Thạch (Trung Hoa, 1021-1086)

DANH MỤC

- A Bát Xích 17.
A Lý Hải Nha 16.
Ái Lỗ 17.
Áo Lỗ Xích 17.
Arthur, Mc 105ct.
Bảo Đại 77.
Barshefsky, Charlene 95.
Blair, Denis 102.
Brezhnev, Leonid 21, 89.
Brzezinski 93.
Bùi Long 30.
Bùi Minh Quốc 33.
Cam Nhữ Lai 9, 10.
Càn Long (Ch'ien-lung/
Qianlong) (Thanh Cao
Tông) 9, 19, 49ct.
Carter, Jimmy 90.
Châu Ân Lai (Zhou Enlai/
Chou En-lai) 40, 84, 110.
Chu Toàn Trung 50ct.
Chiêu Quân (Vương
Tường) 49ct, 50ct.
Clinton, Bill 91.
Constans, Ernest 54ct.,
58ct.
Cố Hưng Tổ 18.
Cừ Loan 18.
Dayan, Moshe 107, 123.
Dương Thu Hương 112.
Đào Duy Anh 51ct.
Đặng Ngọc Quờn 118.
Đặng Tiểu Bình 22, 24, 42, 43,
89, 90.
Đặng TyPhàm (Deng Yifan) 83.
Đinh Bộ Lĩnh 12.
Đinh Tuệ 12.
Đoàn Viết Hoạt 120.
Đỗ Mười 24, 25, 41, 42, 57ct.,
94, 95.
Đỗ Viết Sơn 29.
Đường Gia Truyền (Tang
Jianxuan) 26, 94.
Eisenhower, Dwight David, 108.
Fonda, Jane 117.
Freud, Sigmund 47.
Gérard, Auguste 54ct., 58ct.
Gia Long 9.
Gia Tĩnh (Minh Thế Tông) 9.
Giả Thực 12.
Giang Trạch Dân (Jiang Zemin)
26, 95, 102.
Hà Sỹ Phu 120.
Hai Bà Trưng 11.
Hán Nguyên Đế 49ct.
Hán Quang Võ 11.
Hầu Nhân Bảo 12, 13.
Hoàng Cầm 69, 76.
Hoàng Cơ Thụy 56ct.
Hoàng Minh Chính 30, 57ct.,
120.
Hoàng Tiến 30, 55ct.
Hoàng Tháo 11.
Horowitz, David 117.
Hồ Cẩm Đào 25, 93.
Hồ Chí Minh 11, 25, 39, 40, 42-
44, 77, 80, 82-84, 100, 120.
Hồ Hán Thương 17.

- Hồ Nghinh 111.
 Hồ Nguyên Trừng 17.
 Hồ Quý Ly 17.
 Hứa Thế Hanh 19.
 Keng Piao/Geng Biao (Cảnh Tiều) 90.
 Kim Il Sung (Kim Nhật Thành) 104ct.
 K'ing (Kinh Vương) 54ct., 58ct.
 Kissinger, Henri 109, 110, 125ct.
 Khrushchev, Nikita 79, 106.
 La Quý Ba (Lio Guibo) 83.
 Lê Cảnh Hưng (Hiển Tông) 9, 49ct.
 Lê Chiêu Thống 19, 46, 84.
 Lê Công Phụng 31 - 36, 41, 42, 93, 95.
 Lê Duẩn 20, 42, 79, 87, 89, 92, 103ct., 123ct.
 Lê Đức Anh 57ct.
 Lê Hoàn (Lê Đại Hành) 13.
 Lê Khả Phiêu 25, 39, 42, 56ct., 94, 123.
 Lê Lợi (Lê Thái Tổ) 18, 48.
 Lê Minh Hương 56ct.
 Lê Sát 18.
 Lê Thánh Tông 46, 57ct.
 Lê Văn Bền 95.
 Lê Xuân Tùng 56ct.
 Liễu Thăng 18.
 Lưu Ân 50ct., 51ct.
 Lưu Bị 96.
 Lưu Cung 11, 51ct.
 Lưu Trừng 12, 13.
 Lý Thường Kiệt 13, 16.
 Lý Hồng Chương (Li Hong-Chang) 54ct., 57ct.
 Mã Viện 11.
 Mạc Đăng Doanh (Thái Tông) 18.
 Mạc Đăng Dung (Thái Tổ) 18, 19.
 Mạc Phúc Hải (Hiển Tông) 18.
 Mai Chí Thọ 57ct.
 Mai Gia Sinh (Mei Jiasjeng) 83.
 Mai Thái Lĩnh 120.
 Mao Bá Ôn 18.
 Mao Diên Thọ 49ct., 50ct.
 Mao Trạch Đông (Mao Zedong) 11, 20, 42, 50ct., 83.
 Margolin, Jean Louis 117.
 Minh Mạng 10.
 Minh Thành Tổ 55ct., 103ct.
 Minh Thế Tông (Gia Tĩnh) 48.
 Nạp Tốc Lạt Đinh 16.
 Ngô Đình Diệm 77, 78.
 Ngô Quyền 11.
 Ngô Tùng Châu 123ct.
 Nguyên Thế Tổ (Hốt Tất Liệt) 16, 17, 55ct., 113.
 Nguyễn Cơ Thạch 93.
 Nguyễn Du 50ct.
 Nguyễn Đan Quế 120.
 Nguyễn Đình Huy 120.
 Nguyễn Đức Bình 56ct.
 Nguyễn Hiến Lê 115, 116.
 Nguyễn Khắc Hiếu (Tản Đà) 76.
 Nguyễn Khoái 17.
 Nguyễn Mạnh Cầm 26, 29, 56ct., 94.
 Nguyễn Minh Triết 57ct.
 Nguyễn Ngọc Diệp 30.
 Nguyễn Nhuận 118.

- Nguyễn Phi Khanh
 (Nguyễn Ứng Long) 17,
 69-76.
 Nguyễn Phú Trọng 57ct.
 Nguyễn Phúc Ánh 123ct.
 Nguyễn Tấn Dũng 56ct.
 Nguyễn Thanh Giang 30,
 39.
 Nguyễn Thị Xuân Mỹ
 56ct.
 Nguyễn Trãi 17, 18,
 51ct., 69-76.
 Nguyễn Trọng Đàng 9.
 Nguyễn Văn An 56ct.
 Nguyễn Văn Bảy 118.
 Nguyễn Văn Linh 24,
 25, 42, 57ct., 92.
 Nguyễn Văn Trấn 121.
 Nixon, Richard 98, 110.
 Nông Đức Mạnh 25, 42,
 56ct., 102.
 Oustinov 91.
 Ô Đại Kinh 19.
 Ô Mã Nhi 17.
 Patenôtre, Jules 54ct.,
 57ct.
 Peterson, Peter 95.
 Phạm Ngũ Lão 17.
 Phạm Quế Dương 30.
 Phạm Thanh Ngân 57ct.
 Phạm Thế Duyệt 56ct.
 Phạm Văn Đồng 24, 40,
 77, 80, 84, 92, 98.
 Phạm Văn Trà 56ct.
 Phan Du 125ct.
 Phan Điền 57ct.
 Phan Đình Diệu 120.
 Phan Văn Khải 56ct.
 Phan Tiếp 17.
 Phương Thanh 120.
 Pinochet 123.
 Putin, Vladimir 82.
 Quách Quân Biện 13.
 Quách Quỳ 13.
 Quang Trung 19, 48.
 Quảng Vương (Tống Quảng
 Vương) 16.
 Rhee, Syngman (Lý Thừa Vãn)
 104ct.
 Ridgway, Matthews 105ct.
 Samrin, Heng 89.
 Sầm Nghi Đống 19.
 Si Tchen 54ct., 57ct.
 Stalin, Joseph 79, 106.
 Sullivan, Bill 109, 125ct.
 Teng Tcheng Sieou 54ct., 57ct.
 Thanh Cao Tông (Cần Long) 9,
 19, 49ct.
 Thanh Thế Tông (Ung Chính) 9,
 49ct.
 Thành Cát Tư Hãn (Genghis
 Khan) 113.
 Thoát Hoan 16, 17.
 Tiêu Dao Bảo Cự 120.
 Toa Đô (Sogatu) 16, 55ct, 103ct.
 Ton, Delfeuil de 121.
 Tôn Dẫn 13.
 Tôn Quyền 96.
 Tôn Sĩ Nghị 19.
 Tôn Toàn Hưng 12, 13.
 Tống Thái Tông 12.
 Tống Thần Tông 13.

- Trần Anh Tông 100.
 Trần Bình Nam 30.
 Trần Di Ái 46.
 Trần Dũng Tiến 30.
 Trần Đại Sỹ 30.
 Trần Độ 30, 57ct.
 Trần Đức Lương 26, 56ct., 95, 102.
 Trần Ích Tắc 46.
 Trần Khâm Tô 12, 13.
 Trần Lưu 18.
 Trần Quang Lê 30.
 Trần Quốc Nghiệm 17.
 Trần Quốc Tuấn (Hưng Đạo Đại Vương) 100.
 Trần Tuấn Khải 65, 68.
 Trần Văn Hữu 56ct.
 Triệu Phụng Huân 13
 Triệu Tiết 13.
 Trình Bằng Phi 17.
 Trịnh Hoà (Cheng Ho) 103ct.
 Truman, Harry 108.
 Trương Ngọc 17.
 Trương Quân 17.
 Trương Tấn Sang 56ct.
 Trương Văn Hổ 17.
 Tư Mã Ý 96.
 Tự Đức 9.
 Ung Chính (Yung-chen) (Thanh Thế Tông) 9, 49ct.
 Vi Quốc Thanh (Wei Guoqing) 84.
 Voroshilov, Kliment 79.
 Võ Tánh 123ct.
 Võ Văn Kiệt 57ct., 91, 124ct.
 Vũ Đình Huỳnh 120, 126ct.
 Vũ Khoan 20, 84, 95.
 Vũ Thư Hiên 126ct.
 Vương An Thạch 13.
 Vương Di (Wang Yi) 26.
 Walters, Barbara 117.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Xuân Quang *La troisième guerre d'Indochine 1975-1999, Sécurité et géopolitique en Asie du Sud-Est.* Nxb. L'Harmattan, Paris, 2000.
 Bowman, John S. *The Vietnam War, Day by Day* [Chiến tranh Việt Nam, việc từng ngày], Mallard Press, New York, 1989.
 Chính Đạo *Việt Nam niên biểu, 1939-1975*, Tập B: 1947-1954, Nxb. Văn Hóa, Houston, 1997.
 Chính Đạo *Việt Nam niên biểu 1939-1975*, Tập I-C: 1955-1963, Nxb. Văn Hoá, Houston, 2000.
 Duiker, William J. *Ho Chi Minh*, Nxb. Hyperion, New York, 2000.

- Đào Duy Anh *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, in lần thứ 2, 1997.
- Đoàn Thêm *Hai mươi năm qua: 1945-1964, việc từng ngày*, [Sài Gòn, 1965], Nxb. Xuân Thu, Los Alamitos, California, tái bản không đề năm.
- Hà Văn Tấn và Phan Thị Tâm *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13*, in lần thứ ba, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- Holmgren, Jennifer *Chinese Colonisation of Northern Vietnam*, Australian National University Press, Canberra, 1980.
- Hữu Ngọc và Nguyễn Đức Hiền *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* [Hoàng Xuân Hãn toàn tập], Nxb. Giáo Dục, Hà Nội 1998.
- Massu, Jacque và Fonde, Jean-Julien *L'aventure Việt-Minh*, Nxb. Plon, Paris, 1980.
- Ngô Sĩ Liên [và nhiều sử gia] *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- Nguyễn Đình Tuyển *Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh tại Việt Nam 1945-1975*, Houston, Texas, 1995.
- Nguyễn Hiến Lê *Hồi ký tập III*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1988.
- Nguyễn Minh Cần *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997.
- Nguyễn Tiến Hưng and Schester, Jerrold L. *The Palace File*, Harper & Row, Publishers, New York, 1986, tr. 350. [Sách *The Palace File* được các ông Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm chuyển dịch sang tiếng Việt dưới nhan đề *Hồ sơ dinh Độc Lập*, với một số thay đổi, do Nguyễn Tiến Hưng, Chu Xuân Viện nhuận sắc, Nxb. C & K Promotions, Inc., Los Angeles, không đề năm xuất bản.
- Nguyễn Văn Tân *Từ điển địa danh lịch sử văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999.
- Quốc sử quán triều Nguyễn * *Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch của Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội 1957.

- * *Đại Nam nhất thống chí*, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1997.
- Reischauer, Edwin
và Fairbank, John K.
Salaun, Louis
Thế Nguyên, Diễm
Châu và Đoàn Tường
Trần Trọng Kim
East Asia: The Great Tradition, Houghton Mifflin Company, Boston, 1960.
- Trần Tuấn Khải
L'Indochine, Imprimerie Nationale, Paris, 1903.
Đông Dương 1945-1973, Nxb. Trình Bày, Sài Gòn, 1973.
- Tucker, Spencer C.
(chủ biên)
Việt Nam sử lược [in lần đầu tại Hà Nội năm 1920], Nxb Tân Việt, Sài Gòn, in lần thứ 7, 1964.
- Tướng Vĩnh Kính,
Bút quan hoài, Hồn tự lập II, Nhà in Xương Ký, Hà Nội, 1927.
- Vũ Thư Hiên
Encyclopedia of the Vietnam War, a Political, Social, and Military History, Volume Two, Santa Barbara, California, 1998.
- Warner, Roger
Nhất cá Việt Nam dân tộc chủ nghĩa đích nguy trang giả [Một kẻ nguy trang chủ nghĩa dân tộc Việt Nam], Nxb. Truyện Ký Văn Học, Đài Bắc, 1972, bản dịch của Thượng Huyền, *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1999.
- Đêm giữa ban ngày (hồi ký chính trị của một người không làm chính trị)*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997.
- Shooting at the Moon* [Bắn trăng], Steerforth Press, South Royalton, Vermont, 1996.

BÁO CHÍ:

Các báo trên mạng lưới thông tin quốc tế (Internet), theo địa chỉ: Saigonbao.com . Sau đó, từ địa chỉ này, vào các báo: *Con Ong, Diễn Đàn Dân Chủ, Hận Nam Quan, Người Việt Online, Thông Điện Xanh, Thông Luận, Việt Báo Online, Việt Mercury, Việt Nam Dân Chủ, Việt Nam Nhật Báo*.

Khi trích dẫn các báo trên đây, các bài viết đều có ghi số báo, ngày, tháng cụ thể.



Từ ải Nam Quan đi lên, bức tường phân chia ranh giới Việt-Hoa theo đường phân thủy. (Hình của *National Geographic Magazine*, tháng 8-1931. Báo *Kiến Quốc*, số 2, tháng 2-2002, đăng lại. Giáo sư Nguyễn Văn Canh đưa lên Internet.)

DỰ LUẬN BÁO CHÍ về sách *Án tích cộng sản Việt Nam*:

Con Ong, Boston, Internet, ngày 29-10-2000 và **Thời Báo**, San Jose, các số 3163, 3164, 3165 từ ngày 8 đến 10-11-2001:

“... *Cái khéo của tác giả Trần Gia Phụng trong tác phẩm này là việc trình bày những án tích của CSVN một cách rất khoa học, khách quan, và lịch sự kèm theo các dẫn chứng và tài liệu cùng nhân chứng khả tín để giải mã những thủ đoạn và âm mưu dã man đê hèn của CSVN... Phần đặc biệt và hiếm quý trong sách này là phần “Chú Thích” khá dài sau mỗi bài. Phần chú thích này là phần giải thích thêm một cách rất đầy đủ các chi tiết để giúp độc giả hiểu thấu đáo về lai lịch và nguồn gốc những gì đã được tác giả trình bày trong sách. Ngoài ra, phần chú thích này còn là nguồn tài liệu tham khảo rất có giá trị cho những ai muốn đi sâu vào công cuộc nghiên cứu liên quan đến những tài liệu đã được trình bày... Tập biên khảo này có giá trị của một cuốn sách về sử liệu để đời giúp cho toàn dân Việt hiện nay và mai hậu học hỏi được những bài học đích đáng để đối phó với CSVN hiện nay...*” (Phạm Kim Thư, Toronto)

Ngày Nay, Houston, số 474, ngày 1-2-2002, Mừng Xuân năm Nhâm Ngọ:

“... *Còn như sử gia Trần Gia Phụng thì trong một thời gian kỷ lục, từ ngày ông rời Việt Nam đi Canada đến nay, ông đã xuất bản được sáu cuốn sử rất giá trị, phần lớn về lịch sử cận hiện đại của nước ta trong thế kỷ 20. Cuốn mới đây nhất là cuốn *Án tích cộng sản Việt Nam*, có tham vọng trở thành một “sách đen về các tội ác của đảng CSVN”, viết khá chi ly và cẩn trọng...*” (Nguyễn Ngọc Bích, Washington D.C.)

Thời Luận, Los Angeles, ngày 6-2-2002, và **Rạng Đông**, Phoenix, Arizona, số 146, ngày 15-2-2002:

“... *Tác giả Trần Gia Phụng đã công phu tham khảo nhiều sách báo cổ kim cả trong và ngoài nước, cả Việt ngữ lẫn Anh, Pháp ngữ để tổng hợp lại những tội ác của cộng sản Việt Nam từ đầu thập niên 1920 tới ngày nay... Để tránh cho độc giả khỏi nghi ngờ có khi tác giả đặt thêm ra những sự kiện, nên Trần Gia Phụng theo đúng lề lối biên khảo đều ghi rõ xuất xứ trích dẫn ở cuối sách và cuối mỗi chương... Nói tổng quát *Án Tích Cộng Sản Việt Nam* là một cuốn sách có giá trị và cần thiết cho tủ sách Việt ngữ viết về cộng sản, cần lưu giữ lâu dài để đối lại với những sách cả tụng cộng sản trơ trẽn xuất bản trong nước hay những sách thiên cộng của nhiều tác giả nước ngoài...*” (Đặng Trần Huân, West Covina, California)

Cùng một tác giả:

TRUNG KỲ DÂN BIẾN 1908
biên khảo, Toronto, 1996

NHỮNG CÂU CHUYỆN VIỆT SỬ
biên khảo, Toronto, 1997

NHỮNG CUỘC ĐẢO CHÁNH
CUNG ĐÌNH VIỆT NAM
biên khảo, Toronto, 1998

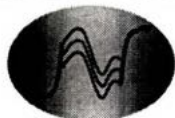
NHỮNG CÂU CHUYỆN VIỆT SỬ tập 2
biên khảo, Toronto, 1999

NHỮNG KỶ ÁN TRONG VIỆT SỬ
biên khảo, Toronto, 2000

QUẢNG NAM TRONG LỊCH SỬ
biên khảo, Toronto, 2000

ÁN TÍCH CỘNG SẢN VIỆT NAM
biên khảo, Toronto, 2001

ẢI NAM QUAN
biên khảo, Toronto, 2002



Nxb. NON NƯỚC
Toronto, 2001

Ấn ph.

TU DO BOOKS

10